

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

ĐÀO ANH TUẤN

**DI SẢN VĂN HÓA THÁI Ở BẢN BON,
XÃ MUỜNG CHIÊN, HUYỆN QUỲNH NHAİ (SƠN LA)
VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÒNG HỒ SÔNG ĐÀ**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ VĂN HÓA
Khóa 3 (2015 - 2017)**

Hà Nội, 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

ĐÀO ANH TUẤN

**DI SẢN VĂN HÓA THÁI Ở BẢN BON,
XÃ MUỜNG CHIÊN, HUYỆN QUỲNH NHAI (SƠN LA)
VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÒNG HỒ SÔNG ĐÀ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Quản lý Văn hóa

Mã số: 60310642

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN HỮU THỨC

Hà Nội, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Luận văn là kết quả quá trình nghiên cứu của tác giả, với sự hướng dẫn của thầy giáo PGS.TS. Nguyễn Hữu Thức, Khoa Văn hóa Nghệ thuật, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương. Nội dung nghiên cứu và kết quả nghiên cứu trong luận văn là khách quan, trung thực và chưa từng công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào trước đây. Những trích dẫn, số liệu trong luận văn phục vụ cho việc phân tích, nghiên cứu, đánh giá được tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau, có ghi trong phần tài liệu tham khảo.

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước Khoa Sau Đại học, Trường Đại học Sư Phạm Nghệ thuật Trung ương, Hội đồng chấm luận văn về kết quả của luận văn.

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Tác giả luận văn

Đào Anh Tuấn

DANH MỤC VIẾT TẮT

BCH	Ban Chấp hành
BNV	Bộ nội vụ
BVHTTDL	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
CNH	Công nghiệp hóa
DSVH	Di sản Văn hóa
HD	Hướng dẫn
HĐH	Hiện đại hóa
HĐND	Hội đồng nhân dân
HTX	Hợp tác xã
KH	Kế hoạch
KT – XH	Kinh tế - Xã hội
NQ	Nghị quyết
Nxb	Nhà xuất bản
PATA	Hiệp hội Du lịch Châu Á - Thái Bình Dương
PGS	Phó Giáo sư
QĐ	Quyết định
SVHTTDL	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
TS	Tiến sĩ
Tr	Trang
TT	Thông tư
TTg	Thủ tướng
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc
VHTT	Văn hóa, Thông tin

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DI SẢN VĂN HÓA VÀ TỔNG QUAN BẢN BON, XÃ MUỜNG CHIÊN, HUYỆN QUỲNH NHAI (SƠN LA) VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÒNG HỒ SÔNG ĐÀ.....	12
1.1. Cơ sở lý luận	12
1.1.1. Các khái niệm.....	12
1.1.2. Phân loại di sản văn hóa.....	22
1.1.3. Quản lý di sản văn hóa	25
1.2. Tổng quan về bản Bon và du lịch lòng hồ sông Đà	27
1.2.1. Tổng quan về bản Bon	27
1.2.2. Tổng quan về du lịch lòng hồ sông Đà	30
1.3. Vai trò của di sản văn hóa Thái ở bản Bon với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà.....	33
1.3.1. Di sản văn hóa Thái ở bản Bon góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Thái.....	33
1.3.2. Di sản văn hóa Thái ở bản Bon là sản phẩm du lịch lòng hồ sông Đà .	34
1.3.3. Di sản văn hóa Thái ở bản Bon thúc đẩy kinh tế phát triển.....	35
1.3.4. Di sản văn hóa Thái ở bản Bon điểm đến giao lưu văn hóa các tộc người .	36
Tiểu kết.....	37
Chương 2: THỰC TRẠNG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA THÁI Ở BẢN BON VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÒNG HỒ SÔNG ĐÀ .	39
2.1. Di sản văn hóa Thái ở bản Bon.....	39
2.1.1. Di sản văn hóa vật thể	39
2.1.2. Di sản văn hóa phi vật thể	43
2.2. Chủ thể quản lý di sản văn hóa và du lịch	49
2.2.1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Sơn La	49

2.2.2. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Quỳnh Nhai	51
2.2.3. Ban Văn hóa Thông tin xã Mường Chiên	52
2.3. Công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Thái ở bản Bon với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà	53
2.3.1. Chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước	53
2.3.2. Sưu tầm, nghiên cứu xác định giá trị di sản văn hóa Thái ở bản Bon ..	56
2.3.3. Tuyên truyền, quảng bá các giá trị của di sản văn hóa	57
2.3.4. Phục hồi khai thác và phát huy các giá trị của di sản văn hóa phục vụ du lịch	59
2.3.5. Thanh tra, kiểm tra	62
2.3.6. Vai trò của cộng đồng trong bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Thái ở bản Bon với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà	63
2.4. Đánh giá chung	66
2.4.1. Ưu điểm	66
2.4.2. Hạn chế	67
Tiểu kết	68
Chương 3: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA THÁI Ở BẢN BON GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÒNG HỒ SÔNG ĐÀ	70
3.1. Định hướng bảo tồn và phát huy di sản văn hóa người Thái ở huyện Quỳnh nhai gắn với phát triển du lịch	70
3.1.1. Định hướng của Đảng	70
3.1.2. Định hướng của Nhà nước	72
3.2. Một số giải pháp	79
3.2.1. Nhận thức	79
3.2.2. Quy hoạch	82
3.2.3. Quản lý các giá trị di sản văn hóa Thái ở bản Bon phục vụ du lịch	84
3.2.4. Tăng cường sở sở vật chất	86

3.2.5. Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	88
3.2.6. Vai trò của cộng đồng	90
3.2.7. Thanh tra, kiểm tra	92
Tiểu kết.....	93
KẾT LUẬN	95
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	98

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Việt Nam là một quốc gia đa tộc người, với 54 dân tộc anh em. Các tộc người khác nhau về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đã hình thành các vùng văn hóa khác nhau. Văn hóa gắn liền với toàn bộ cuộc sống và sự phát triển của xã hội. Con người ra đời, trưởng thành là nhờ văn hóa, hướng tới tương lai cũng từ văn hóa. Bảo tồn, phát huy văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực để thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội, góp phần phát triển bền vững đất nước. Tuy nhiên, những khó khăn và thách thức đã và đang đặt ra đối với ngành văn hóa đặc biệt trong việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc trong quá trình hội nhập và giao lưu văn hóa thế giới.

Thiên nhiên ban tặng cho Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn một cảnh quan kỳ thú, cùng nhiều danh lam thắng cảnh đẹp. Nơi đây cộng cư của các dân tộc anh em, trong đó dân tộc Thái chiếm đa số. Tộc người Thái có dân số đông thứ hai trong tổng số 53 dân tộc thiểu số của Việt Nam, trong đó, một bộ phận lớn người Thái sinh sống ở tỉnh Sơn La. Cũng như các dân tộc khác, dân tộc Thái ở Quỳnh Nhai có một nền văn hóa đặc sắc, góp phần làm phong phú những giá trị của nền văn hóa Việt Nam. Những năm gần đây, đất nước ta bước vào thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới. Kinh tế thị trường tác động không nhỏ đến nền văn hóa truyền thống dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, văn hóa của dân tộc Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La không nằm ngoài những tác động đó. Nhiều năm qua, Quỳnh Nhai luôn là điểm đến của khách du lịch, một trong những điểm thu hút khách du lịch là bản Bon, xã Mường Chiên. Đến bản Bon là đến với di sản văn hóa Thái, di tích trung tâm huyện Quỳnh Nhai cũ và du lịch sinh thái lòng hồ sông Đà.

Những năm gần đây, do sự thay đổi về điều kiện sống, sau khi nhà máy thủy điện Sơn La đóng đập. Mực nước dâng cao, một số bản làng Thái của huyện Quỳnh Nhai trong đó có bản Bon chìm trong biển nước. một phần dân số của bản Bon phải di chuyển lên vùng cao hơn, cùng với tác động của nền kinh tế thị trường, về nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Các dịch vụ du lịch lòng hồ được ra đời nhưng chưa được đầu tư đúng cách, hầu hết các dịch vụ là tự phát của người dân địa phương, dẫn đến nguy cơ biến đổi làm mất đi bản sắc vốn có của văn hóa truyền thống dân tộc Thái. Chính vì vậy, vấn đề bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Thái như thế nào để vừa giữ gìn bản sắc tộc người vừa thúc đẩy phát triển kinh tế, du lịch ở bản Bon và huyện Quỳnh Nhai đang là vấn đề cấp thiết đặt ra.

Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc, tạo điều kiện để vùng Tây Bắc phát triển đồng đều và vững chắc, đóng góp vào việc thực hiện mục tiêu chung của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của tộc người Thái ở huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La là một vấn đề mang tính thời sự, cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Là người sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Sơn La, sống gần gũi với đồng bào Thái Sơn La, tác giả yêu quý nền văn hóa của dân tộc Thái, đồng thời nhận thức được tầm quan trọng của các giá trị văn hóa Thái. Với mong muốn tìm hiểu giá trị của di sản văn hóa tộc người Thái ở bản Bon gắn với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà, tác giả chọn đề tài: ***“Di sản văn hóa Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai (Sơn La) với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà”*** làm đề tài Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý Văn hóa. Qua luận văn, tác giả muốn góp phần vào việc nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý DSVH trên địa bàn, nhằm bảo tồn và phát huy di sản văn hóa người Thái một cách bền vững, đồng thời tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường

công tác quản lý DSVH gắn với phát triển du lịch ngày một sâu sát và hiệu quả hơn.

2. Lịch sử nghiên cứu

2.1. Một số công trình nghiên cứu liên quan đến di sản văn hóa và du lịch sinh thái

2.1.1. Tài liệu liên quan đến di sản văn hóa

Công trình *Việt Nam văn hóa sử cương* của học giả Đào Duy Anh, in lần đầu vào năm 1938, được xem là một trong những công trình nghiên cứu đầu tiên về di sản văn hóa, ông có quan điểm:

Các bi kịch hiện thời của dân tộc ta là sự xung đột của những giá trị cổ truyền của văn hóa cũ ấy (di sản) với những điều mới lạ của văn hóa Tây phương. Cuộc xung đột sẽ giải quyết thế nào, đó là một vấn đề quan hệ đến cuộc sinh tử tồn vong của dân tộc ta vậy. Nhưng muốn giải quyết thì phải nhận rõ chân tướng của bi kịch ấy, tức là một mặt phải xét lại cho biết nội dung của văn hóa xưa là thế nào, một mặt phải nghiên cứu cho biết chân giá trị của văn hóa mới [1,tr.9].

Năm 1997, tác giả Hoàng Vinh công bố cuốn sách *Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc*. Cuốn sách đưa ra hệ thống lý luận về di sản văn hóa, vận dụng những quan điểm về di sản văn hóa trên thế giới vào thực tiễn ở Việt Nam..

Trên *Tạp chí Cộng sản* số 20, năm 2003, tác giả Nguyễn Văn Huy có bài *Một số vấn đề để bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa các dân tộc hiện nay*, trong đó có đề cập đến vấn đề lý luận và thực tiễn của công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di sản văn hóa trên phạm vi cả nước.

Công trình *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa* đã tập hợp nhiều bài viết về lý luận và thực tiễn liên quan đến di sản văn hóa. Trong đó có các bài:

Khảo cổ học với công tác bảo vệ và phát huy di sản văn hóa của tác giả Vũ Quốc Hiền. Bảo tồn di tích, nhân tố quan trọng của phát triển bền vững của tác giả Lê Thành Vinh. Di tích lịch sử và văn hóa đồng bằng sông Hồng của tác giả Đặng Văn Bài...

Năm 2007, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xuất bản cuốn *Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể* trong đó có nhiều bài viết về di sản văn hóa như: *Văn hóa phi vật thể: Bảo tồn và phát huy* của tác giả Ngô Đức Thịnh. *Bối cảnh, nhận thức và quá trình xây dựng Công ước về bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể* của Rieks Smeerts. *Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể và những quy tắc nên theo* của hai nhà nghiên cứu Trung Quốc là Cổ Quân và Uyển Lợi... Những bài nghiên cứu này nêu những cách tiếp cận khác nhau trong việc bảo tồn, phát huy giá trị của di sản văn hóa nói chung và văn hóa phi vật thể nói riêng.

Tác giả Ngô Phương Thảo có bài *Bảo vệ di sản, cuộc chiến từ những góc nhìn*, trong đó có đoạn :

Mỗi ngày, di sản văn hóa càng đối mặt với nhiều nguy cơ, xuất phát từ những hệ lụy của cuộc sống hiện đại. Cũng mỗi ngày, ý thức về trách nhiệm phải gìn giữ các giá trị văn hóa đã tồn tại với thời gian càng lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội, trong mỗi cộng đồng để dẫn tới những chương trình dự án ngày càng có hiệu quả hơn trong việc gìn giữ các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể [48].

Năm 2013, Nxb Lao Động xuất bản cuốn *Luật di sản văn hóa (được sửa đổi, bổ sung năm 2009)*. Đây là văn bản quy phạm pháp luật cao nhất trong lĩnh vực quản lý nhà nước về di sản văn hóa đã được Quốc hội khóa XII, kì họp thứ 5 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2009.

2.1.2. Tài liệu liên quan đến du lịch sinh thái

Tác giả Lê Huy Bá có cuốn *Du lịch sinh thái* (Ecotourism), cuốn sách có đề cập đến một số nội dung như sau:

- + Việt Nam có tiềm năng lớn để phát triển Du lịch sinh thái.
- + Theo đánh giá của Hiệp Hội Du Lịch Châu Á - Thái Bình Dương (PATA), Du lịch sinh thái ở Việt Nam đang có chiều hướng phát triển và có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất về tỉ trọng trong ngành du lịch.
- + Nơi nào còn giữ được nhiều khu thiên nhiên tự nhiên, có được sự cân bằng sinh thái thì nơi đó sẽ có tiềm năng phát triển tốt về du lịch sinh thái và thu hút được nguồn khách du lịch...
- + Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương [8].

Tác giả Phạm Trung Lương chủ biên cuốn *Du lịch sinh thái, những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*. Cuốn sách xuất bản nhân dịp Liên hợp quốc Quyết định lấy năm 2002 là Năm Quốc tế về du lịch sinh thái, góp phần nâng cao hiểu biết của xã hội về loại hình du lịch sinh thái, cung cấp những thông tin tham khảo bổ ích cho công tác hoạch định chính sách, quản lý, điều hành, hướng dẫn du lịch... Quyết định số: 91/2008/QĐ-BVHTTDL, ngày 30 tháng 12 năm 2008, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Trung du, miền núi Bắc Bộ đến năm 2020, phạm vi quy hoạch bao gồm 14 tỉnh, trong đó có tỉnh Sơn La. Mục tiêu của quy hoạch chỉ rõ: Góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và đóng góp của ngành du lịch vào sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du, miền núi Bắc Bộ; đảm bảo phát triển du lịch gắn với yêu cầu giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và phát triển du lịch bền vững.

2.2. Một số công trình nghiên cứu liên quan đến đối tượng nghiên cứu của đề tài

2.2.1. Công trình liên quan đến di sản văn hóa dân tộc Thái

Nghiên cứu, tìm hiểu lý luận và thực tiễn di sản văn hóa Thái đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, với một số công trình nghiên cứu tiêu biểu như:

Xòe Thái của tác giả Lâm Tô Lộc, nhà xuất bản Văn hóa năm 1985. Phân tích những điệu múa dân gian, một di sản văn hóa phi vật thể rất đặc trưng và mang bản sắc riêng của người Thái.

Cuốn *Di sản văn hóa phi vật thể của người Thái ở Mai Châu* của tác giả Nguyễn Hữu Thức. Đề cập đến công tác bảo tồn và phát huy các loại hình di sản văn hóa phi vật thể của người Thái trên địa bàn huyện Mai Châu. Qua đó, cuốn sách đã phần nào làm rõ được di sản văn hóa của người Thái nói chung và người Thái Mai Châu nói riêng.

Văn hóa dân gian người Thái vùng Mộc Châu, Phù Yên, Bắc Yên tỉnh Sơn La, Nxb Đại Học Quốc Gia Hà Nội, 2011, tác giả Lò Vũ Vân. khái quát về vùng đất và nguồn gốc người Thái ở Mộc Châu, Phù Yên, Bắc Yên tỉnh Sơn La, phong tục, nghi lễ, những bài ca lễ tiêu biểu của dân tộc Thái. nơi đây.

Ngoài ra còn có một số công trình liên quan đến hướng nghiên cứu này như: *Văn hóa và lịch sử người Thái ở Việt Nam* của Chương trình Thái học Việt Nam. Tuyển tập *Giữ gìn, phát huy di sản văn hóa các dân tộc Tây Bắc* của nhiều tác giả. công trình *Văn hóa các dân tộc Tây bắc Việt Nam* của tác giả Hoàng Lương.

Vấn đề văn hóa các dân tộc thiểu số, đặc biệt là văn hóa của tộc người Thái đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Nhiều công trình khoa học, bài báo và đầu sách nghiên cứu ở những góc độ và phạm vi khác nhau, có thể kể đến một số tác phẩm như: *Tìm hiểu văn hóa vùng các dân tộc thiểu số* của Lò Giàng Páo Nxb Văn Hóa Dân Tộc, Hà Nội, 1997.

Cầm Trọng với cuốn: *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1978. *Tìm hiểu văn hóa dân tộc Thái ở Việt Nam* của Cầm Cường, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1993. *Vài nét về người Thái Sơn La* của tác giả Vì Trọng Liên, Nxb Văn Hóa Dân Tộc, Hà Nội, 1997.

2.2.2. Tài liệu liên quan đến huyện Quỳnh Nhai và bản Bon xã Mường Chiên

Báo cáo tổng hợp điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2013, Tổng cục Du lịch, Viện Nghiên cứu phát triển du lịch, năm 2014, có quy hoạch và kiến nghị đối với Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bổ sung danh mục khu du lịch lòng hồ Sơn La thành khu du lịch quốc gia cho giai đoạn phát triển 2020 - 2030.

Quyết định số: 1276/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2013 của UBND tỉnh Sơn La *Phê duyệt Đề án khôi phục, tôn tạo các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, bảo tồn và phát huy các lễ hội truyền thống, gắn với triển khai các đề tài khoa học giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc ít người ở Sơn La thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa..*

Quyết định Số: 1489/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2013 của UBND tỉnh Sơn la về việc *Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 01/4/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển du lịch giai đoạn 2013 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030.*

Lịch sử Đảng bộ huyện Quỳnh Nhai (1945 - 1995), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, tháng 10 năm 2000.

Quyết định Số: 3244/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Sơn La ban hành kế hoạch triển khai thực hiện *Quy hoạch phát triển du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030* Cụ thể hoá các định hướng, mục tiêu về xây dựng, phát triển du lịch vùng lòng hồ thủy điện Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn 2030 gắn với việc thực hiện Nghị

quyết số: 19/NQ-TU ngày 01/4/2013 của Ban thường vụ Tỉnh uỷ về phát triển du lịch đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030.

Đề tài: “*Nghiên cứu tiềm năng du lịch sinh thái và nhân văn huyện Quỳnh Nhai*”, do Đoàn Việt làm chủ nhiệm đề tài, Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, năm 2013.

2.3. Nhận xét chung về tình hình nghiên cứu và những vấn đề nghiên cứu trọng tâm của luận văn

2.3.1. Nhận xét chung về tình hình nghiên cứu

Từ những nguồn tư liệu liên quan đến đối tượng nghiên cứu của đề tài cho thấy, di sản văn hóa người Thái và du lịch đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả. Các công trình đi trước đã cung cấp hệ thống nhiều vấn đề về di sản văn hóa và di sản văn hóa của người Thái ở khu vực Tây bắc. Những công trình này đã chỉ ra những đặc trưng của di sản văn hóa Thái, những tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, du lịch lòng hồ sông Đà trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai và Tỉnh Sơn La.

Tuy nhiên, xuất phát từ những mục đích nghiên cứu khác nhau nên các công trình đi trước tiếp cận ở góc độ dân tộc học hay miêu thuật phong tục tập quán, cuộc sống hằng ngày của người Thái. Chưa tập trung nghiên cứu làm rõ mối liên kết giữa bảo tồn và phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch, trong đó có vấn đề bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của người Thái ở bản Bon với du lịch lòng hồ sông Đà, huyện Quỳnh Nhai.

2.3.2. Những vấn đề nghiên cứu trọng tâm của luận văn

Trên cơ sở kế thừa nguồn tài liệu đã có, tác giả tìm hiểu các giá trị di sản văn hóa truyền thống của người Thái tại bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, đồng thời đưa ra các giải pháp quản lý nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc Thái gắn với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà ở huyện Quỳnh Nhai.

Với mã ngành nghiên cứu là quản lý văn hóa, vấn đề nghiên cứu trọng tâm của luận văn là bàn về hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa của người Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên trong phát triển du lịch lòng hồ sông Đà ở huyện Quỳnh Nhai sao cho có hiệu quả. Bảo tồn di sản văn hóa Thái gắn với du lịch bền vững, không vì phát triển kinh tế du lịch mà đánh mất bản sắc của một vùng đất có lịch sử lâu đời với bề dày văn hóa tộc người. Đó là nội dung cốt lõi của công tác quản lý di sản văn hóa Thái ở huyện Quỳnh Nhai hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Khẳng định giá trị di sản văn hóa dân tộc Thái và đề xuất các giải pháp, định hướng nhằm bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai (Sơn La), phát triển thành sản phẩm du lịch lòng hồ sông Đà.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về di sản văn hóa và tổng quan về bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai (Sơn La). Vai trò của di sản văn hóa dân tộc Thái đối với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà.

- Phân tích thực trạng bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa của dân tộc Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai (Sơn La) với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà.

- Đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của người Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai (Sơn La) với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà, đưa di sản văn hóa Thái thành sản phẩm phục vụ du lịch của huyện Quỳnh Nhai.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu: công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của tộc người Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai (Sơn La) với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Trọng tâm nghiên cứu công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, cảnh quan sinh thái của người Thái trong phạm vi bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai (Sơn La) trong quan hệ với các điểm du lịch trên lòng hồ sông Đà của huyện Quỳnh Nhai.

- Về thời gian: Các vấn đề nghiên cứu được khảo sát trong giai đoạn từ tháng 1 năm 2010 (thời điểm nhà máy thủy điện Sơn La đóng đập, đi vào hoạt động) đến tháng 7 năm 2017.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu và giải quyết các vấn đề của Luận văn, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu, bao gồm:

- Phương pháp điền dã: gặp gỡ, trao đổi với các đối tượng trong quá trình điều tra khảo sát để đánh giá sát thực công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Thái gắn với du lịch lòng hồ sông Đà.

- *Phương pháp hệ thống - cấu trúc*: di sản văn hóa Thái tồn tại trong một không gian cụ thể và có những biến đổi nhất định theo diễn trình lịch sử. Do đó, phương pháp này được sử dụng nhằm nghiên cứu di sản văn hóa Thái một cách toàn diện, nhiều mặt trong mối quan hệ với việc khai thác các di sản trong các hoạt động du lịch sông Đà ở huyện Quỳnh Nhai.

- *Phương pháp tổng hợp, phân tích*: phương pháp này dùng để nghiên cứu các tài liệu khác nhau liên quan đến bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La và du lịch sinh thái, ở lòng hồ sông Đà. Từ những kết quả thu được, luận văn dùng phương pháp tổng hợp để liên kết từng mặt, từng bộ phận thông tin đã được

phân tích, tạo hệ thống đầy đủ và sâu sắc về khai thác, bảo tồn phát huy giá trị di sản Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai trong mối quan hệ với hoạt động du lịch lòng hồ sông Đà. Từ đó có những giải pháp phù hợp với thực tiễn đang diễn ra của hoạt động này trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai.

6. Những đóng góp của luận văn

- *Về khoa học*: Từ việc khẳng định các giá trị di sản của văn hóa Thái, luận văn góp phần làm rõ mối quan hệ giữa di sản văn hóa với hoạt động du lịch ở Quỳnh Nhai.

- *Về thực tiễn*: Là tài liệu tham khảo cho cán bộ quản lý ở huyện Quỳnh Nhai và bản Bon, xã Mường Chiên, nhằm xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Thái ở Quỳnh Nhai gắn với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà.

7. Cấu trúc của Luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận văn gồm có 03 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về di sản văn hóa và tổng quan bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai (Sơn La) với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà.

Chương 2: Thực trạng bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Thái ở bản Bon với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà.

Chương 3: Giải pháp bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Thái ở bản Bon gắn với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DI SẢN VĂN HÓA VÀ TỔNG QUAN BẢN BON, XÃ MƯỜNG CHIÊN, HUYỆN QUỲNH NHAI (SƠN LA) VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÒNG HỒ SÔNG ĐÀ

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Các khái niệm

1.1.1.1. Di sản văn hóa

Theo *Đại từ điển Tiếng Việt*, “di sản” được hiểu là: giá trị tinh thần và vật chất của văn hóa thế giới hay một quốc gia, một dân tộc để lại. Di sản văn hóa (DSVH) theo nghĩa Hán Việt là những tài sản văn hóa có giá trị của quá khứ còn tồn tại trong cuộc sống đương đại và tương lai. Di sản: *di* là để lại, còn lại, dịch chuyển, *sản* là tài sản, là những gì quý giá, có giá trị [68, tr.14].

Như vậy, di sản văn hóa là tài sản có giá trị do các thế hệ trước để lại, có vai trò quan trọng trong diễn trình văn hóa của mỗi quốc gia, nhân loại. Để hiểu được bản chất của di sản văn hóa, cần làm rõ khái niệm văn hóa trong phạm vi của lĩnh vực liên quan đến di sản văn hóa. Với quan niệm chung khá rộng của văn hóa khi cho rằng văn hóa là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần, do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử. Như khái niệm trên, sẽ có rất nhiều sản phẩm sáng tạo của con người nhưng không thể đưa vào khái niệm di sản văn hóa. Cũng chính lý do này mà nhiều quốc gia đã đưa ra những khái niệm về di sản văn hóa tương đối cụ thể, trong đó khái niệm về di sản văn hóa của Nhật bản là một điển hình.

Người nhật cho rằng: Những nhà cửa, các tác phẩm nghệ thuật, điêu khắc, những tác phẩm nghệ thuật thực dụng, những công trình có khắc chữ, các pho sách cổ điển, những tài liệu cổ và những sản phẩm văn hóa vật thể khác đều có một giá trị lịch sử và nghệ thuật cao của đất nước: bao gồm những khu vực đất đai và những vật liệu khác, gắn bó với nhau chặt chẽ và được đóng góp một giá trị tương ứng, những mẫu vật khảo cổ và những hiện

vật lịch sử khác có giá trị khoa học được gọi là di sản vật chất. Nghệ thuật và kĩ thuật sử dụng trong sân khấu, âm nhạc, nghệ thuật ứng dụng và những sản phẩm văn hóa phi vật chất khác, đều cho đất nước một giá trị lịch sử, nghệ thuật được gọi là di sản văn hóa phi vật chất.

Trong *Luật Di sản văn hóa* của Việt Nam, tại điều 1, cũng nêu rõ khái niệm của di sản văn hóa, đó là:

Di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam [38, tr.6].

Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới được thông qua bởi Đại hội đồng UNESCO ngày 16 tháng 11 năm 1972, xác định di sản văn hóa ở tầm thế giới gồm:

Các di tích: Các tác phẩm cấu trúc, tác phẩm điêu khắc và hội họa, các yếu tố hay cấu trúc có tính chất khảo cổ học, ký tự, nhà ở trong hang đá và công trình sự kết hợp giữa công trình xây dựng tách biệt hay liên kết lại với nhau mà do kiến trúc của chúng, do tính đồng nhất hoặc vị trí trong cảnh quan, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học.

Các di chỉ: Các tác phẩm do con người tạo nên hoặc các tác phẩm có sự kết hợp giữa thiên nhiên và nhân tạo và các khu vực trong đó có các di chỉ khảo cổ có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, thẩm mỹ, dân tộc học hoặc nhân chủng học.

Các quần thể: Các nhóm công trình đứng một mình hoặc quần tụ có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện lịch sử, nghệ thuật, hoặc sự nhất thể hóa của chúng vào cảnh quan.

Các thắng cảnh: Các công trình của con người hay công trình của con người kết hợp với tự nhiên, cũng như các khu vực kể cả di chỉ

khảo cổ học có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện lịch sử, thẩm mỹ, dân tộc học hoặc nhân chủng học [62].

Dù là quan điểm của mỗi quốc gia hay quan điểm chung đã được thông qua bằng công ước về di sản thế giới có khác nhau nhưng di sản văn hóa vẫn có những đặc điểm chính như:

Tính biểu trưng, tính lịch sử với những đặc trưng của thời đại và đại diện cho thời đại sinh ra chúng, tính truyền thống, tính nhạy cảm.

Như vậy, khái niệm di sản văn hóa có thể hiểu là tổng thể những giá trị vật thể và phi vật thể được hình thành, lưu truyền qua nhiều thế hệ, được các thế hệ sau tiến hành bảo tồn, phát huy những bản sắc riêng nhằm đáp ứng những nhu cầu của cuộc sống hiện tại. Di sản riêng và ký ức tập thể của mỗi địa vực hoặc cộng đồng là không gì thay thế được và là một nền tảng quan trọng cho phát triển, hôm nay và mai sau.

1.1.1.2. Quản lý

Theo Nguyễn Thịnh, trong cuốn “*Di sản văn hóa Việt Nam bản sắc và những vấn đề quản lý, bảo tồn*” có nêu:

Trong xã hội hiện đại, người ta cho rằng có 3 trụ cột lớn chống đỡ xã hội là: Quản lý - Khoa học - Kỹ thuật. Từ ý nghĩa trên, quản lý quyết định một xã hội, sự thành bại hưng suy của đơn vị. Mặt bằng quản lý một di sản văn hóa cao thấp, giỏi kém, đồng dạng tiền đồ và vận mệnh của di sản đó. Chỉ có thực hành khoa học quản lý, mới có thể làm cho các hạng mục của di sản văn hóa có trật tự, khiến các nhân viên mới “đắc kỳ sở”, mới làm cho di sản văn hóa phát huy hiệu ích xã hội, phục vụ kiến thiết tinh thần văn minh xã hội [53].

Ngày nay, quản lý học với việc quản lý di sản văn hóa có quan hệ mật thiết với nhau. Quản lý học đảm bảo việc vận hành các quy luật, giúp nghiên cứu các mối quan hệ, các khâu đồng bộ và trình tự. Quản lý học nghiên cứu

chức năng các bộ phận, nghiên cứu các trách nhiệm ở mỗi cương vị để đề ra nguyên tắc hoạt động tốt nhất.

Có rất nhiều khái niệm về quản lý nhưng chủ yếu tập trung vào hai vấn đề cơ bản: Quản lý là một hoạt động có hướng đích của chủ thể quản lý tác động lên đối tượng quản lý nhằm đạt mục tiêu của tổ chức. Quản lý là phương thức làm cho những hoạt động hoàn thành với hiệu quả cao. Chủ thể quản lý có thể là một cá nhân hay một nhóm người, một tổ chức. Đối tượng quản lý cũng có thể là một cá nhân hay một nhóm người, cộng đồng người hay một tổ chức nhất định. Quản lý là một quá trình liên tục, có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý tới đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu đề ra theo đúng luật định và thông lệ hiện hành.

** Quản lý trực tiếp di sản văn hóa*

Giáo trình *Quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch* có đề cập:

Xuất phát từ yêu cầu và tình hình thực tế của công tác quản lý di sản văn hóa ở nước ta trong những năm qua, có thể đưa ra **khái niệm quản lý di sản văn hóa** sau đây:

Quản lý di sản văn hóa là quá trình theo dõi, định hướng và điều tiết quá trình tồn tại và phát triển của các di sản văn hóa trên địa bàn cụ thể nhằm bảo tồn và phát huy tốt nhất giá trị của chúng; đem lại lợi ích to lớn, nhiều mặt, lâu dài cho cộng đồng dân cư chủ nhân của các di sản văn hóa đó [31].

Quản lý trực tiếp di sản văn hóa là dạng quản lý của các chủ thể quản lý dựa vào hệ thống pháp luật nhà nước, dựa vào sự hướng dẫn của cơ quan quản lý hành chính nhà nước để hiện thực hóa vào từng loại hình di sản cụ thể. Loại hình quản lý này mang tính chất dân sự, đề cao vai trò chủ thể của cộng đồng trong việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dưới hình thức tự quản.

** Tự quản của cộng đồng về di sản văn hóa*

Vai trò của cộng đồng đối với di sản văn hóa là hết sức quan trọng, PGS.TS Đặng Văn Bài cho rằng:

Di sản văn hóa phải được bảo vệ trên nguyên tắc dựa hẳn vào cộng đồng, phát huy tính tự quản, tự giác và chủ động của cộng đồng trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; thông qua các tổ chức quần chúng tự nguyện để giữ gìn, phát huy di sản văn hóa cũng như phát triển cộng đồng; giáo dục về nhận thức, niềm tin, định hướng giá trị, tinh thần vì cộng đồng để tạo ra sự đồng thuận xã hội - cơ sở của việc đoàn kết và liên kết xã hội; xử lý hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa cá nhân và cộng đồng, giữa các cơ quan quản lý di sản văn hóa, các nhà khoa học, các doanh nghiệp và cộng đồng [21].

Di sản văn hóa không thể đứng ngoài sinh hoạt của cộng đồng hoặc đứng ngoài không gian văn hóa của nó. Việc bảo tồn di sản văn hóa có sự tham gia của cộng đồng, dựa vào cộng đồng và vì cộng đồng là hình thức quản lý hiệu quả để lưu giữ và phát huy giá trị các di sản văn hóa mà cộng đồng nắm giữ.

Hình thức quản lý của cộng đồng dựa trên sự đồng thuận tự nguyện của người dân, cộng đồng hiểu rõ nhất về bản sắc văn hóa của họ và có quyền trước hết trong việc quyết định lựa chọn đối tượng văn hóa mà họ muốn bảo tồn. Cộng đồng cần tự nhận thức được vai trò quan trọng của chính mình, đồng thời được khuyến khích trong vấn đề lưu truyền, gìn giữ các di sản văn hóa thì vai trò tự quản của cộng đồng sẽ phát huy được hết tác dụng.

** Một số nguyên tắc quản lý di sản văn hóa*

Nguyên tắc quản lý nhà nước về văn hóa là những tư tưởng, quan điểm chỉ đạo tổ chức và hoạt động quản lý nhà nước trên lĩnh vực Văn hóa – Thông tin theo một thể thống nhất. Nguyên tắc quản lý nhà nước về Văn hóa – Thông tin ở nước ta là:

Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ

Nguyên tắc tập trung dân chủ, phân định rõ chức năng và nguyên tắc công khai

Trong đó nguyên tắc quản lý di sản văn hóa gồm:

- *Quản lý có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ*: Có kế hoạch tổng thể thống nhất từ trung ương tới địa phương. Cần xây dựng kế hoạch tổng thể khai thác những di sản văn hóa đáp ứng các yêu cầu, có phương án cụ thể quản lý cái đã có và những tình huống phát sinh từ thực tiễn.

- *Quản lý không phá vỡ không gian*: Không làm biến đổi cảnh quan thiên tạo, nhân tạo vốn có. Là nguyên tắc khai thác tối đa các giá trị của di sản văn hóa nhưng vẫn giữ được tính nguyên trạng của di sản văn hóa ở chính nơi di sản đã và đang tồn tại.

- *Khai thác đi đôi với công tác bảo tồn*: Quản lý theo nguyên tắc này để có sự hợp lý, hài hòa đảm bảo phát triển trong suốt quá trình khai thác các hệ thống giá trị của các di sản văn hóa. Tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi nhất để cộng đồng cư dân tham gia quá trình quản lý bảo tồn và khai thác giá trị của các di sản văn hóa.

- *Tôn trọng và đặt lợi ích của cộng đồng cư dân bản địa lên trên hết*: Là điều kiện tiên quyết và xuyên suốt trong quá trình quản lý di sản văn hóa. Rõ ràng, rành mạch và hợp lý trong phân chia lợi nhuận thu được từ việc khai thác, quản lý các di sản văn hóa.

- *Đảm bảo hài hòa lợi ích nhiều mặt của du khách và cư dân bản địa*.

- *Xuất phát từ thực tế, bám sát thực tế*: Là nguyên tắc quan trọng, bao trùm mọi mặt hoạt động của công tác quản lý di sản văn hóa. Bám sát thực tế vận động và phát triển là những động thái tích cực đem sự sống cho di sản, không tách rời di sản văn hóa khỏi cuộc sống. Chính nguyên tắc này sẽ có những điều chỉnh phù hợp trong công tác quản lý.

1.1.1.3. Bảo tồn

Có nhiều khái niệm, định nghĩa về thuật ngữ bảo tồn nhưng ta có thể hiểu định nghĩa bảo tồn như sau; bảo tồn di sản được hiểu như là các nỗ lực nhằm bảo vệ và giữ gìn sự tồn tại của di sản theo dạng thức vốn có của nó.

Quan điểm bảo tồn nguyên vẹn được khá nhiều học giả sử dụng, đặc biệt các nhà bảo tồn bảo tàng trong lĩnh vực di sản văn hóa. Những người theo quan điểm bảo tồn nguyên vẹn cho rằng: Những sản phẩm của quá khứ nên được bảo vệ một cách nguyên vẹn như nó vốn có, mỗi di sản chứa đựng những giá trị văn hóa xã hội nhất định, không phải lúc nào thể hệ hiện tại có thể hiểu hết một cách cụ thể để có thể phát huy những giá trị ấy một cách thích hợp hơn, những giá trị văn hóa ấy luôn biến đổi theo thời gian do những tác động của xã hội hiện tại. Với lớp văn hóa mà thể hệ trước chuyển giao cho thể hệ sau vì thế có thể làm cho các thể hệ sau nữa không thể truy nguyên được những giá trị di sản đang tồn tại. Vì vậy, những người theo quan điểm này cho rằng do chúng ta chưa có đủ thông tin, trình độ hiểu biết để có thể bảo tồn một cách tốt nhất giá trị của các di sản văn hóa, nên giữ nguyên trạng những di sản này để khi có điều kiện các thể hệ tiếp nối có thể xử lý, giải thích và tìm cách kế thừa, phát huy di sản một cách tốt hơn.

Quan điểm bảo tồn trên cơ sở kế thừa hiện nay được nhiều học giả quan tâm và là một xu thế khá phổ biến. Xem di sản như một ngành công nghiệp, cần phải có cách thức quản lý di sản tương tự với cách thức quản lý của một ngành công nghiệp văn hóa với những logic quản lý phù hợp với tính đặc thù của các di sản. Các nhà nghiên cứu Anh, Mỹ cho rằng không thể không đề cập đến phát triển du lịch trong vấn đề bảo tồn và phát huy di sản, cách thức của các nhà khoa học này sống động, gắn di sản văn hóa với phát triển du lịch, khẳng định tính đa dạng trong sáng tạo của con người.

Ngoài ra một số tác giả cũng cho rằng cần quan tâm lưu giữ các di sản văn hóa thông qua cách tiếp cận mới và phương tiện kỹ thuật mới. Nhìn theo quan điểm lý thuyết này, dựa trên cơ sở mỗi di sản cần phải được thực hiện nhiệm vụ lịch sử ở một thời gian và không gian cụ thể. Khi di sản tồn tại ở thời gian và không gian nhất định, cần phát huy giá trị văn hóa xã hội phù hợp với xã hội hiện tại và loại bỏ đi những gì không phù hợp với xã hội ấy.

1.1.1.4. Phát huy

Đất nước ta đang trong quá trình chuyển mình nhanh chóng để phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa. Cách mạng khoa học, công nghệ phát triển mạnh mẽ. Đáng chú ý nhất là sự trỗi dậy nhanh chóng và hợp tác của các nền kinh tế đang phát triển. Đây là thời cơ thuận lợi, thay đổi tương quan sức mạnh kinh tế của Việt Nam với các nền kinh tế khác trên thế giới, nhưng vẫn đề có tính chiến lược và đối sách trong việc xác định mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; mặt khác, phải ra sức phát huy tối đa nội lực, trong đó quan trọng nhất là nhân tố con người với những giá trị truyền thống, văn hóa tốt đẹp.

Hơn nữa, sự phát triển một xã hội, không bao giờ chỉ dừng lại ở sự tăng trưởng kinh tế, mà phải diễn ra trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như: kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa. Trong văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần XI năm 2011 nhiều lần khẳng định “*Phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển*”. Chính vì vậy, trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc nói chung và giá trị truyền thống của con người Việt Nam nói riêng là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

1.1.1.5. Du lịch

* *Khái niệm du lịch*

Du lịch là hoạt động xuất hiện từ rất lâu trong lịch sử tồn tại và phát triển của loài người. Nói đến du lịch là bàn một khái niệm liên quan đến việc trải nghiệm của một cá nhân hay nhóm người có mục đích, tìm hiểu về thế giới xung quanh, di chuyển, nghỉ ngơi trong một khoảng thời gian rảnh rỗi. Với cách tiếp cận này du lịch có mối liên hệ đến những lĩnh vực như giao thông vận tải, cơ sở nghỉ dưỡng, văn hóa, vui chơi giải trí. Hướng đến việc đáp ứng một hoặc đồng thời các yếu tố trên với mục đích thỏa mãn yêu cầu của người tham gia du lịch ở từng bậc khác nhau.

Có nhiều cách tiếp cận du lịch cụ thể là:

- *Tiếp cận theo quan điểm du lịch là một hiện tượng*: một số tác giả cho rằng: du lịch là tổng hợp các mối quan hệ hiện tượng và các hoạt động kinh tế, bắt nguồn từ các cuộc hành trình lưu trú của các cá nhân, hay tập thể rời nơi ở thường xuyên của họ. Du lịch là hiện tượng những người đi đến nơi không phải thường xuyên cư trú của mình bằng phương tiện vận tải và dùng các dịch vụ du lịch. Du lịch được hiểu theo hướng này là một hiện tượng ở dạng đơn giản mà chưa đề cập đến các yếu tố văn hóa, nhu cầu văn hóa.

- *Tiếp cận du lịch là một hoạt động*: một số tác giả cho rằng du lịch là hoạt động xảy ra khi con người vượt qua ranh giới giữa hai quốc gia nhằm mục đích giải trí hoặc công vụ và lưu trú ở đó ít nhất 24 giờ nhưng không quá một năm. Quan điểm này được hiểu là hoạt động của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm thỏa mãn nhu cầu thăm quan, giải trí, nghỉ dưỡng trong một thời gian dài hoặc trong thời gian nhất định. Cách tiếp cận này giải thích du lịch như một hiện tượng, một hoạt động, nhu cầu của du khách.

Liên quan đến đối tượng nghiên cứu của đề tài, trong đó khái niệm du lịch có mối quan hệ chặt chẽ với môi trường, bao gồm cả môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn, khái niệm trong Luật Du lịch năm 2005 là thích hợp

hơn cả: “Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyển đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định”. Khái niệm du lịch trong Luật Du lịch đã đề cập tổng hợp những hiện tượng hoạt động cũng như các mối quan hệ của con người trong hoạt động du lịch. Hoạt động Du lịch là tổng thể các hoạt động: của du khách, của các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch, của cộng đồng dân cư nơi tổ chức hoạt động du lịch.

Cách tiếp cận này đã bao quát các yếu tố liên quan đến nhu cầu con người trong hoạt động du lịch và tác động trực tiếp đến hệ thống các thiết chế văn hóa có liên quan. Để đáp ứng nhu cầu du lịch của con người, hoạt động du lịch có thể phân nhóm tùy theo các tiêu chí khác nhau cụ thể là:

- *Phân theo môi trường tài nguyên*: du lịch thiên nhiên, du lịch văn hóa.
- *Phân theo mục đích chuyển đi*: du lịch tham quan, du lịch giải trí, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch khám phá, du lịch thể thao, du lịch lễ hội, du lịch hội nghị.
- *Phân theo đặc điểm địa lý của điểm du lịch*: du lịch biển, du lịch vùng núi hay du lịch miền quê. Phân theo hình thức tổ chức du lịch: tập thể du lịch và du lịch gia đình.

** Du lịch sinh thái*

Hiện nay, du lịch sinh thái đang là một xu thế phát triển, nó được xem là loại hình du lịch thiên nhiên kết hợp nâng cao trách nhiệm. Bảo tồn môi trường tự nhiên, các giá trị văn hóa bản địa, phát triển cộng đồng, đồng thời đem lại những nguồn lợi kinh tế to lớn, góp phần tích cực vào phát triển du lịch và phát triển kinh tế - xã hội.

Hiện nay, có nhiều quan điểm về khái niệm du lịch sinh thái như:

Nhà nghiên cứu tiên phong về loại hình du lịch này, Hector Ceballos Lascurain đã định nghĩa du lịch sinh thái như sau: “*Là du lịch đến những khu*

hưởng thụ tự nhiên ít bị ô nhiễm hoặc ít bị xáo trộn với những mục tiêu đặc biệt: nghiên cứu, trân trọng và thưởng ngoạn phong cảnh với giới động - thực vật hoang dã, cũng như những biểu thị văn hóa (cả quá khứ và hiện tại) được khám phá trong những khu vực này” [69].

Trong cuốn *Du lịch sinh thái*, những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam, tác giả cho rằng: *du lịch sinh thái là loại hình du lịch với những hoạt động có sự nhận thức mạnh mẽ về thiên nhiên và ý thức trách nhiệm đối với xã hội, hay nói một cách khác du lịch sinh thái là hình thức du lịch có trách nhiệm và không ảnh hưởng đến các khu bảo tồn thiên nhiên, không ảnh hưởng đến môi trường và góp phần duy trì, phát triển cuộc sống của cộng đồng người dân địa phương.*[30 ,tr.7]

Tóm lại, du lịch sinh thái là loại hình du lịch có một số đặc tính cơ bản như:

- Phát triển dựa vào những giá trị của thiên nhiên và văn hóa
- Được quản lý bền vững về môi trường sinh thái
- Có giáo dục và diễn giải về môi trường
- Có đóng góp cho những nỗ lực bảo tồn và phát triển cộng đồng.

1.1.2. Phân loại di sản văn hóa

Luật Di sản văn hóa xác định di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể.

1.1.2.1. Di sản văn hóa vật thể

Di sản văn hóa vật thể là một dạng thức tồn tại của văn hóa, chủ yếu dưới dạng vật thể hình khối, có chiều cao, chiều rộng, trọng lượng, đường nét, màu sắc, kiểu dáng tồn tại trong không gian và thời gian xác định. Có thể hiểu di sản văn hóa bao gồm toàn bộ những sản phẩm do sản xuất vật chất của con người tạo ra: Các công trình kiến trúc, công cụ sản xuất và sinh hoạt, đồ ăn, đồ mặc, các phương tiện đi lại.

Tại Điều 4, *Luật Di sản văn hóa* xác định di sản văn hóa vật thể là: *Di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, chính vì điều đó con người vừa là đối tượng sáng lập ra di sản văn hóa, vừa có vai trò bảo vệ những giá trị của chính mình* [38, tr.15.16].

Như vậy, di sản vật thể có đặc điểm được tạo ra từ bàn tay khéo léo của con người, để lại dấu ấn lịch sử rõ rệt. Di sản văn hóa vật thể được khách thể hóa và tồn tại như một thực thể ngoài bản thân con người, chịu sự thách thức theo quy luật bào mòn của thời gian, với những tác động tích cực và tiêu cực từ thời đại, con người thời đại mới và những biến đổi về giá trị văn hóa.

1.1.2.2. Di sản văn hóa phi vật thể

Di sản văn hóa phi vật thể bao gồm những hoạt động của con người trong quá trình sinh sống và lao động sản xuất, tinh thần của con người sáng tạo ra như: Phong tục, tập quán, lối sống, trong các mối quan hệ xã hội của con người, các quy ước thể hiện mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, giữa con người với tổ tiên.

Tác giả Nguyễn Thịnh nêu khái niệm di sản văn hóa phi vật thể như sau: Di sản văn hóa phi vật thể cũng có thể là tri thức liên quan đến việc sản xuất ra của cải, vật chất để duy trì sự sống và phát triển như sản xuất lương thực, y học dân gian, văn hóa ẩm thực, nghề thủ công hay còn có thể là các loại hình nghệ thuật biểu diễn như âm nhạc, múa rối. Các loại hình nghệ thuật ngôn từ như truyện kể, ca dao, dân ca và thành ngữ.

Tác giả Nguyễn Thịnh trong cuốn: *Di sản văn hóa Việt Nam bản sắc và những vấn đề quản lý, bảo tồn* đã liệt kê những di sản văn hóa phi vật thể như sau.

Di sản văn hóa phi vật thể bao gồm:

- a) Tiếng nói, chữ viết;
- b) Ngữ văn dân gian;

- c) Nghệ thuật trình diễn dân gian;
- d) Tập quán xã hội và tín ngưỡng;
- đ) Lễ hội truyền thống;
- e) Nghề thủ công truyền thống;
- d) Tri thức dân gian [53].

Như vậy, di sản văn hóa phi vật thể tiềm ẩn trong tâm thức của một cộng đồng xã hội và chỉ bộc lộ ra qua hành vi và hoạt động của con người. Di sản văn hóa phi vật thể được lưu giữ trong thế giới tinh thần của con người, thông qua các hình thức diễn xướng, nó được bộc lộ sinh động với tư cách là một hiện tượng văn hóa

Di sản phi vật thể rất dễ bị biến dạng hoặc mất đi vĩnh viễn cũng bởi sự tác động của con người theo tiến trình thời gian ở những biểu hiện sau:

- Tùy thuộc vào những yếu tố tác động (khách quan, chủ quan) đến với chủ thể lưu giữ những giá trị của di sản văn hóa phi vật thể.
- Nguy cơ biến dạng bởi tính dị bản, do sự can thiệp của các nhóm, tầng lớp xã hội qua các thời đại.

Tại Điều 4 của Luật Di sản văn hóa xác định: Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn vào các hình thức khác [38, tr.15.16]

Điều này cũng được xác lập trong Điều 2 của Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO:

Di sản văn hóa phi vật thể là: các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt tri thức, kỹ năng và kèm theo đó là những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hóa có liên quan đến cộng đồng,

các nhóm người và một trong số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần di sản văn hóa của họ. Được chuyển giao từ thể hệ này sang thể hệ khác, di sản văn hóa phi vật thể được các cộng đồng và nhóm người không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường và quan hệ qua lại giữa cộng đồng tự nhiên và lịch sử của họ, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa, tính sáng tạo của con người [62, tr.84].

Di sản văn hóa phi vật thể là linh hồn văn hóa của mỗi cộng đồng. Trên thực tế, sự phân loại di sản văn hóa thành vật thể và phi vật thể chỉ có ý nghĩa quy ước, bởi 2 yếu tố này luôn có mối quan hệ gắn bó hữu cơ với nhau trên cùng một chỉnh thể, không đơn giản để phân tách rạch ròi.

1.1.3. Quản lý di sản văn hóa

Quản lý di sản văn hóa phân thành ba loại:

- Quản lý nhà nước
- Quản lý trực tiếp của nhà nước
- Tự quản lý của cộng đồng

1.1.3.1. Quản lý nhà nước về di sản văn hóa

Quản lý có hai dạng thức: Quản lý nhà nước và quản lý trực tiếp ở từng cơ quan, đơn vị, cộng đồng. Theo đó, quản lý di sản văn hóa cũng thể hiện ở hai dạng: quản lý nhà nước về di sản văn hóa và quản lý trực tiếp từng mặt di sản ở cộng đồng.

Theo *Luật Di sản văn hóa*, nội dung quản lý nhà nước về di sản văn hóa bao gồm:

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

- Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa;
- Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về di sản văn hóa;
- Tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn về di sản văn hóa;
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- Tổ chức, chỉ đạo khen thưởng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- Tổ chức và quản lý hợp tác quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về di sản văn hóa [38].

Như vậy, khái niệm quản lý nhà nước về di sản văn hóa được hiểu là quá trình tác động có mục đích của chủ thể quản lý văn hóa lên di sản văn hóa để đạt mục tiêu nhất định, thông qua hệ thống luật pháp và các quy định có tính pháp lý.

1.1.3.2. Quản lý trực tiếp từ nhà nước

Đây là hình thức nhà nước thành lập ban quản lý đối với di sản vật thể hoặc di sản phi vật thể có giá trị tiêu biểu cho dân tộc, quốc gia. Thường ở các di sản văn hóa, thiên nhiên thế giới, các di sản phi vật thể đại diện cho nhân loại và những di sản văn hóa cấp quốc gia đặc biệt, nhà nước thành lập ban quản lý trực tiếp để quản lý di sản.

1.1.3.3. Tự quản của cộng đồng về di sản văn hóa

Mỗi một di sản vật thể hay phi vật thể, muốn tồn tại theo thời gian cần được sự bảo vệ của cộng đồng, di sản tồn tại trong cộng đồng và phát huy từ

cộng đồng. Các di sản văn hóa, tồn tại, gắn với từng địa bàn cư trú, các khu dân cư, với cộng đồng cụ thể.

Xét từ góc độ sáng tạo, các di sản phần lớn đều do cộng đồng góp công xây dựng nên. Theo thời gian, các di sản như: Đình, chùa, đền, miếu, các phong tục, lễ hội... đã chịu nhiều tác động của môi trường tự nhiên và sự biến đổi văn hóa, các di sản văn hóa này còn tồn tại đến ngày nay là nhờ công sức của cộng đồng. Qua đó, chúng ta thấy di sản văn hóa và cộng đồng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Tự quản lý của cộng đồng về di sản văn hóa là hết sức quan trọng. Mỗi người dân sẽ góp phần vào việc bảo tồn và phát huy di sản. Một cộng đồng ý thức được tầm quan trọng của di sản, có ý thức bảo vệ di sản sẽ góp phần duy trì và phát huy di sản đó. Ngược lại, một cộng đồng không ý thức được tầm quan trọng của di sản nơi mình sinh sống sẽ làm cho di sản dần bị mai một.

Ý thức về tầm quan trọng của di sản văn hóa trong cộng đồng là hết sức quan trọng, ngoài những chính sách của Nhà nước nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của di sản, mỗi địa phương, mỗi người dân đều có ý thức tự quản lý, góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị của di sản văn hóa. Tổ chức UNESCO khẳng định: “theo nghĩa rộng nhất, di sản thiên nhiên và văn hóa thuộc về con người”..., đồng thời nhấn mạnh vai trò của cộng đồng là phải tham gia vào việc bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên”. Ở nước ta, Luật Di sản văn hóa khẳng định; *“Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân”* [38].

1.2. Tổng quan về bản Bon và du lịch lòng hồ sông Đà

1.2.1. Tổng quan về bản Bon

1.2.1.1. Điều kiện địa lý tự nhiên

Xã Mường Chiên phía đông giáp xã Chiềng Khay, phía bắc giáp xã Cà Nàng, phía tây giáp huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, phía nam giáp xã Pá Ma Pha Khinh. Tổng diện tích tự nhiên 8.233 ha. Toàn xã có 393 hộ với 1.669 nhân khẩu. Xã gồm các bản: bản Bon, bản Quyền, bản Hua Sát, bản Nà Sắn, bản Hé, bản Tung Tở. Bản Bon nằm ở trung tâm xã Mường Chiên.

Từ trung tâm thành phố Sơn La đến bản Bon khoảng 90 km về phía bắc, qua quốc lộ 6 đường lên Tuần Giáo tỉnh Điện Biên, qua tỉnh lộ 107. Từ trung tâm huyện Quỳnh Nhai vào bản Bon khoảng 25 km qua quốc lộ 279 và tỉnh lộ 107.

Bản Bon nằm trên địa bàn trung tâm huyện Quỳnh Nhai cũ. Toàn bản hiện có 154 hộ và 512 nhân khẩu. Khí hậu ở bản Bon, Mường Chiên, Quỳnh Nhai mang đặc điểm chung của khí hậu vùng Tây Bắc. Chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, nơi đây chia làm hai mùa rõ rệt, mùa hè nóng ẩm mưa nhiều, mùa đông khô, lạnh ít mưa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô hanh từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình trong năm 20,5 độ C đến 28,5 độ C, lượng mưa bình quân 1718 mm/năm, mưa chủ yếu vào tháng 7, 8, 9 chiếm 85% lượng mưa cả năm, độ ẩm trung bình 85%.

Dòng sông Đà chảy qua huyện với chiều dài 72 km, trong đó có đoạn chảy qua bản Bon. Hệ thống suối dày đặc thuộc lưu vực sông Đà như; suối Cà Làng, Mường Chiên, Pắc Ma, Mường Sại, suối Muội với tổng chiều dài khoảng trên 200km và nhiều con suối nhỏ khác.

Do địa hình xã Mường Chiên chia cắt mạnh, phần lớn các con suối có lưu vực nhỏ, hẹp, ngắn và đều bắt nguồn từ núi cao. Do đó độ dốc tương đối lớn đã tạo nên tính đa dạng về chế độ dòng chảy. Lưu lượng nước giữa hai mùa chênh lệch lớn, mùa khô lưu lượng nước nhỏ, mùa lũ trùng với mùa lưu lượng dòng chảy lớn, tốc độ dòng chảy cao, lượng nước tập trung thường gây ra lũ quét, ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Địa bàn bản Bon, xã Mường Chiên có diện tích rừng phong phú, nhiều nguồn gen động, thực vật quý hiếm. Thực vật có nhiều loại quý hiếm như ngiến, các loài tre trúc và dữ liệu động vật có các loài gấu, loài bò sát và hàng nghìn loài côn trùng tạo nên một quần thể sinh học đa dạng. Tuy nhiên do việc phá rừng làm nương trong thời gian qua đã làm tài nguyên sinh vật và tài nguyên rừng nơi đây đang nghèo đi, chất lượng rừng bị giảm. Hiện nay phần lớn diện tích rừng rừng phục hồi là rừng nghèo, chủ yếu rừng tre nứa và rừng hỗn giao. trữ lượng thấp, không đem lại hiệu quả kinh tế cho người dân địa phương.

1.2.1.2. Đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của người Thái ở bản Bon

Giao thông đường thủy là hệ thống giao thông quan trọng trong tuyến du lịch vùng hồ Sông Đà cũng như trong sinh hoạt của người dân bản Bon. Để phục vụ cho du lịch trên sông cũng như phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng của người dân, nhiều bến thuyền được hình thành.

Do đặc điểm sinh hoạt và phong tục tập quán riêng biệt, phần lớn lao động nơi đây làm nông nghiệp và thủy sản. Toàn bản có 405 lao động làm trong ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản. Giao thông đường bộ không được thuận lợi ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế bà con. Với đặc thù địa hình bản là vùng núi cao, kinh tế sản xuất của bản Bon chủ yếu phát triển nông nghiệp với hình thức canh tác làm nương ở vùng cao và làm ruộng nước ở vùng thấp, các loại cây lương thực chính là lúa, ngô. Ngày nay địa hình thay đổi, sau khi nhà máy thủy điện Sơn La đi vào hoạt động, diện tích trồng lúa, ngô bị thu hẹp. Tại bản Bon giờ đây chủ yếu phát triển kinh tế bằng hai hình thức nông nghiệp và thủy sản. Diện tích ruộng và rừng giảm nhưng bù lại diện tích mặt nước lớn và nguồn thủy sản dồi dào, là điều kiện thuận lợi không hề nhỏ cho người dân nơi đây phát triển kinh tế.

Về văn hóa, chủ yếu người dân sinh sống tại bản Bon là người Thái Trắng. Sau khi một phần Bản Bon được di dời phục vụ nhà máy thủy điện Sơn La, đời sống văn hóa của người dân nơi đây chịu ảnh hưởng không nhỏ, diện tích canh tác nông nghiệp bị thu hẹp, người dân phải làm quen với việc phát triển kinh tế hướng ra vùng lòng hồ. Một trong những đặc trưng nổi bật của người Thái tại bản Bon là văn hóa ẩm thực, trong mâm cơm của người Thái nơi đây có nhiều món ăn, mỗi món có hương vị trác trưng riêng, đặc là các món nướng. Lễ hội truyền thống là di sản văn hóa đặc sắc, lễ hội là tiếng nói, thể hiện ước muốn vươn tới những điều tốt đẹp của đồng bào dân tộc Thái tại bản Bon.

Theo xu thế phát triển toàn huyện, chính quyền và người dân bản Bon đang dần chú trọng phát triển du lịch và dịch vụ trên lòng hồ. Với thế mạnh là trung tâm huyện Quỳnh Nhai cũ, với cột mốc di tích đánh dấu trung tâm huyện Quỳnh Nhai cũ. Cảnh quan mặt nước vừa hùng vĩ vừa thơ mộng, nguồn lợi thủy sản lớn, nguồn nước nóng tự nhiên và đặc điểm văn hóa người Thái trắng, là lợi thế thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn. Bên cạnh nông nghiệp, thủy sản người dân chăn nuôi gia súc, gia cầm phục vụ đời sống sinh hoạt. Các nghề thủ công như đan nón, dệt vải, rèn, làm đàn tính tẩu được duy trì, phát triển phục vụ đời sống và trao đổi, mua bán.

1.2.2. Tổng quan về du lịch lòng hồ sông Đà

1.2.2.1. Sự hình thành và phát triển du lịch lòng hồ sông Đà

Sông Đà có chiều dài trên 900 km bắt nguồn từ tỉnh Vân Nam Trung Quốc chảy theo hai hướng tây bắc và đông nam, qua các tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, nhập với sông Hồng ở tỉnh Phú Thọ. Năm 1982 để xây dựng nhà máy thủy điện Hòa Bình, dòng sông Đà được ngăn, dự trữ nước, tạo thành hồ Hòa Bình phục vụ công trình thủy điện lớn nhất Đông Nam Á lúc bấy giờ. Đến năm 2005 tiếp tục ngăn nước, phục vụ nhà máy thủy

điện Sơn La lớn nhất Đông Nam Á hiện nay. Đến năm 2011 tiếp tục ngăn nước, phục vụ nhà máy thủy điện Lai Châu. Như vậy, trên dòng sông Đà đã hình thành một hệ thống các hồ Hòa Bình thuộc tỉnh Hòa Bình, hồ Sơn La thuộc tỉnh Sơn La, hồ Lai Châu thuộc tỉnh Lai Châu. Với phong cảnh sông núi hữu tình và giá trị văn hóa của đồng bào các dân tộc hai bên dòng sông Đà, tạo ra một tiềm năng lớn cho phát triển du lịch của các tỉnh khu vực Tây Bắc.

Tổng chiều dài đường thủy lòng hồ sông Đà, Sơn La, Hòa Bình, Điện Biên, Lai Châu trên 400km, có hàng trăm đảo lớn nhỏ với phong cảnh hữu tình. Hai bên bờ sông là những dãy núi trùng điệp với màu xanh của các cánh rừng, cạnh mặt nước là các đảo lớn, nhỏ. Tạo ra các điểm tham quan nổi bật, là điều kiện thuận lợi phát triển du lịch. Với những lợi thế trên, lòng hồ sông Đà nằm trên địa bàn các huyện Quỳnh Nhai, Thuận Châu, Mường La tỉnh Sơn La, thị xã Mường Lay tỉnh Điện Biên, huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu. Lòng hồ sông Đà có vị trí thuận lợi nằm trên quốc lộ 279 kết nối quốc lộ 6 quốc lộ 32 thông qua các tuyến Quốc lộ 6B đường tỉnh 106, có khí hậu trong lành với hệ thống cảnh quan mặt nước lớn, các đảo, bán đảo, khe, vũng ngập nước, tạo điều kiện phát triển du lịch.

Đường thủy là hệ thống giao thông quan trọng trong tuyến du lịch vùng hồ Sông Đà. Để phục vụ du lịch trên sông cũng như phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của các cư dân ven hồ, nhiều cảng, bến thuyền được hình thành trong đó có cảng Tà Hộc tỉnh Sơn La. Định hướng đến năm 2020 tỉnh Sơn La sẽ quy hoạch 4 cảng thủy nội địa, nâng cấp 25 bến hàng hóa và hành khách, quy hoạch mới 104 bến khách ngang sông tại các huyện Quỳnh Nhai, Mường La và Thuận Châu.

Ngược dòng sông Đà đến Sơn La du khách có thể tham quan một số điểm du lịch và trải nghiệm một số sản phẩm du lịch nổi bật của vùng Tây Bắc. Chiêm ngưỡng cầu Pá Uôn, cây cầu kỷ lục Việt Nam, trải nghiệm đời

sống văn hóa, lễ hội đua thuyền, lễ hội gỏi đầu, nghề thủ công truyền thống, ẩm thực và các bản làng Thái ở Quỳnh Nhai. Vùng hồ sông Đà có tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng với nhiều cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hóa. Mục tiêu trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Sơn La, biến vùng lòng hồ sông Đà thành động lực phát triển du lịch của tỉnh và trở thành khu du lịch quốc gia trong tương lai, theo hướng du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ cuối tuần. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội của tỉnh.

1.2.2.2. Đặc điểm về du lịch lòng hồ sông Đà

Lòng hồ sông Đà là tiềm năng du lịch sinh thái, văn hóa cộng đồng. Ở Quỳnh Nhai có những điểm chính như cảnh quan thiên nhiên lòng hồ, dân cư đa sắc tộc, đa văn hóa, hầu hết còn nguyên sơ chưa bị ảnh hưởng nhiều của cuộc sống hiện đại. Quỳnh Nhai có điều kiện giao thông khá thuận lợi, đường bộ cách trung tâm Hà Nội khoảng 360 km, cách sân bay Nà Sản khoảng 100 km, vùng tam giác Tây Bắc nối liền 2 tỉnh Lào Cai, Điện Biên, tạo nên một quần thể du lịch đa dạng, phong phú. Sau khi Thủy điện Sơn La đi vào hoạt động, lòng hồ khu vực huyện Quỳnh Nhai có mặt nước mênh mông, kết hợp cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ tạo nên một bức tranh hấp dẫn vùng Tây Bắc. Lòng hồ sông Đà có tiềm năng lớn đưa vào khai thác, tạo nhiều sản phẩm du lịch khác nhau như du lịch sinh thái lòng hồ, du lịch nghỉ dưỡng. Điểm hạn chế ở đây là vào mùa mưa lũ, nước dâng cao gây khó khăn cho việc đi lại, đặc biệt là sự an toàn trong công tác phòng, cứu hộ trên hồ.

Sau một thời gian tích nước để phục vụ vận hành 6 tổ máy của nhà máy thủy điện Sơn La, nước trên thượng nguồn sông Đà trở thành biển hồ lớn nhất Tây Bắc, trong đó cầu Pá Uôn là cây cầu cao nhất Việt Nam. Đây là một cây cầu bê tông cốt thép, dài 918m, rộng 9m. Cầu được khởi công xây dựng vào

ngày 28 tháng 5 năm 2007, chính thức thông xe vào tháng 9 năm 2010. Đứng trên cầu có thể phóng tầm mắt nhìn xa hàng km, cảm nhận dòng sông Đà kỳ vĩ trong những ngày trời quang, cầu Pá Uôn luôn là nơi lý tưởng để triển khai các trò chơi mạo hiểm cho khách du lịch. Từ năm 2011 huyện Quỳnh Nhai phối hợp với một số xã, huyện ven sông trong tỉnh Sơn La tổ chức lễ hội đua thuyền tại chân cầu Pá Uôn vào ngày mùng 9, 10 âm lịch hàng năm. Số lượng khách thăm quan, du lịch và người dân địa phương tham gia cổ vũ đua thuyền trong năm 2011 và 2012, ước tính tới hàng vạn người. Chủ chương của huyện Quỳnh Nhai là xây dựng lễ hội đua thuyền thành hoạt động thường niên, tạo điểm nhấn du lịch và phục vụ đời sống tinh thần của người dân. Các trò chơi dân gian cũng được tổ chức trên bờ cả ngày với các trò chơi kéo co, ném còn, bắn nỏ thu hút người dân và du khách tham gia.

1.3. Vai trò của di sản văn hóa Thái ở bản Bon với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà

1.3.1. Di sản văn hóa Thái ở bản Bon góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Thái

Đối với mỗi dân tộc, mỗi quốc gia, di sản văn hóa được xem là báu vật thiêng liêng mà mỗi thế hệ phải có trách nhiệm bảo tồn và phát huy cho các thế hệ tiếp theo. Di sản văn hóa của dân tộc Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai, Sơn La là những giá trị vật chất và tinh thần được tích tụ, gìn giữ trong toàn bộ quá trình lịch sử phát triển, là bộ phận cấu thành quan trọng của văn hóa dân tộc Việt Nam.

Di sản văn hóa của dân tộc Thái ở bản Bon được xây dựng trên nền tảng không ngừng phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, ghi lại quá trình phát triển của tộc người Thái tại bản Bon, biểu hiện sự kết tinh trí tuệ dân tộc và văn hóa đặc sắc. Hiện nay một số loại hình văn hóa truyền thống đã thay đổi, một số nội dung không còn phù hợp với thời đại. Nhưng

phần tinh hoa, giá trị của các di sản văn hóa đã và đang được phát huy, biến đổi, thích ứng với yêu cầu thời đại mới, được kế thừa, trở thành động lực tinh thần, thúc đẩy phát triển văn hóa dân tộc Thái ở Quỳnh Nhai. Di sản văn hóa của người Thái ở bản Bon làm phong phú kho tàng văn hóa tỉnh Sơn La và lưu giữ tính đa dạng văn hóa dân tộc Việt Nam. Những di sản văn hóa Thái và của các dân tộc Việt Nam tồn tại đến nay luôn đóng vai trò quan trọng trong lịch sử hình thành, phát triển của mỗi dân tộc, vùng miền. Di sản văn hóa Thái ở bản Bon tạo nên những giá trị văn hóa, nét đặc trưng riêng của văn hóa dân tộc Thái Tây Bắc. Không chỉ làm nên sự khác biệt, tính đặc thù của mỗi dân tộc mà qua đó làm cho đời sống con người thêm phong phú, đa dạng.

Vì vậy di sản văn hóa Thái ở bản Bon có tác động trực tiếp tới phương diện giáo dục, giúp vun đắp tình cảm cho mỗi cá nhân và cộng đồng trong bản, giúp người Thái thêm tự hào về bản sắc dân tộc mình, có trách nhiệm bảo tồn và phát huy những giá trị di sản văn hóa. Di sản văn hóa Thái tại bản Bon tồn tại trong đời sống sinh hoạt thường ngày của người dân, những giá trị tốt đẹp được biểu hiện từ sự mộc mạc, giản dị của con người như núi rừng Tây Bắc.

1.3.2. Di sản văn hóa Thái ở bản Bon là sản phẩm du lịch lòng hồ sông Đà

Di sản văn hóa và hoạt động phát triển du lịch có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Trên cơ sở những giá trị di sản văn hóa, du lịch khai thác để hình thành nên những sản phẩm hấp dẫn khách du lịch.

Hệ thống di sản văn hóa Thái ở bản Bon là cơ sở hình thành và phát triển các sản phẩm du lịch tại chỗ, đặc biệt là du lịch sinh thái và du lịch văn hóa, du lịch gắn với lòng hồ sông Đà, góp phần đưa bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai trở thành một trong những khu du lịch thu khách thăm quan. Các di sản văn hóa vật thể và phi vật của người Thái ở bản Bon là nguồn tài nguyên nhân văn vô cùng quý giá để phát triển du lịch bền vững. Đảng và Nhà nước ta có chủ trương phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi

nhon, di sản văn hóa có vai trò tích cực trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa, giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc. Tiềm năng của di sản văn hóa Thái tại bản Bon sẽ phát huy mạnh mẽ, là sản phẩm du lịch hấp dẫn, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Doanh thu du lịch thông qua bán vé các loại hình dịch vụ tại các điểm du lịch có di sản văn hóa, góp phần không nhỏ vào tăng trưởng kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm cho người dân.

Xác định vai trò quan trọng của văn hóa Thái trong phát triển du lịch lòng hồ sông Đà là cần thiết, có hiểu đúng vai trò của di sản văn hóa Thái trong phát triển du lịch tại bản Bon thì người dân, các tổ chức chính quyền bản, xã Mường Chiên và huyện Quỳnh Nhai mới đưa ra được những phương thức quản lý phù hợp, góp phần bảo tồn di sản, phát triển du lịch lòng hồ sông Đà trên nền tảng di sản văn hóa địa phương một cách bền vững. Qua đó góp phần khẳng định vai trò của các di sản đối với sự phát triển của du lịch Quỳnh Nhai và du lịch Việt Nam.

1.3.3. Di sản văn hóa Thái ở bản Bon thúc đẩy kinh tế phát triển

Văn hóa và di sản văn hóa, luôn có vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống con người và bản sắc của mỗi dân tộc. Di sản văn hóa là chứng tích cho sự phát triển của động đồng, lịch sử hình thành, phát triển của một quốc gia, dân tộc, vùng miền, tiêu biểu nhất cho truyền thống văn hóa Việt Nam. Các di sản văn hóa tộc người Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La có vai trò quan trọng trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Ngoài ra, với công tác quản lý hiệu quả, quản lý di sản, quản lý hoạt động du lịch sẽ đem lại nguồn lợi kinh tế lớn địa phương và nhân dân.

Di sản văn hóa Thái ở bản Bon có vai trò quan trọng, là sản phẩm thúc đẩy hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn. Ngoài chức năng tuyên truyền, giáo dục truyền thống, đạo đức, lối sống, thuần phong mỹ tục và duy trì thuần

phong mỹ tục di sản còn tạo sự cố kết cộng đồng, đoàn kết cư dân, khơi dậy tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc. Di sản văn hóa tạo sự cân bằng trong tâm hồn con người thông qua các hoạt động hướng tới tâm linh hay các sinh hoạt vui chơi giải trí có tính chất cộng đồng. Các yếu tố trên tạo nên sự hấp dẫn của vùng du lịch, có khả năng thu hút du khách tới khám phá, trải nghiệm văn hóa, đặc biệt là khách du lịch quốc tế. Đến với bản Bon, du khách sẽ được tham quan, thỏa mãn nhu cầu tâm linh khi tham gia lễ hội, nhu cầu thưởng ngoạn phong cảnh, tham gia vào những hoạt động sống thường nhật của người dân bản địa. Từ những giá di sản văn hóa đem lại, những hoạt động du lịch trên nền tảng di sản đóng lớn vào thu nhập của người dân địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội nơi đây.

Qua những hoạt động du lịch được khai thác hợp lý từ di sản văn hóa sẽ là nguồn lợi kinh tế hết sức quan trọng, đóng góp vào ngân sách nhà nước, và góp phần thúc đẩy kinh tế của người dân tại bản Bon. Di sản văn hóa là yếu tố quan trọng để thúc đẩy du lịch. Ngược lại, du lịch góp phần phục hồi, bảo tồn di sản, đem lại lợi ích kinh tế, trao đổi giữa các nền văn hóa.

1.3.4. Di sản văn hóa Thái ở bản Bon điểm đến giao lưu văn hóa các tộc người

Quỳnh Nhai một vùng nước non hùng vĩ và tươi đẹp, cũng là mảnh đất giàu truyền thống văn hóa, truyền thống lịch sử cách mạng chống ngoại xâm. Nhân dân các dân tộc Quỳnh Nhai có tinh thần đoàn kết và tính cộng đồng cao, cần cù, sáng tạo trong lao động, dũng cảm chiến đấu chống kẻ thù bảo vệ quê hương, xứ sở. Đồng bào Thái ở bản Bon luôn giữ tinh thần đoàn kết trong bản, mừng, luôn có tinh thần học hỏi, giao lưu với các dân tộc anh em trong huyện và tỉnh Sơn La. Văn hóa truyền thống của người Thái ở bản Bon là những giá trị vật chất, tinh thần được tích tụ, gìn giữ trong toàn bộ quá trình lịch sử lâu đời của người dân nơi đây.

Trong dòng chảy toàn cầu hóa, bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc Thái ở bản Bon là nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước và nhân dân các dân tộc tỉnh Sơn La, nhằm lưu giữ tính đa dạng của văn hóa Thái ở Tây Bắc, làm phong phú kho tàng văn hóa Việt Nam, góp phần nâng cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc. Thông qua hoạt động du lịch, di sản văn hóa Thái tại bản Bon được quảng bá, giới thiệu, tạo những sản phẩm đặc thù, hấp dẫn du khách và bạn bè các dân tộc.

Đã từ lâu Quỳnh Nhai được biết đến với truyền thuyết Nàng Han, Cột mốc đánh dấu trung tâm huyện Quỳnh Nhai cũ, Lễ hội đua thuyền truyền thống, các địa danh văn hóa tâm linh, nét văn hóa của người Thái huyện Quỳnh Nhai gắn liền với dòng sông Đà. Những năm gần đây, nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo tồn, phát huy di sản gắn với hoạt động du lịch, xúc tiến quảng bá hình ảnh. Huyện Quỳnh Nhai đã phục dựng một số lễ hội truyền thống tiêu biểu như lễ hội gỏi đầu, lễ hội đua thuyền thu hút du khách tham quan và tìm hiểu văn hóa, ngoài ra các dân tộc trong huyện cũng được giao lưu với nhau qua các hoạt động văn hóa, các cuộc thi, giới thiệu về trang phục các dân tộc huyện Quỳnh Nhai. Bản Bon, với lợi thế về những giá trị di sản văn hóa người Thái, hứa hẹn là điểm đến giao lưu các tộc người.

Tiểu kết

Trong chương 1, luận văn đã làm rõ một số khái niệm liên quan đến đề tài: di sản văn hóa, du lịch, phân loại di sản văn hóa, quản lý di sản văn hóa, tổng quan về bản Bon và tổng quan du lịch lòng hồ sông Đà.

Phương pháp luận liên quan đến di sản văn hóa và du lịch, mối quan hệ giữa nội dung quản lý di sản, quản lý du lịch và các quan điểm bảo tồn di sản văn hóa, để thực hiện bảo tồn di sản văn hóa với phát triển du lịch. Đồng thời, luận văn khái quát tổng quan bản Bon và du lịch lòng hồ sông Đà, trong đó làm nổi bật những yếu tố tác động như:

- Điều kiện tự nhiên
- Văn hóa - Kinh tế - Xã hội của bản Bon, xã Mường Chiên
- Sự hình thành, phát triển, đặc điểm du lịch vùng lòng hồ sông Đà.

Vai trò của di sản văn hóa Thái ở bản Bon với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà: Góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa Thái, là sản phẩm du lịch, thúc đẩy kinh tế phát triển và là điểm đến giao lưu văn hóa các tộc người.

Nội dung chương 1 được xem là khung lý thuyết, là tiền đề giúp cho việc khảo sát những giá trị di sản văn hóa Thái ở chương 2, thực trạng công tác quản lý di sản văn hóa dân tộc Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà.

Chương 2

THỰC TRẠNG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA THÁI Ở BẢN BON VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÒNG HỒ SÔNG ĐÀ

2.1. Di sản văn hóa Thái ở bản Bon

2.1.1. Di sản văn hóa vật thể

2.1.1.1. Nhà ở

Nhà sàn của người Thái Trắng ở bản Bon với kiểu kiến trúc theo giải pháp mặt bằng hình chữ nhật, bốn mái vươn ra bốn phía. Nhà sàn truyền thống của người Thái là hệ thống dây chằng buộc, thắt khá công phu và tinh xảo bằng lát tre, giang và mây hoặc vỏ một số loại cây trong rừng. Nối các cột kèo nhà sàn, người Thái dùng những đòn dầm xuyên suốt với lỗ đục của các cột. Kiểu kiến trúc này tuy đơn giản nhưng bền và vững chắc. Nhà sàn của người Thái Trắng ở bản Bon được bố trí mở cửa ra hai đầu hồi, hai bên sườn mở nhiều cửa sổ, cầu thang lên xuống của người Thái Trắng nơi đây thường là gỗ lè. Quan niệm đó chi phối sự sáng tạo các sản phẩm văn hóa dân tộc. Nhà sàn gồm các gian lòng “*hông tô*”, các gian đầu hồi “*hông tụp*”, mở rộng thêm một gian nữa ở đầu hồi gọi là “*hông tip*”.

Phần đất bên cạnh bản Quyền là khu tái định cư của bản Bon, những ngôi nhà ở khu vực này đều được làm mới. Các hộ gia đình nơi đây được di dời từ khu vực thấp của bản Bon và các bản lân cận lên, hệ thống nhà ở và đường dân sinh được làm mới để phù hợp với điều kiện sống, những đặc điểm của nhà sàn cũng thay đổi nhiều. Nhà sàn là di sản văn hóa vật thể từ ngàn đời nay, mọi tập quán, sinh hoạt của người dân đều góp mặt hình ảnh nhà sàn. Vì vậy nhà sàn người Thái tại bản Bon là di sản văn hóa cần được bảo vệ.

2.1.1.2. Vải thổ cẩm

Vải thổ cẩm đối với người Thái được coi như vật tượng trưng cho phái đẹp, thổ cẩm là vật dùng trong suốt cả cuộc đời của người Thái, hầu hết quần

áo trong gia đình do người phụ nữ dệt thành, còn được sử dụng nhiều trong các đám cưới, tang ma. Vải thổ cẩm là văn hóa kỹ thuật sản xuất với nhiều công đoạn khác nhau: Trồng bông, từ bông se thành sợi, dệt thành vải, nhuộm vải bằng những nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên. Khi đã có vải, người phụ nữ Thái tạo thành các sản phẩm tiêu dùng, đáp ứng các yêu cầu khác nhau của đời sống xã hội Thái.

Là nơi thể hiện hoa văn Thái, vải đã được thêu, dệt được gọi là vải thổ cẩm. Trên những tấm thổ cẩm, với kỹ thuật dệt, thêu, chắp ghép những mảnh vải màu, phụ nữ Thái đã miêu tả tài tình sự hòa đồng giữa con người và thiên nhiên, diễn đạt những cảm xúc, tâm tư, mơ ước của mình bằng những họa cảnh, họa tiết hoa văn phong phú, đa dạng. Vải thổ cẩm tại bản Bon luôn là trang phục truyền thống được ưa chuộng trong những dịp lễ hội, sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Hoa văn, họa tiết đặc trưng của người Thái được thêu bằng tay, được rết thủ công là đặc điểm riêng biệt để nhận biết trang phục của dân tộc Thái với các dân tộc khác.

Theo thời gian, quá trình hiện đại hóa ảnh hưởng không nhỏ đến cách mặc của người Thái nơi đây, trang phục truyền thống không được sử dụng thường xuyên trong sinh hoạt hàng ngày, nghề thủ công truyền thống dần bị mai một. Vải thổ cẩm của người Thái tại bản Bon là kết tinh của văn hóa Thái, là một trong những di sản văn hóa giá trị của dân tộc Việt Nam. Vì vậy, cần có chính sách bảo tồn, phục hồi phù hợp để giữ gìn những nét đẹp trong văn hóa Dân tộc Thái nơi đây.

2.1.1.3. Trang phục

Nam phục: Nam giới thường ngày mặc áo có tên gọi là “mở lòng” màu đen, cổ tròn, xẻ ngực, cài cúc vải, hai bên sườn giáp hông có đường xẻ, đính thêm vật trang trí gọi là “*quả chi*”, nam phục người Thái Trắng luôn có túi ngực bên trái. Lễ phục của nam giới, áo dài được cắt theo kiểu xẻ nách tương tự áo dài của người Kinh. Thường ngày nam giới đội loại khăn có tên là “*đờ*”

(chọc), còn trong lễ phục thì cuốn khăn bằng một dải vải đen chàm có tên “cộm” (*khăn pau*).

Nữ phục: Nữ giới mặc váy khâu liền, màu đen (*xin*), dài chấm gót chân. Đầu váy có cặp bó sát eo, khâu bằng dải vải màu đỏ, trắng, xanh hoặc các màu khác. Mép dưới, bên trong váy may táp một dải vải, màu phổ biến là màu đỏ, có thể là màu xanh, vàng, nhưng tuyệt đối không dùng màu trắng. Trong sinh hoạt thường ngày phụ nữ Thái mặc loại áo có tên là “Côm”. Áo cộc tay người ta gọi là “áo côm cộc tay” (*xỉa côm khen tẻn*) phân biệt với “áo côm dài tay” (*xỉa côm khen hi*). Trang phục nữ Thái Trắng ở bản Bon có đường viền cổ và hai vạt của áo liền một dải, có tên gọi là “áo liền cổ” (*xỉa co long* hoặc *xỉa co diên*). Trên hai đường viền vạt áo xẻ ngực, người ta thường cài cúc đồng hoặc hạt cườm. Lúc ăn diện thì mặc áo Côm cài cúc bạc (*má pém*). Cúc bạc bên phải là con đực (*tô po*), bên trái là con cái (*tô me*). Màu thắt lưng là tín hiệu xác định hai độ tuổi. Từ tuổi niên thiếu đến tuổi 30 người ta dùng thắt lưng màu xanh, lứa tuổi lớn hơn chuyển sang màu tím.

Nói đến di sản văn hóa tộc người Thái không thể không nói tới vẻ hoàn mỹ của trang phục, trang phục là sản phẩm sáng tạo văn hoá đặc sắc, thể hiện bản sắc tộc người. Quá trình hiện đại hóa ảnh hưởng không nhỏ tới văn hóa mặc người dân nơi đây, thế hệ trẻ thích mặc những trang phục theo xu thế hiện đại. Vì vậy, bảo tồn di sản văn hóa Thái ở bản Bon đồng thời bảo tồn di sản trang phục truyền thống người Thái, giáo dục nét đẹp truyền thống tới thế hệ trẻ là cần thiết để bảo tồn, phát triển nét đẹp văn hóa tộc người.

2.1.1.4. Văn hóa ẩm thực

Ăn: Bữa ăn của người Thái thường chế biến các món: xôi đồ (*khẩu nưng*) chấm với chèo (*chăm chèo*), măng, rau đồ, thịt cá nướng, lạp sừng hoặc chín, gói... Văn hóa ẩm thực của người Thái đã đạt đến trình độ cao về dinh dưỡng và thẩm mỹ. Người Thái nơi đây có thể chế biến trên 30 món ăn từ cá

như: cá nướng, cá gỏi, cá nấu canh, cá chua. Có thể chế biến trên 40 món ăn từ các loại rau rừng, món nộm từ các loại rau tự nhiên và các món rau đồ. Các món ăn chế biến từ côn trùng: Ve sầu rang, dế rang, bọ xít rang, thịt dơi. Các món ăn chế biến từ gạo có: Cơm lam, xôi màu, bánh chưng, bánh dày.

Uống: Rượu là thức uống trong các dịp lễ hiếu, hỉ, các dịp vui, buồn và là vật tượng trưng của các nghi thức. Vì vậy, trong sinh hoạt người Thái xem rượu cần thiết ngang tầm với cơm. Rượu có hai loại chính: rượu cất (*lầu xiêu*), rượu cần (*lầu xá*). Rượu được lên men từ gạo, sắn, chuối. Bộ mâm ghế ăn, dụng cụ đựng xôi (*ép khẩu*), bầu đựng rượu... Tất cả những sản phẩm này đều sử dụng nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên như: mây, tre, quả bầu... tuy đơn giản nhưng lại mang những sắc Thái văn hóa của tộc người một cách rõ rệt.

Đối với người Thái, ẩm thực đã trở thành nét văn hóa truyền thống, sâu sắc. Những món ăn của người Thái là sự gia công chuẩn mực về kỹ thuật và nghệ thuật, những món ăn của người Thái ở bản Bon mang một phong vị riêng độc đáo, không hề bị trộn lẫn. Đó là di sản văn hóa vô giá, là tiềm năng để kết hợp khai thác trong các hoạt động du lịch lòng hồ tại Quỳnh Nhai.

2.1.1.5. Cột mốc đánh dấu huyện lỵ Quỳnh Nhai cũ

Được xây dựng trên đồi Truyền hình thuộc xóm 3 xã Mường Chiên huyện lỵ Quỳnh Nhai cũ, sau khi Nhà máy thủy điện Sơn La đóng đập tích nước lòng hồ, với diện tích 80m², phần kiến trúc bố trí biểu tượng đặc trưng văn hóa của huyện Quỳnh Nhai. Mùa khô, mực nước giảm du khách có thể đi bộ trên khoảng đồi gần cột mốc. Đến mùa nước ngập, phần cột mốc nhô lên mặt nước giữa không gian mênh mông với các đảo lớn, nhỏ tạo cảm giác vừa thiêng liêng, vừa hùng vĩ gợi nhớ về trung tâm huyện Quỳnh Nhai cũ nay đã chìm dưới biển nước.

Du khách tới Quỳnh Nhai du lịch không thể bỏ qua điểm tham quan này. Từ cột mốc huyện Quỳnh Nhai cũ vào trung tâm bản Bon khoảng 1km, các đoàn khách du lịch có thể di chuyển bằng đường thủy vào bến thuyền, thăm

quan một phần bản Bon còn nguyên vẹn, trải nghiệm đời sống, văn hóa tộc người Thái Trắng thông qua các dịch vụ nghỉ dưỡng Homestay, thưởng thức ẩm thực, giao lưu văn nghệ, tắm nước nóng, thăm quan miếu thờ Nàng Han.

Là chứng tích của huyện Quỳnh nhai cũ về một thời nhộn nhịp, đông đúc trên bến dưới thuyền. Cột mốc trung tâm huyện Quỳnh Nhai cũ là di tích lịch sử, văn hóa, đại diện tinh thần nhân dân các dân tộc huyện Quỳnh Nhai trong công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế, phục vụ lợi ích đất nước, một phần huyện đã nằm sâu dưới lòng hồ sông Đà. Hiện nay Cột mốc trung tâm huyện Quỳnh Nhai cũ là điểm thăm quan thu hút khách du lịch.

2.1.1.6. Miếu thờ Nàng Han

Miếu thờ Nàng Han tại bản Bon nằm trên gò đất cạnh bến thuyền. Truyền thuyết về Nàng Han có hai dị bản, kể về người con gái giả trai tham gia chiến đấu, bảo vệ bản mường và sau này trở thành một vị tướng. Lễ hội gọi đầu cũng được bắt nguồn từ truyền thuyết về Nàng Han. Mỗi bản trong xã Mường Chiên đều có miếu thờ vị tướng này, miếu thờ tại bản bon với quy mô nhỏ, tọa lạc trên phần đất được bao quanh là đồng ruộng của bà con nhân dân.

Tục thờ Nàng Han là nét văn hóa tâm linh độc đáo của người Thái Trắng, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn và thể hiện tinh thần bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhân dân. Chính quyền địa phương nên có những chính sách quản lý, tu bổ, tôn tạo phù hợp để miếu thờ Nàng Han vừa là nơi sinh hoạt tín ngưỡng cho người dân trong bản, vừa mở ra một điểm thăm quan đối với khách du lịch khi đặt chân đến bản Bon.

2.1.2. Di sản văn hóa phi vật thể

2.1.2.1. Ngôn ngữ và chữ viết

Đồng bào Thái có đời sống văn hóa tương đối đặc sắc, có tiếng nói, chữ viết riêng, là một trong những dân tộc có chữ viết sớm nhất vùng Đông Nam Á cổ đại. Chữ viết của dân tộc Thái ở Sơn La xuất hiện và sử dụng rộng

rãi vào cuối thế kỷ thứ XIII - XIV cùng với sự xuất hiện của người Thái vùng Tây Bắc. Chữ Thái cổ Sơn La thuộc loại chữ *Tay Đăm*. Có ngôn ngữ, chữ viết, người Thái đã xây dựng cho mình một nền văn hóa đạt trình độ văn minh. Có thể coi đây là sự tổng kết quá trình tư duy tự nhiên, xã hội bằng hình tượng của nghệ thuật ngôn ngữ. Người Thái có một nền văn hóa đặc sắc, họ có chữ viết nên có thể lưu giữ được nhiều di sản văn hóa của cha ông.

Ngôn ngữ là di sản tinh thần, kết tinh trí tuệ của tổ tiên để lại. Người Thái đã để lại tương đối đầy đủ những nét văn hóa đặc sắc của dân tộc và vùng đất họ sinh sống, Ngôn ngữ là chìa khóa mở ra kho tàng tri thức. Với người Thái, là chìa khóa mở cánh cửa vào kho tàng văn hóa đặc sắc của dân tộc mình. Hiện nay một số thanh niên người dân tộc Thái tại bản Bon không sử dụng ngôn ngữ Thái. Vì vậy, việc khuyến khích người dân sử dụng ngôn ngữ nhằm bảo tồn giá trị di sản văn hóa dân tộc và tạo sản phẩm đặc trưng, giới thiệu tới du khách là điều hết sức cần thiết.

2.1.2.2. Múa xòe

Người Thái ở bản Bon cũng như người Thái ở vùng Tây bắc qua điệu múa xòe thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc, phản ánh lao động, sản xuất, quan hệ giữa con người với thiên nhiên, quan hệ giữa con người với con người. Múa xòe phân chia thành hai loại: múa tập thể (múa xòe vòng) và múa biểu diễn. Múa xòe vòng là điệu múa cổ bắt nguồn từ đời sống lao động của nhân dân. Sức hấp dẫn, đậm đà tính dân tộc, tính nhân dân sâu sắc, thỏa mãn nhu cầu của mọi người, phục vụ nhiều sinh hoạt của xã hội. Cho đến nay người Thái còn giữ được 5 điệu xòe cơ bản: xòe nâng khăn mời rượu (*khăm khăn mời lău*), xòe tung khăn (*nhôm khăn*), xòe tiến lùi (*đôn hôn*), xòe bỏ bốn (*phá xí*), xòe vỗ tay múa vòng tròn (*ôm lom tốp mư*).

Trong những dịp lễ, tết, người dân thường tập trung tại sân nhà văn hóa bản Bon, thực hiện những điệu múa, điệu xòe, trong các cuộc hội họp gia

đình, điệu xòe của người Thái nơi đây cũng được đưa ra thể hiện, xòe để giao lưu, để diễn tả niềm vui để cấu kết cộng đồng bản làng.

Xòe là di sản văn hóa phi vật thể mang đậm nét văn hóa Thái, bảo tồn và phát huy những giá trị di sản văn hóa thông qua hoạt động du lịch là hướng đi đúng mà chính quyền bản Bon và huyện Quỳnh Nhai cần quan tâm. Di sản xòe của đồng bào Thái tại bản Bon, thông qua hoạt động giao lưu, biểu diễn sẽ được nhiều du khách thập phương biết tới như một loại hình phục vụ du lịch đặc trưng.

2.1.2.3. Âm nhạc

Âm nhạc của người Thái chia thành các loại hình cơ bản là: *Khắp xư* (hát chữ), *khắp mo* dùng trong lễ nghi và diễn ca sử thi *Tay Pú Xóc* toát lên vẻ trang nghiêm, mạnh mẽ, *khắp chương* dùng để diễn các tập sử thi, anh hùng ca, *khắp một* là tiếng Thái làm ma thuật để chữa bệnh, đây là loại hình thanh nhạc mang tính cảm thụ tôn giáo làm người nghe sùng bái các điều tín, *khắp xe* tức là hát múa, *khắp báo sao* là loại hình hát đối đáp, giao duyên của đôi lứa.

Người Thái dùng âm thanh, nhịp điệu của các nhạc cụ để thổ lộ tình cảm của mình trên sự phô diễn các nhạc cụ như nhị, tính tẩu, đàn môi, pí, sáo, tiêu, khèn... Mỗi nhạc cụ tiêu biểu đại diện cho những địa phương nhất định, đặc biệt khi nhắc đến đàn tính tẩu, người ta liên tưởng ngay đến người Thái ở Quỳnh Nhai với đặc trưng nghề thủ công truyền thống. Người Thái dùng các loại nhạc cụ thích hợp trong hầu hết các thể loại hát và múa xòe.

Cũng như các tộc người khác, người Thái ở bản Bon có đời sống văn hóa phong phú, âm nhạc của người Thái nơi đây mang đặc trưng riêng. Âm nhạc sống trong dân gian, truyền từ đời này sang đời khác như một di sản vô hình. Bởi vậy, âm nhạc của người Thái là di sản phi vật thể cần được bảo tồn và chuyển tải hơi thở thời đại, được sống qua sức sáng tạo, nuôi dưỡng tâm hồn và làm giàu đời sống tinh thần của con người.

2.1.2.4. *Nghề thủ công truyền thống*

Nghề dệt: Hình ảnh người phụ nữ Thái ngồi bên khung cửi dệt vải đã trở nên thân thuộc với đồng bào dân tộc cũng như du khách. Các cô gái Thái rất giỏi việc dệt vải, thêu thùa, may vá để tạo nên những sản phẩm đặc sắc của mình. Các sản phẩm đặc trưng của nghề dệt như: trang phục, quần áo, túi đựng, vỏ chăn... với đường nét hoa văn, thêu thùa, mang đậm nét văn hóa tộc người Thái Trắng.

Nghề đan lát: Đan lát là nghề thủ công truyền thống của người Thái. Phục vụ đời sống sinh hoạt, sản xuất của các gia đình. Nguồn nguyên liệu sẵn có trong tự nhiên với các sản phẩm đặc trưng như: nón, quạt, soong, ép khẩu, giỏ bắt cá, tôm, ghế mây.

Nghề đan nón: Vốn là nghề truyền thống của bản Bon, hiện nay vẫn còn một số nghệ nhân đan nón sử dụng trong lễ hội của cộng đồng và sử dụng trong sinh hoạt thường ngày.

Nghề làm đàn tính tẩu: Hiện ở bản Bon, xã Mường Chiên có nghệ nhân Lò Văn Lả đang phát huy, truyền dạy cách làm đàn và chơi đàn cho các thế hệ con cháu. Đàn tính tẩu không chỉ là nhạc cụ rất có giá trị mà còn có thể trở thành món quà hấp dẫn cho khách du lịch.

Trước những thách thức từ nền kinh tế thị trường, các nghề thủ công truyền thống của bản Bon đã dần mai một. Bí quyết nghề nghiệp riêng là sản phẩm độc đáo đã tạo ra rất nhiều sản phẩm, không đơn thuần là trao đổi thương mại mà có mặt giá trị về văn hoá nay có nguy cơ biến mất. Di sản văn hóa cần phải gắn bó với con người và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của con người. Di sản văn hóa vật thể và phi vật thể từ nghề thủ công truyền thống cần được bảo tồn, phát huy ngay tại môi trường nơi chúng được sinh ra.

2.1.2.5. *Lễ hội Kin Pang Then*

Lễ hội mang tính cộng đồng cao với hình thức diễn xướng dân gian độc đáo. Thời gian tổ chức Kin Pang Then thường vào tháng Chạp hoặc giêng

hàng năm. Lễ hội “Kin Pang Then” là lễ hội tiêu biểu của dân tộc Thái trắng ở Quỳnh Nhai. Vào dịp đầu năm, thầy mo tổ chức lễ cúng và gặp mặt các con nuôi. Thời gian cúng có thể kéo dài từ 3 đến 4 ngày, tùy thuộc và số lượng con nuôi đến với “Then” nhiều hay ít.

Trong những ngày diễn ra lễ hội, mọi người trong làng bản cùng dâng lễ cảm tạ đất trời và cầu xin một năm mới mọi điều may mắn, tốt lành. Cũng như nhiều lễ hội khác, lễ hội “Kin Pang Then” gồm hai phần chính là phần lễ và phần hội. Phần lễ với lời hát Then truyền thống. Qua lời hát, ông Then cầu cúng cho dân làng trong bản, trong mừng sang một năm mới có nhiều điều tốt đẹp, cho con người luôn khỏe mạnh, cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt và cùng với đó là lễ tạ ơn của con cái đối với cha mẹ. Ngoài ra, “Kin Pang Then” cũng là lễ hội cầu phúc lộc cho gia đình và con cháu, là dịp để con cháu tạ ơn trong dịp đầu năm mới.

Lễ hội mang ý nghĩa tâm linh sâu sắc, mang tính cộng đồng, vun đắp tình đoàn kết trong bản, mừng với những lời hát Then, điệu múa, trò chơi dân gian lành mạnh. Lễ hội Kin Pang Then là di sản văn hóa đặc sắc của người Thái nói chung và người Thái ở bản Bon nói riêng, lễ hội góp phần bảo tồn, duy trì nghệ thuật hát then, hát dân ca, múa xòe, âm nhạc, các tín ngưỡng tâm linh cổ. Góp phần vào việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Trung ương V khóa VIII của Đảng.

2.1.2.6. Lễ hội Gội đầu

Lễ gội đầu được gọi là “Lung Ta”, là lễ hội đặc trưng của người Thái Quỳnh Nhai. Hết một năm cũ chuẩn bị bước vào năm mới mọi người trong bản đều phải gội đầu để rửa trôi vất vả, bệnh tật, điều không may mắn, tổng tiền tai ương, nhọc nhằn, bệnh tật xuôi theo dòng nước (*sông, suối*), cầu mong năm mới tốt lành, làm ăn phát đạt. Lễ hội được tổ chức vào buổi trưa ngày 30

tết. Lễ gọi đầu của người Thái Quỳnh Nhai được bắt nguồn từ truyền thuyết về Nàng Han. Nàng Han là một người con gái đóng giả trai để tập hợp binh mã, cầm quân đánh đuổi giặc ngoại xâm. Sau khi đánh thắng giặc trở về, đúng vào ngày 30 Tết âm lịch, Nàng Han ra lệnh cho quân sĩ dừng lại bên bờ suối nghỉ ngơi, tắm gội, ăn mừng chiến thắng và đón chào năm mới. Kể từ đó để tưởng nhớ đến nữ tướng Nàng Han, cứ chiều 30 Tết, bà con dân tộc Thái trắng lại tổ chức lễ gọi đầu để cúng mừng năm mới.

Trước khi lễ hội diễn ra, người con gái Thái vo gạo nếp để lấy nước. Đó là nước gội dành cho phụ nữ. Đàn ông thì nước gội thường là bồ kết, mọi người đều mặc áo váy đẹp khi tham dự lễ gọi đầu. Thầy mo chuẩn bị bao kiem của tổ tiên, vai vác theo súng kíp và 1 chiếc túi nhỏ có trang trí hoa văn bằng chỉ ngũ sắc, tiếng Thái gọi là “thung xanh”, trong túi đựng bảo bối mà ông cha để lại. Cách thức tổ chức lễ hội gọi đầu gồm các hoạt động như: Người đứng đầu bản hoặc thầy mo sẽ thắp hương trước bàn thờ tổ tiên để mời họ đi gọi đầu cùng con cháu trước khi đón năm mới. Thầy mo hoặc trưởng bản là người đi đầu đoàn, theo sau là dân bản, những nam thanh nữ tú khiêng trống, chiêng vừa đi vừa đánh. Chủ lễ cất lên lời khấn thần linh, khấn xong lời khấn thần linh là mọi người gội đầu, tay cầm cành lá xanh nhúng xuống nước rồi đập nhẹ lên tóc nhiều lần cho ướt đẫm nhằm xua đi những gì không may mắn trong năm cũ. Sau đó, họ vớt cành lá xuôi theo dòng nước chảy đi

2.1.2.7. Lễ hội Sên bản, sên mừng

Người Thái tổ chức Lễ “Sên bản, sên mừng” cầu thần linh phù hộ cho cộng đồng dân bản được mạnh khỏe, bình an, hạnh phúc, làm ăn phát đạt, mùa màng bội thu. Lễ hội là dịp tưởng nhớ những người đã có công khai phá xây dựng bản mừng, tạ ơn các thần linh, thần sông, thần núi. Lễ hội được tổ chức vào tháng chạp hoặc tháng giêng hàng năm. Lễ hội Sên bản, sên mừng tại bản Bon được tổ chức ở đầu nguồn sông, suối. Lễ vật bao gồm: trâu, lợn,

gà, gạo, hoa quả. Phần lễ gồm lễ rước Nàng Han, lễ cầu phúc, người cúng là thầy mo mời các vị thần linh như thần sông, thần núi, thần cai quản ruộng nương, linh hồn người có công xây dựng bản mường, linh hồn những người trong bản đã chết về dự và nhận lễ vật. sau phần lễ là phần hội, phần hội bao gồm các trò chơi dân gian của dân tộc Thái như: ném còn, đẩy gậy, tó má lẹ, bắn cung.

Lễ hội Sên bản, sên mường vừa có giá trị về văn hóa, tín ngưỡng vừa góp phần nâng cao tinh thần đoàn kết trong bản, mường. Các trò chơi dân gian trong lễ hội giúp người dân giao lưu, giải tỏa mệt mỏi sau mỗi mùa vụ vất vả. Lễ hội góp phần giáo dục tư tưởng cho thế hệ trẻ trong bản về những di sản văn hóa của ông cha để lại.

2.2. Chủ thể quản lý di sản văn hóa và du lịch

2.2.1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Sơn La

Ngày 09 tháng 3 năm 2006, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH tỉnh Sơn La đến năm 2020 tại Quyết định số 384/QĐ - TTg làm căn cứ chỉ đạo các sở, ngành xây dựng các chương trình, đề án, dự án tăng cường nguồn lực cho hoạt động văn hóa trên địa bàn toàn tỉnh.

UBND tỉnh phê duyệt, ban hành Quy chế quản lý bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Sơn La; Kế hoạch số: 64/KH - UBND ngày 01/9/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về quản lý, bảo vệ phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2008 - 2015 và định hướng đến 2020. Triển khai xây dựng và thực hiện đề án “*Dịch thuật, bảo quản và phát huy giá trị sách chữ Thái cổ tỉnh Sơn La*” giai đoạn 2012 - 2014; ưu tiên đầu tư nguồn lực, trang thiết bị cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá; ban hành kế hoạch kiểm kê di sản văn hóa trên địa bàn toàn tỉnh.

Chỉ đạo xây dựng đề án khảo sát, phục dựng và tổ chức một số lễ hội truyền thống các dân tộc tỉnh Sơn La; xây dựng đề cương, kế hoạch và chỉ đạo tổ chức thực hiện đề án Bảo tồn Lễ hội Sân Mùong, dân tộc Thái, tỉnh Sơn La. Chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện đề tài khoa học cấp tỉnh. Nghiên cứu, bảo tồn và phát triển đời sống văn hóa các dân tộc tái định cư thủy điện Sơn La.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện đề tài khoa học cấp tỉnh về *Giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc Thái ở Sơn La trong quá trình hội nhập quốc tế*,

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu cho tỉnh xây dựng các thiết chế văn hóa ở các xã điểm xây dựng nông thôn mới; ban hành hướng dẫn các tiêu chí văn hóa trong phong trào xây dựng nông thôn mới; chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành phố đẩy mạnh phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới. Đồng thời Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Sơn La đã ban hành kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện tổ chức lớp bồi dưỡng hạt nhân văn hóa cơ sở theo chương trình mục tiêu quốc gia năm 2012, phối hợp với Vụ văn hóa dân tộc xây dựng kế hoạch và tổ chức mở lớp tập huấn cho cán bộ văn hóa các xã đặc biệt khó khăn của tỉnh. Những hoạt động trên đã có tác động tích cực đến công cuộc đổi mới ở địa phương, nâng cao nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân, đặc biệt là ở các huyện, xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Sơn La.

Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của mỗi dân tộc vì sự phát triển toàn diện dân tộc Việt Nam, trong đó có dân tộc Thái tỉnh Sơn La là phương hướng và nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của nước ta hiện nay. Điều đó xuất phát từ quan niệm coi việc bảo tồn và phát huy các giá trị

văn hóa dân tộc là trung tâm trong chính sách dân tộc về văn hóa của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

2.2.2. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Quỳnh Nhai

Hiện nay, cán bộ quản lý văn hóa của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Quỳnh Nhai gồm bốn thành viên, gồm ông Điều Chính Hiến - Quyền Trưởng Phòng (đ/c trưởng phòng vừa nghỉ hưu) và các chuyên viên là: ông Lương Văn Tuấn, ông Điều Chính Hải và bà Lương Thị Lan. Các chuyên viên của phòng đều được đào tạo về ngành văn hóa, du lịch, theo dõi mảng hoạt động quản lý di sản văn hóa của huyện Quỳnh Nhai, cùng các hoạt động khác như văn hóa dân tộc, lễ hội, di tích, du lịch, thông tin cơ sở, văn hóa gia đình. Đội ngũ cán bộ của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Quỳnh Nhai không ngừng học hỏi, nâng cao nghiệp vụ.

Theo quy định, Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Quỳnh Nhai có chức năng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quản lý nhà nước về văn hóa; gia đình; thể dục thể thao; du lịch; báo chí; xuất bản; bưu chính và chuyển phát, viễn thông, Internet; công nghệ thông tin, hạ tầng thông tin; phát thanh và các dịch vụ công cộng thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao. Với chức năng của mình, Phòng VHTT huyện Quỳnh Nhai có nhiệm vụ cụ thể, đó là:

Trình ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định, chỉ thị; kế hoạch dài hạn, hàng năm, liên quan đến công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di sản và hoạt động du lịch trên địa bàn. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình đã được phê duyệt có liên quan đến công tác quản lý di sản văn hóa và hoạt động du lịch trên địa bàn.

Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực văn hóa, du lịch, đối với cán bộ, công chức xã - thị trấn. Thực hiện công tác thống kê, thông tin báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Chủ

tịch Ủy ban nhân dân huyện, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong lĩnh vực di sản văn hóa và du lịch.

Hướng dẫn các tổ chức, đơn vị và nhân dân trên địa bàn huyện thực hiện bảo vệ các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh, bảo vệ tôn tạo, khai thác hợp lý tài nguyên du lịch, môi trường du lịch, khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn huyện.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về hoạt động văn hóa và du lịch trên địa bàn huyện.

Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, đơn vị và cá nhân trên địa bàn huyện thực hiện pháp luật về các lĩnh vực di sản văn hóa, du lịch.

2.2.3. Ban Văn hóa Thông tin xã Mường Chiên

Quản lý văn hóa xã Mường Chiên có phó chủ tịch theo dõi khối văn hóa xã hội và một công chức văn hóa xã hội. Theo Thông tư số 06/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ, ngày 30/10/2012, hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn đã quy định về chức năng, nhiệm vụ của công chức văn hóa xã hội, cụ thể :

Tham mưu, giúp ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: văn hóa, thể dục thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, lao động, thương binh, xã hội, y tế, giáo dục theo quy định của pháp luật.

Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ: Tổ chức, theo dõi và báo cáo về các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch, y tế và giáo dục trên địa bàn; tổ chức thực hiện xây dựng đời sống văn hóa ở cộng đồng dân cư và xây dựng gia đình văn hóa trên địa bàn cấp xã. Chủ trì, phối hợp với công chức khác và trưởng bản, tổ trưởng dân phố xây dựng hương ước, quy ước văn hóa thôn, bản, tổ dân phố và thực hiện công tác giáo dục tại địa bàn cấp xã. Thực hiện

các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

2.3. Công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Thái ở bản Bon với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà

2.3.1. Chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước

Khai thác di sản văn hóa Thái trên địa bàn bản Bon, xã Mường Chiên và huyện Quỳnh Nhai gắn kết với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà là cần thiết, tuy nhiên để chủ trương này đi vào thực tế thì nhà nước cần nghiên cứu và có giải pháp cụ thể để mỗi người dân trong khu du lịch có được lợi ích thực sự, UBND tỉnh Sơn La đã có những căn bản chỉ đạo kịp thời nhằm bảo tồn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc trong tỉnh, cụ thể:

Việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc Thái và các dân tộc trên địa bàn tỉnh đã được UBND, HĐND tỉnh Sơn La chỉ đạo và hướng dẫn bằng các văn bản cụ thể, Kế hoạch số: 64/KH-UBND ngày 01/9/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về quản lý, bảo vệ phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2008 - 2015 và định hướng đến 2020 đã định hướng quản lý, bảo vệ, khai thác và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, các di vật, cổ vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Sơn La đã được cơ quan nhà nước xếp hạng theo quy định của Luật Di sản văn hóa, di tích thuộc danh mục kiểm kê đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Công tác quy hoạch, lập dự án bảo quản, tu bổ, tôn tạo, phục hồi và lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Quyết định phê duyệt Đề án “Phát triển sản phẩm văn hoá, nghệ thuật tiêu biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Sơn La phục vụ phát triển du lịch”, Số: 2478/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2013, trong quyết định Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và

UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Đề án. Mỗi dân tộc ở Sơn La đều có bản sắc văn hóa độc đáo, mang đặc trưng riêng (trong đó dân tộc Thái chiếm đa số). Đặc biệt, hiện nay nhiều bản làng dân tộc ở Sơn La còn lưu giữ được những giá trị văn hóa truyền thống. Đây được xem là những tài nguyên du lịch nhân văn đặc thù có thể khai thác để tạo thành những sản phẩm du lịch văn hóa có giá trị hấp dẫn khách du lịch.

Đề án đã liệt kê những giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc Sơn La như sau:

- 1.1. Kiến trúc nhà ở truyền thống
- 1.2. Nghề thủ công truyền thống
- 1.3. Trang phục truyền thống
- 1.4. Nhạc cụ truyền thống
- 1.5. Âm thực truyền thống
- 1.6. Lễ hội truyền thống
- 1.7. Các trò chơi dân gian
- 1.8. Dân ca
- 1.9. Dân vũ
- 1.10. Các di tích lịch sử - văn hóa

Khảo sát, lựa chọn 10 bản làng còn giữ được phần lớn kiến trúc nhà truyền thống, có cảnh quan môi trường đẹp, điều kiện về giao thông tương đối thuận lợi, nằm ở các địa bàn có lợi thế phát triển du lịch (huyện Mộc Châu, Mai Sơn, Mường La, Quỳnh Nhai, Thành phố Sơn La) để đầu tư xây dựng thành các bản du lịch cộng đồng, tạo điểm đến cho khách du lịch [60].

Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 4 tháng 8 năm 2016 của HĐND tỉnh Sơn La khóa XIV, kỳ họp thứ 2 đã thông qua Đề án khai thác tiềm năng vùng hồ các thủy điện trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, kèm theo danh mục

các dự án trọng điểm ưu tiên giai đoạn 2016 - 2020, mục 13: bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai được hỗ trợ xây dựng bản du lịch cộng đồng, giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018.

Huyện Quỳnh Nhai và chính quyền bản Bon, xã Mường Chiên tiếp thu và thực hiện Đề án *Khai thác tiềm năng vùng hồ các thủy điện trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020* và Đề án *Phát triển sản phẩm văn hoá, nghệ thuật tiêu biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Sơn La phục vụ phát triển du lịch*, góp phần xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Từ Đề án chỉ đạo, huyện Quỳnh Nhai đã xác định mục tiêu đầu tư phát triển văn hoá phục vụ phát triển du lịch tại bản Bon và nhân rộng ra các bản trong huyện, mang lại những hiệu quả thiết thực, nâng cao đời sống kinh tế, văn hoá, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống của đồng bào dân tộc Thái, góp phần vào quá trình bảo tồn và phát huy nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong Nghị quyết HĐND tỉnh Sơn La khóa XIV, kỳ họp thứ 3 về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 số:22/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 đã ban hành chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh cho các bản có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng, các hộ gia đình tại các bản du lịch cộng đồng có nhu cầu tham gia kinh doanh du lịch cộng đồng, quy định mức hỗ trợ cụ thể trong nghị quyết.

Ngày 28 tháng 3 năm 2017 Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Hướng dẫn số: 547/HD-SVHTTDL về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020.

Qua các văn bản chỉ đạo của UBND, HĐND, SVHTTDL ta có thể thấy sự quan tâm của chính quyền tỉnh Sơn La tới công tác bảo tồn, phát huy

những giá trị văn hóa các dân tộc trong đó có dân tộc Thái tại bản Bon. Với những chính sách hỗ trợ tích cực từ nhà nước, ngành du lịch Sơn La hứa hẹn đem lại những kết quả đột đẹp. đóng góp nâng cao chất lượng sống cho người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Hướng việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống dân tộc đưa và hoạt động du lịch, không làm mất đi bản sắc vốn có, phát huy giá trị văn hóa tộc người có hiệu quả.

2.3.2. Suru tầm, nghiên cứu xác định giá trị di sản văn hóa Thái ở bản Bon

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 Khoá VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Tỉnh Sơn La đã thống nhất tư tưởng và mục tiêu chỉ đạo coi trọng bảo tồn, phát huy những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp, xây dựng và phát triển những giá trị mới về văn hoá, văn học nghệ thuật của các dân tộc, bài trừ các hủ tục lạc hậu, mở rộng mạng lưới thông tin ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thời gian qua, chính quyền bản Bon, xã Mường Chiên đã có những hoạt động thiết thực trong việc sưu tầm, bảo tồn giá trị di sản văn hóa tại địa phương. Ban văn hóa xã Mường Chiên và nhân dân bản Bon đã kết hợp với Hợp tác xã Thủy sản Quỳnh Nhai tổ chức các đội văn nghệ, khôi phục các điệu xòe, điệu múa cổ, phục vụ du khách, tăng cường nhắc nhở người dân bảo vệ các công trình văn hóa như cột mốc trung tâm huyện lỵ Quỳnh Nhai cũ, miếu thờ Nàng Han, thống kê nhà sàn cổ trên địa bàn bản Bon, khuyến khích người dân sinh hoạt theo nếp sống cũ, mang bản sắc văn hóa dân tộc Thái.

Với chính sách khuyến khích của tỉnh Sơn La, các đề án, dự án, đề xuất các phương án bảo tồn được đẩy mạnh, các đề tài nghiên cứu cấp tỉnh về bảo tồn di sản văn hoá đã được thực hiện gắn với huyện Quỳnh Nhai và đồng bào dân tộc Thái tại bản Bon như: “Giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc Thái trong quá trình hội nhập quốc tế”; “Bảo tồn văn hóa cư dân vùng tái định cư thủy điện Sơn La”; “Bảo tồn di sản văn hóa vùng lòng

hồ thủy điện Sơn La”. Qua việc nghiên cứu những đề tài khoa học, đề án, dự án đã đánh giá được thực trạng của của di sản văn hóa và đưa ra những định hướng, giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị của di sản.

Hiện tại bản Bon có 127 nhà sàn. Trong đó có 48 nhà sàn cũ và 79 nhà sàn được làm mới và tu sửa. Nhà sàn cũ tập trung tại khu vực ngã tư gần cầu vào bản, khu vực này trước đây là vùng đất cao, không chịu ảnh hưởng nhiều sau khi mực nước sông Đà dâng lên sau khi thủy điện Sơn La đóng đập. Những nếp nhà này giữ nguyên theo đúng kiến trúc nhà người Thái và tạo nên một bản Thái nguyên vẹn, ít biến đổi.

Văn học dân gian truyền miệng, gồm có các câu chuyện cổ tích, thần thoại, tục ngữ, ngạn ngữ, thành ngữ... giúp ta có thể hình dung về bức tranh lịch sử của dân tộc Thái. Truyền thuyết về Nàng Han luôn được người dân bản Bon lưu truyền qua nhiều thế hệ. Các câu chuyện thường mang nội dung đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, giữa người giàu, người nghèo. Những câu chuyện cổ, những truyền thuyết về những nhân vật có công với bản làng đã được người già trong bản lưu giữ và truyền miệng lại cho con cháu, chính quyền xã Mường Chiên đang tiến hành kiểm kê và hệ thống những câu chuyện kể dân gian của người Thái tại bản Bon.

2.3.3. Tuyên truyền, quảng bá các giá trị của di sản văn hóa

Công tác tuyên truyền, quảng bá về di sản tại địa phương chưa được chú trọng, thông tin về di sản còn hạn chế. Hoạt động quảng bá di sản văn hóa của đồng bào dân tộc Thái chưa được làm một cách khoa học, bài bản, chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong tổ chức khai thác du lịch và bảo tồn, phát triển di sản văn hóa tại bản Bon, xã Mường Chiên.

Là một xã thuộc trung tâm huyện Quỳnh Nhai cũ, một thời tấp lập trên bến, dưới thuyền, kinh tế, xã hội phát triển, sau khi trung tâm huyện Quỳnh Nhai di chuyển, một phần xã Mường Chiên và bản Bon nằm dưới lòng hồ sông Đà, những di sản văn hóa có giá trị của bản Bon không còn được quan tâm đầu

tư. Hiện nay tỉnh Sơn La đã có một trang web có tên: dsvh.sonla.gov.vn/ cung cấp các thông tin về si sản văn hóa của các làng, bản trên toàn tỉnh Sơn La. Tuy nhiên trang web không được cập nhật thường xuyên, nhiều di sản văn hóa tại bản Bon, có giá trị chưa được nhắc tới như: đàn tính tẩu, nón ở bản Bon. Gây khó khăn cho cộng đồng dân tộc Thái cũng như các dân tộc khác, khách du lịch tìm hiểu, nghiên cứu về di sản văn hóa của dân tộc Thái tại bản Bon, xã Mường Chiên.

Nhận thức được tầm quan trọng của di sản văn hóa Thái trong thúc đẩy du lịch phát triển, nhiều năm qua UBND huyện Quỳnh Nhai đã chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá lễ hội đua thuyền, lễ hội gỏi đầu và một số lễ hội khác của đồng bào Thái trên địa bàn huyện, thu hút khách du lịch đến với Quỳnh Nhai. Ngày 5 tháng 2 và ngày 6 tháng 2 năm 2017 tổ chức lễ hội đua thuyền truyền thống năm 2017, cuộc thi ẩm thực, các gian hàng trưng bày sản phẩm thủ công truyền thống của 11 xã trên địa bàn huyện, các môn thể thao như ném còn, đẩy gậy, kéo co thu hút du khách trong và ngoài huyện. Ngoài ra huyện còn tổ chức chương trình nghệ thuật *Bản tình ca bên sông Đà*, tái hiện truyền thuyết vị nữ tướng anh hùng Nàng Han, các tiết mục múa, hát. Thi trình diễn trang phục phụ nữ các dân tộc trong huyện, giới thiệu với du khách thăm quan.

Lễ hội đua thuyền diễn ra với 400 vận động viên từ các huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu, huyện Mai Sơn, Phù Yên, thành phố Sơn La, và 9 xã trong huyện: Cà Nàng, Mường Chiên, Pá Ma Pha Khinh, Mường Giôn, Chiềng En, Mường Giàng, Chiềng Bằng, Mường Sại, Nậm É. Lễ hội đua thuyền truyền thống là một hoạt động văn hóa cộng đồng, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của người Thái huyện Quỳnh Nhai, Thông qua lễ hội, quảng bá du lịch tới du khách về tiềm năng mảnh đất, con người Quỳnh Nhai. Công tác tuyên truyền, quảng bá lễ hội của huyện Quỳnh Nhai đã đạt được những thành công nhất định.

Bên cạnh những thành công trong công tác tuyên truyền, quảng bá giá trị di sản văn hóa dân tộc Thái và tiềm năng du lịch lòng hồ sông Đà còn một số hạn chế, tồn tại như: hệ thống dịch vụ phục vụ du khách chưa đảm bảo, các điểm du lịch lòng hồ chưa tạo được sự liên kết, các sản phẩm du lịch đặc trưng của huyện còn nghèo nàn, hệ thống nhà nghỉ, Homestay chưa được đầu tư hiệu quả, các bến thuyền, đưa đón du khách chưa được quản lý chặt chẽ, du khách bị ép giá và chất lượng phục vụ còn chưa tốt. Các hộ dân kinh doanh du lịch chưa được tập huấn bài bản. Hình ảnh về du lịch và giới thiệu quảng bá du lịch Quỳnh Nhai trên internet còn hạn chế, thiếu thông tin cung cấp cho khách du lịch.

2.3.4. Phục hồi khai thác và phát huy các giá trị của di sản văn hóa phục vụ du lịch

Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa là hai mặt của một thể thống nhất, có tác động tương hỗ lẫn nhau trong quá trình phát triển xã hội mà văn hóa được xem là nền tảng. Phát huy các giá trị văn hóa sẽ có tác dụng làm tăng ý thức, trước hết là của mỗi thành viên trong cộng đồng dân tộc về trách nhiệm bảo tồn các giá trị văn hóa. Các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn bản Bon, xã Mường Chiên nếu không được bảo tồn và phát huy một cách kịp thời, đồng bộ, trước sự phát triển của kinh tế thị trường sẽ đánh mất giá trị di sản văn hóa quý giá này. Vì vậy, việc bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Thái nơi đây là cơ sở, tạo cơ hội cho người dân bản Bon có được các giá trị văn hóa để tự hào, giới thiệu với dân tộc khác.

Du lịch là một ngành kinh tế có định hướng tài nguyên một cách rõ rệt, hay nói một cách khác, du lịch chỉ có thể phát triển trên cơ sở khai thác các giá trị tài nguyên du lịch. Đúng từ góc độ này, các giá trị văn hóa được xem là dạng tài nguyên du lịch để khai thác tạo ra các sản phẩm du lịch hấp dẫn, khác

biệt và có khả năng cạnh tranh không chỉ giữa các vùng miền, các địa phương trong nước mà còn giữa Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Có nhiều phương thức tiếp cận và phát huy các giá trị văn hóa, tuy nhiên du lịch được xem là phương thức phát huy có hiệu quả nhất. Du lịch được xem là cầu nối giữa các dân tộc, giữa các nền văn hóa thế giới. Qua hoạt động du lịch trên lòng hồ sông Đà du khách không chỉ có cơ hội tận mắt nhìn thấy trong thực tế, mà còn được hiểu về giá trị các di sản văn hóa nơi đây. Nhiều giá trị văn hóa chỉ có thể cảm nhận được trong khung cảnh thực của tự nhiên, của nếp sống truyền thống cộng đồng và văn hóa Thái tại bản Bon, Quỳnh Nhai, Sơn La cũng vậy.

Công tác bảo tồn các giá trị văn hóa Thái tại bản Bon đòi hỏi có kinh phí cho hoạt động thu thập, nghiên cứu, bảo vệ, tu sửa, tôn tạo... bên cạnh những yêu cầu về kinh nghiệm, về đội ngũ, về trình độ khoa học công nghệ trong lĩnh vực bảo tồn. Nguồn kinh phí dành cho hoạt động bảo tồn di sản văn hóa từ ngân sách nhà nước thường rất hạn hẹp so với nhu cầu thực tế. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của công tác bảo tồn văn hóa. Trong bối cảnh trên, nguồn thu từ du lịch lòng hồ sông Đà cũng như du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai sẽ là đóng góp quan trọng cho hoạt động bảo tồn văn hóa Thái nơi đây.

Có thể thấy mối quan hệ tương hỗ, mật thiết giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Thái ở bản Bon với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà. Để xây dựng định hướng khai thác hiệu quả các giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch và xây dựng các chính sách phù hợp của tỉnh Sơn La và huyện Quỳnh Nhai. Cần nhìn nhận đúng đắn tiềm năng và tầm quan trọng của hoạt động du lịch nơi đây để du lịch có những đóng góp tích cực và trách nhiệm nhất cho hoạt động bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa Thái địa phương.

Không dừng lại ở các công trình nghiên cứu và việc sưu tầm, bảo tồn, tôn tạo các giá trị văn hoá truyền thống bằng sự đầu tư của Nhà nước. Những năm qua, tỉnh Sơn La đã triển khai xã hội hoá công tác bảo tồn, điển hình là phong trào văn nghệ quần chúng. Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức du lịch cộng đồng cho người dân địa phương và các cơ sở kinh doanh tư nhân là nhiệm vụ hết sức quan trọng của chính quyền địa phương, hiểu được giá trị của di sản, biết được cách bảo vệ di sản và đưa di sản của dân tộc vào phát triển kinh tế như một sản phẩm kinh doanh cần phải có định hướng cụ thể. Xây dựng các đội văn nghệ, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, những điệu múa, điệu xòe Thái, mỗi bản trong xã Mường Chiên đều có đội văn nghệ, nhiều bản có 2 đến 3 đội. Các đội văn nghệ này đều do dân tự tổ chức, tự mua sắm trang phục, đạo cụ tập luyện và biểu diễn phục vụ bà con trong bản vào những dịp lễ tết, và phục vụ khách du lịch. Phòng Văn hóa Thông tin huyện Quỳnh Nhai giúp các đội văn nghệ định hướng phát triển, tập huấn cho các hạt nhân văn hoá văn nghệ, xây dựng các đội văn nghệ mẫu, đào tạo cán bộ quản lý văn hoá ở cơ sở. Ngoài ra, các đội văn nghệ này còn thường xuyên biểu diễn giao lưu với các bản, xã lân cận, phục vụ khách tham quan và biểu diễn giao lưu với các địa phương.

Nghề đặc trưng của bản Bon như nghề làm đàn tính tẩu, nghề làm nón hiện nay đã dần mai một, công tác bảo tồn nghề truyền thống tại bản Bon nên được quan tâm nhiều hơn. Bản Bon có một lợi thế rất lớn từ nguồn nước nóng tự nhiên, đó cũng là một điểm nhấn du lịch của bản Bon. Chính quyền xã Mường Chiên và bản Bon nên đề xuất Phòng Văn hóa Thông tin huyện Quỳnh Nhai sớm có quy hoạch khu vực suối nước nóng để đưa vào phục vụ du lịch. Ngày 3 tháng 12 năm 2016 xã Mường Chiên được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, là thuận lợi không hề nhỏ đối với người dân tại bản Bon, chính quyền địa phương nên xây dựng quy ước bản văn hóa. Ngày nay,

theo thời gian, xu hướng phát triển của thời đại, lễ hội Gội đầu đã thay đổi nhiều. Để bảo tồn và phát huy nét đẹp và những giá trị truyền thống, đáp ứng nhu cầu sử dụng văn hóa của người dân. Sau khi thực hiện di dân tái định cư, nhường chỗ cho công trình thủy điện Sơn La đến nơi ở mới tại Phiêng Lanh, bà con nhân dân cũng như Huyện ủy, phòng Văn hóa huyện Quỳnh Nhai đã tổ chức, phục hưng lễ hội Gội đầu để tôn vinh bản sắc văn hóa của dân tộc Thái huyện Quỳnh Nhai, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, góp phần nâng cao trình độ dân trí cho người dân. Lễ hội cũng là dịp để quảng bá, giới thiệu tiềm năng văn hóa, du lịch.

Ý nghĩa của công tác phục hồi và phát huy các giá trị di sản văn hóa Thái phục vụ du lịch hết sức quan trọng, thể hiện tính nhân văn sâu sắc, khám phá những nét đẹp của cộng đồng dân tộc Thái, được tận mắt chứng kiến và lắng nghe hơi thở cuộc sống đang thay đổi từng ngày trên vùng đất Quỳnh Nhai.

2.3.5. Thanh tra, kiểm tra

Huyện Quỳnh Nhai, xã Mường Chiên và chính quyền bản Bon phối hợp kiểm tra việc chấp hành những quy định về khai thác giá trị của di sản văn hóa Thái với phát triển du lịch đúng theo những nguyên tắc đã đề ra trong Quy chế quản lý. Những vấn đề trọng tâm như quản lý, cấp phép xây dựng, vệ sinh môi trường, hoạt động văn hóa.. được tổ chức công tác kiểm tra chặt chẽ, không để xảy ra những sai phạm và những vi phạm được kịp thời phát hiện.

Tại các điểm có đông du khách, huyện Quỳnh Nhai phối hợp với xã Mường Chiên tăng cường kiểm tra đảm bảo an toàn về bến, thuyền, an toàn thực phẩm, an ninh trật tự, kiểm tra việc chấp hành quy định niêm yết giá thuyền, giá phục vụ, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trong hoạt động kinh doanh dịch vụ. Nhắc nhở các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh giữ bình ổn giá thuyền, giá phòng nghỉ, khách sạn, dịch vụ ăn uống. Kiểm tra hoạt động của các đội văn nghệ phục vụ du khách, hiện nay do phục vụ nhu cầu

của du khách, một số đội văn nghệ đã biểu hiện sự lệch lạc trong hoạt động biểu diễn. Trang phục biểu diễn không đúng quy định, sai lệch so với trang phục truyền thống Thái Trắng tại bản Bon, nhiều đội văn nghệ còn sử dụng trang phục nữ Thái Đen vào biểu diễn những điệu múa, hát phục vụ du khách.

Tăng cường kiểm tra hoạt động của chủ tàu, thuyền phục vụ khách du lịch, về điều kiện đảm bảo an toàn, chất lượng dịch vụ trên thuyền, lịch trình phục vụ và quy định nơi neo đậu của thuyền du lịch. Tăng cường kiểm tra các cơ sở lưu trú tại bản Bon, thời điểm hiện tại chưa phát hiện cơ sở lưu trú vi phạm hiện tượng mại dâm nhưng trong thời gian tới, lượng khách du lịch tới bản Bon tăng, chính quyền địa phương nên đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra các cơ sở lưu trú về vấn đề mại dâm, hướng người dân kinh doanh du lịch đúng cách, hiệu quả, chấp hành tốt quy định của pháp luật, tạo môi trường du lịch lành mạnh tại bản Bon. Kiểm tra, cấp phép cho các cơ sở tư nhân xây dựng phòng tắm tại nguồn nước nóng bản Bon, khuyến khích các cơ sở tư nhân đầu tư dịch vụ đảm bảo vệ sinh, tiện nghi, thu hút khách du lịch. Đình chỉ hoặc tước giấy phép kinh doanh đối với những cơ sở vi phạm.

Hàng năm chính quyền địa phương nên rà soát, thanh tra, kiểm tra nắm bắt hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, các cơ sở tư nhân, kịp thời điều chỉnh cơ chế, chính sách phù hợp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, cơ sở tư nhân hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn xã Mường Chiên và bản Bon hoạt động hiệu quả, thúc đẩy kinh tế địa phương.

2.3.6. Vai trò của cộng đồng trong bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Thái ở bản Bon với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà

Quá trình tiếp biến văn hóa xuất hiện một số yếu tố tác động đến văn hóa Thái tại bản Bon, có nguy cơ làm mất bản sắc văn hóa dân tộc. Một số thanh niên dân tộc Thái trong bản đã không còn mặc trang phục dân tộc mình, họ mặc trang phục người Kinh để thuận tiện trong sinh hoạt, lao động. Tuy

nhiên, thế hệ những người trung niên, người cao tuổi ở bản Bon vẫn có ý thức về việc giữ gìn bản sắc văn hóa của tộc người.

Qua trao đổi với người dân, tác giả được biết người Thái ở bản Bon vẫn thích mặc trang phục dân tộc, nhất là người cao tuổi. Bà Mè Thị Nhất 54 tuổi, người dân sống tại khu tái định cư bản Bon cho biết: “Ngày xưa đi làm nương hay ở nhà đều mặc trang phục này, quen rồi giờ mặc quần áo của người Kinh không thích”. Vai trò của người dân trong việc bảo tồn nét văn hóa dân tộc mình là hết sức quan trọng, khi người dân Thái còn mặc trang phục dân tộc Thái, nét văn hóa Thái vẫn được gìn giữ nguyên vẹn trong cộng đồng.

Nhà sàn của người Thái là di sản vật thể giá trị, qua khảo sát một số người dân sống tại bản Bon và khu tái định cư tác giả thấy, người Thái nơi đây hầu hết đều muốn sống trong ngôi nhà sàn truyền thống. Bà Điều Thị Hoa, chủ cửa hàng tạp hóa, người dân sống tại bản Bon khi tác giả hỏi đã trả lời như sau: “trước ở với bố mẹ là nhà sàn, sau này buôn bán nên vợ chồng chuyển ra gần chợ xây nhà ở cấp bốn ở. Nhưng vẫn thích ở nhà sàn hơn, nhà sàn mát, nhà xây nóng lắm”. Ông Lò Văn Tỉnh 40 tuổi, lái thuyền phục vụ du khách tại bản Bon trả lời: “Người Thái phải ở nhà sàn chứ”. Bà Sa Hồng Vinh, Giáo viên trường Mầm non xã Mường Chiên: “Người Thái mình đều thích ở nhà sàn, nhà sàn thoáng mát hơn nhà xây nhiều. Không gian sinh hoạt trong nhà sàn phù hợp với phong tục tập quán người Thái, giờ mà không ở nhà sàn thì một số tập quán sẽ không giữ được nữa. ngày xưa trên sàn là người ở, phía dưới đẻ trâu, bò, gà ở. Giờ bà con thả gia súc ở ngoài nên đảm bảo vệ sinh hơn nhiều”. Về bản sắc của tộc người cần được lưu giữ, trao truyền qua các thế hệ và điều này cần có giải pháp hữu hiệu nhằm duy trì được giá trị truyền thống trong lối sống của cộng đồng người Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai, Sơn La.

Bản Bon đã thành lập 3 đội văn nghệ, các đội văn nghệ sinh hoạt định kỳ nhằm bảo tồn, gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Đội văn nghệ *Hoa ban* do chị Điều Thị Hoa làm đội trưởng, đội văn nghệ gồm 12 thành viên, đều là những thanh niên trẻ, độ tuổi từ 18 đến 23, sinh sống tại bản Bon. Đội văn nghệ chủ yếu hoạt động phục vụ khách du lịch kết hợp doanh nghiệp *Du lịch Sinh thái Quỳnh Nhai* tổ chức giao lưu tại nhà văn hóa bản Bon và tại 2 cơ sở lưu trú là nhà bà Điều Thị An, nhà ông Hoàng Văn Vur, các tiết mục được phục vụ như múa nón, xòe, múa quạt... Đội văn nghệ *Bản Bon* đội trưởng là bà Lò Thị Mái Hội trưởng hội phụ nữ bản Bon, đội văn nghệ chủ yếu phục vụ người dân địa phương trong những dịp lễ hội, tết. Đội văn nghệ gồm nhiều lứa tuổi, nam, nữ. Đặc điểm của đội văn nghệ là tập hợp người dân trong bản, số lượng và thành viên luôn có sự giao động, thời gian tập luyện không cố định. Đội văn nghệ thứ 3 là đội văn nghệ của đoàn thanh niên bản Bon, đội văn nghệ gồm 23 thành viên, độ tuổi từ 16 đến 22, sinh hoạt và tập luyện tại nhà văn hóa bản Bon. Đội văn nghệ kết hợp với *HTX Thủy sản và Du lịch Sinh thái Quỳnh Nhai* phục vụ khách du lịch tại bản Bon. Các đội văn nghệ hoạt động trong sự giám sát và định hướng của chính quyền bản Bon, trong đó có quy định về tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ khách du lịch đều mang bản sắc văn hóa dân tộc Thái Quỳnh Nhai.

Qua những đặc điểm trên, ta có thể thấy tầm quan trọng của cộng đồng trong việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Thái tại bản Bon. Việc nhận diện giá trị di sản, lựa chọn các loại hình di sản cần được bảo vệ, phương pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nên tiếp cận từ góc nhìn của các chủ thể văn hóa - những người đã sáng tạo và hiện đang sử dụng, khai thác và bảo vệ chúng. Tổ chức chính quyền, đoàn thể và người dân đóng góp vào việc bảo tồn những giá trị văn hóa, phát huy những giá trị di

sản văn hóa đó gắn với hoạt động du lịch của địa phương theo định hướng của chính quyền xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai.

2.4. Đánh giá chung

2.4.1. Ưu điểm

Trong những năm qua công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc Thái vùng lòng hồ sông Đà, trong đó có bản Bon, huyện Quỳnh Nhai đã đạt được những kết quả tốt. Hệ thống những giá trị di sản vật thể và phi vật thể của người Thái bản Bon và xã Mường Chiên nhận được sự quan tâm của tỉnh Sơn La, của huyện Quỳnh Nhai dần chuyển biến khả quan. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân tộc Thái ngày một nâng cao. Hàng năm tỉnh Sơn La và huyện Quỳnh Nhai đã tiến hành điều tra, khảo sát, nghiên cứu lập hồ sơ khoa học di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đề nghị các cấp xếp hạng.

Trên tuyến du lịch lòng hồ sông Đà có những điểm đến như Đền Linh Sơn Thủy Từ, Cầu Pá Uôn, di tích cây đa Pắc Ma, Cột mốc đánh dấu trung tâm huyện Quỳnh Nhai cũ... UBND huyện tổ chức Lễ hội đua thuyền hằng năm với quy mô lớn, thu hút đông đảo nhân dân trong và ngoài huyện tham gia. Lễ hội gọi đầu mừng năm mới được tổ chức vào 30 Tết âm lịch hằng năm để tưởng nhớ Nàng Han, người con gái cầm quân đánh đuổi giặc ngoại xâm và mong muốn gạt bỏ những xui xẻo, bệnh tật của năm cũ, đón năm mới với nhiều sức khỏe, may mắn, được tổ chức từ năm 2003 đến nay, cũng thu hút du khách. Những ghi chép về luật lệ bản mường, phong tục tập quán, hôn lễ, tang ma... được tập hợp trong cuốn *Luật tục Thái ở Việt Nam* (1999) do soạn giả Ngô Đức Thịnh và Cầm Trọng biên soạn. Những tập tục mang nội dung văn hóa tâm linh, biểu hiện thế giới quan folklore của dân tộc Thái. Những tác phẩm văn chương bằng thơ, đến nay có nhiều tác phẩm đã được biên dịch và xuất bản: *Xống chụ xon xao* (Tiễn dặn người yêu), *Khun lú nàng Ủa*, *Tản chụ*

xiết xương. Trong đó phải kể đến tập truyện thơ *Xống chụ xon xao* (Tiễn dặn người yêu) ... Những hoạt động giới thiệu về văn hóa Thái tại bản Bon tuy chưa nhiều nhưng hiện nay, với nhu cầu của khách du lịch khi đặt chân tới bản Bon. Các doanh nghiệp du lịch như *HTX Thủy sản và Du lịch Quỳnh Nhai*, *Du lịch Sinh thái Quỳnh Nhai* đã tổ chức giao lưu văn hóa, văn nghệ cho các đoàn tới bản Bon, tổ chức các buổi diễn, giới thiệu về các điệu múa, hát đặc trưng của dân tộc Thái, đồng thời giới thiệu về văn hóa ẩm thực với du khách.

Công tác nghiên cứu, sưu tầm những di sản văn hóa phi vật thể cùng đồng bào dân tộc Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên đã được quan tâm và triển khai khá hiệu quả, trong đó đặc biệt quan tâm đến việc gắn kết với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà. Nâng cao nhận thức của người dân trên địa bàn trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa của người Thái. UBND huyện Quỳnh Nhai đã nhận thức được tầm quan trọng của di sản văn hóa dân tộc Thái cùng nguồn lợi kinh tế từ hoạt động du lịch trên lòng hồ sông Đà, thời gian qua huyện đã chỉ đạo phòng văn hóa thông tin khôi phục lại lễ hội đua thuyền, và lễ hội gọi đầu của dân tộc Thái, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời thu hút khách du lịch.

Phong trào văn hoá văn nghệ quần chúng tại bản Bon, xã Mường Chiên phát triển sâu rộng, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hoá của nhân dân các dân tộc trong bản, phục vụ khách du lịch, góp phần bảo tồn, khai thác, phát huy những giá trị văn hoá truyền thống. Công tác thanh tra kiểm tra cũng được chú trọng, huyện Huỳnh Nhai thường xuyên thành lập các tổ công tác liên ngành kiểm tra việc chấp hành những quy định về việc khai thác giá trị của di sản văn hóa Thái với phát triển du lịch tại bản Bon, xã Mường Chiên theo nguyên tắc chính quyền địa phương đề ra.

2.4.2. Hạn chế

Bên cạnh mặt đã đạt được vẫn còn hạn chế như sau: hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch mặc dù đã được đầu tư nhưng chưa đạt được hiệu quả cao, các doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển, tổ chức tour cho khách du lịch còn hoạt động với quy mô nhỏ. tiếp biến văn hóa xuất hiện một số yếu tố tác động đến văn hóa Thái, có nguy cơ làm mất bản sắc văn hóa dân tộc, thanh niên người dân tộc Thái không còn mặc trang phục truyền thống của dân tộc mình.

Du lịch mở ra một nguồn lợi về kinh tế lớn nhưng đồng thời, quản lý và ý thức bảo vệ vùng du lịch không tốt sẽ dẫn tới những hệ lụy sau này. Do đặc điểm của vùng lòng hồ sông Đà ở Quỳnh Nhai mực nước không ổn định, mùa nước cạn, bến thuyền được quy hoạch xây dựng không sử dụng được, người dân tự ý tạo những bến nhỏ, đón trả khách, gây nguy hiểm cho du khách và gây khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền địa phương. Ngoài ra một số người dân tự ý đưa thuyền không đủ chất lượng vào lưu hành, gây nguy hiểm cho du khách. Công tác tuyên truyền, quảng bá về di sản tại địa phương chưa được chú trọng, thông tin về di sản còn hạn chế.

Hoạt động quảng bá di sản văn hóa của đồng bào dân tộc Thái chưa được làm một cách khoa học, bài bản, chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong tổ chức khai thác du lịch và bảo tồn, phát triển di sản văn hóa tại bản Bon, xã Mường Chiên.

Tiểu kết

Người Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai, Sơn La với những di sản văn hóa đa dạng, phong phú bao gồm những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể có giá trị văn hóa - lịch sử lâu đời.

Trong chương 2, luận văn đã nêu ra những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể ở bản Bon như:

Di sản vật thể

- Nhà ở
- Vải thô vằm
- Trang phục
- Văn hóa ẩm thực
- Cột mốc đánh dấu trung tâm huyện Quỳnh Nhai cũ
- Miếu thờ Nàng Han

Di sản phi vật thể

- Ngôn ngữ và chữ viết
- Múa xòe
- Âm nhạc
- Nghề thủ công truyền thống
- Lễ hội Kin Pang Then
- Lễ hội gọi đầu
- Lễ hội Sên bản, Sên mừng

Khảo sát, phân tích, tổng hợp và làm rõ các chủ thể quản lý di sản văn hóa Thái ở huyện Quỳnh Nhai như: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Sơn La, Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Quỳnh Nhai, Ban Văn hóa xã Mường Chiên.

Công tác quản lý nhà nước đối với di sản văn hóa người Thái được luận văn làm rõ trên một số phương diện như: Công tác chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước; Công tác sưu tầm, nghiên cứu xác định giá trị của di sản văn hóa Thái ở bản Bon; Công tác tuyên truyền, quảng bá các giá trị của di sản văn hóa; Công tác phục hồi khai thác và phát huy các giá trị của di sản văn hóa phục vụ du lịch; Công tác thanh tra, kiểm tra. Vai trò của cộng đồng trong bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Thái ở bản Bon với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà cũng được luận văn đề cập đến.

Chương 3

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA THÁI Ở BẢN BON GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÒNG HỒ SÔNG ĐÀ

3.1. Định hướng bảo tồn và phát huy di sản văn hóa người Thái ở huyện Quỳnh nhai gắn với phát triển du lịch

3.1.1. Định hướng của Đảng

Trong Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 BCH Trung ương khoá VIII đã chỉ ra những vấn đề về việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng ta xác định di sản văn hóa có vị trí quan trọng góp phần tạo nên giá trị của một nền văn hóa. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đã khẳng định: Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể.

Nghị quyết hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI số: 33-NQ/TW ngày 09 tháng 06 năm 2014, *Xây dựng và phát triển Văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, đã chỉ ra những mục tiêu cụ thể:

- Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước.
- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội

nhập quốc tế. Xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mỗi gia đình. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người Việt Nam hoàn thiện nhân cách.

- Hoàn thiện thể chế, chế định pháp lý và thiết chế văn hóa bảo đảm xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.
- Xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh, đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam.
- Từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền và các giai tầng xã hội. Ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội [2].

Dưới góc độ quản lý văn hóa, vấn đề quan tâm là công tác tổ chức, khai thác thế mạnh của di sản văn hóa của người Thái trong phát triển du lịch lòng hồ sông Đà sao cho không đánh mất bản sắc mà hấp dẫn, thu hút được khách du lịch. Không những thế, tại Quỳnh nhai ngoài dân tộc Thái Trắng là chiếm đa số còn một số dân tộc khác cùng sinh sống.

Nghị quyết của Bộ Chính trị Số: 08-NQ/TW, ngày 16 tháng 01 năm 2017 *Về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*. đã khái quát tình hình du lịch Việt Nam như sau:

Sự phát triển của ngành Du lịch đã và đang góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xuất khẩu tại chỗ; bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, tài nguyên thiên nhiên; tạo nhiều việc làm, nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh quá trình hội nhập quốc tế, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam.

Tuy nhiên, ngành Du lịch còn một số hạn chế, yếu kém. Du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và kỳ vọng của

xã hội. Sản phẩm du lịch chưa thực sự hấp dẫn và có sự khác biệt, khả năng cạnh tranh chưa cao. Chất lượng dịch vụ du lịch chưa đáp ứng yêu cầu. Hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch chưa cao. Môi trường du lịch, an toàn thực phẩm và an toàn giao thông còn nhiều bất cập. Công tác xúc tiến quảng bá du lịch còn nhiều hạn chế về nguồn lực, sự phối hợp và tính chuyên nghiệp, hiệu quả chưa cao. Nguồn nhân lực du lịch vừa thiếu vừa yếu. Doanh nghiệp du lịch chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa; vốn, nhân lực và kinh nghiệm quản lý còn hạn chế. Vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch chưa được phát huy [5].

Từ những văn bản chỉ đạo của Nhà nước, áp dụng vào vấn đề của luận văn, ta có thể thấy việc khai thác di sản văn hóa dân tộc Thái trong phát triển du lịch lòng hồ sông Đà cần được hài hòa để đảm bảo sự cân đối. Những di sản văn hóa Thái được hình thành, tồn tại đến ngày nay là bởi chúng phù hợp với văn hóa, lối sống của người Thái, tạo nên bản sắc riêng của người Thái, do đó, khi đưa những di sản văn hóa này vào khai thác du lịch, yếu tố đồng thuận hay xung đột văn hóa sẽ xảy ra. Do đó, khai thác du lịch cũng tác động làm biến đổi di sản văn hóa, công tác định hướng rất quan trọng để có thể xác lập đúng những giải pháp cần thiết, hiệu quả đối với quản lý văn hóa tại bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai (Sơn La).

3.1.2. Định hướng của Nhà nước

3.1.2.1. Văn Bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Quyết định của BVHTTDL số: 2723/QĐ-BVHTTDL ngày 03 tháng 8 năm 2016 Về việc phê duyệt *Dự án gắn kết phát triển kinh tế và bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số* đã chỉ rõ:

- Bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc thiểu số là nhiệm vụ chiến lược mang tính lâu dài và là trách nhiệm của toàn xã hội, có sự kết hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, trung ương và địa phương,

giữa người dân với các đoàn thể, tổ chức xã hội. Trong đó, Nhà nước đóng vai trò hỗ trợ, tác động tạo điều kiện, môi trường thuận lợi, phù hợp để bảo tồn, phát triển văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

- Bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc thiểu số gắn với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, ở địa phương; đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa phát triển văn hóa và kinh tế, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy và phát triển [7].

Chính vì vậy, việc định hướng bảo bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với du lịch là định hướng bảo tồn khả quan nhất, du lịch là ngành kinh tế tổng hợp có tính xã hội hóa cao, vì vậy hoạt động phát triển du lịch có thể thu hút được sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế và cộng đồng xã hội. Vì vậy một trong những phương thức tiếp cận quan trọng cho việc phát triển du lịch bền vững ở Quỳnh Nhai là đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng, du lịch lòng hồ sông Đà dựa trên những giá trị văn hóa của người Thái nơi đây. Trong đó các giá trị, di sản văn hóa truyền thống và vai trò của cộng đồng Thái được phát huy đầy đủ nhất. Tuy nhiên thực tế, việc phát huy vai trò của cộng đồng dân tộc Thái ở Quỳnh Nhai trong việc kết hợp giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch còn rất hạn chế.

Quyết định số: 3508/QĐ-BVHTTDL ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc *phê duyệt dự án bảo tồn khẩn cấp và hỗ trợ, tăng cường năng lực bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc, bài trừ hủ tục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số (thuộc đề án “bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020” theo quyết định số: 1270/QĐ-TTG ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)*. Đã chỉ ra những nhiệm vụ trọng tâm như:

- Kiểm kê, đánh giá thực trạng về di sản văn hóa, đời sống văn hóa của các dân tộc rất ít người, các dân tộc di dân tái định cư xây dựng

các công trình thủy điện: Trên cơ sở thực tế về nguồn lực, khảo sát điều tra tại một số địa bàn trọng điểm: tỉnh Lào Cai, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Quảng Trị, Quảng Nam, Gia Lai, Kon Tum để đánh giá thực trạng về văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số ít người; đánh giá những tác động tích cực; những ảnh hưởng tiêu cực của việc di dân xây dựng các công trình thủy điện trên các lĩnh vực đời sống kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng; đề xuất xây dựng một số cơ chế chính sách để khôi phục, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của đồng bào các dân tộc khu vực tái định cư; hỗ trợ thiết lập các dịch vụ, ngành nghề nhằm tạo điều kiện cho bà con có công ăn việc làm để tăng thêm thu nhập, ổn định cuộc sống.

- Bảo tồn không gian văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số: Lựa chọn trong số 194 làng, bản các dân tộc sống tập trung để đầu tư, bảo tồn làng, bản truyền thống, gồm: bảo tồn cảnh quan môi trường thiên nhiên, các giá trị văn hóa vật thể (kiến trúc, nhà ở, trang phục, ẩm thực,...), văn hóa phi vật thể (phong tục, tập quán, lễ hội, các làn điệu dân ca, dân vũ, tiếng nói, chữ viết, văn học dân gian,...) gắn với không gian sinh hoạt văn hóa truyền thống của các dân tộc rất ít người [6].

Trước mắt, các hộ gia đình khôi phục, phát triển các nghề truyền thống như dệt thổ cẩm, đan lát, nghề làm đàn tính tẩu. Chế biến các món ăn mang đậm bản sắc riêng của người Thái Quỳnh Nhai như cá nướng (Pa Pỉnh Tộp), gà nướng, xôi màu, gỏi cá, cơm lam, canh bon, thịt gác bếp (Nhắm Giăng), cỏ cô hương. Với những cơ chế, chính sách khuyến khích phù hợp, định hướng bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Thái gắn phát triển du lịch lòng hồ sông Đà sẽ thúc đẩy kinh tế, xã hội, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Quỳnh Nhai.

3.1.2.2. Văn kiện của tỉnh Sơn La

Nghị quyết Số: 39/NQ-HĐND Hội đồng Nhân dân tỉnh Sơn La khóa XIV, kỳ họp chuyên đề lần thứ nhất, ngày 15 tháng 03 năm 2017 *Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa tỉnh giai đoạn 2010 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. Đề ra nội dung bổ sung quy hoạch:

Tập trung triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy; Kế hoạch của UBND tỉnh. Xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa tỉnh Sơn La đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, nhằm cụ thể hóa, thể chế hóa các quan điểm, đường lối của Đảng và phát triển văn hóa, xác lập những mục tiêu nhiệm vụ trước mắt và các giải pháp lâu dài; là cơ sở hoạch định quy hoạch, kế hoạch từng bước thực hiện và xây dựng phát triển ngành văn hóa Sơn La trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế [26].

Trong định hướng tầm nhìn đến năm 2030 vùng lòng hồ sông Đà tập trung xây dựng cơ sở văn hóa, góp phần ổn định đời sống sinh hoạt văn hóa tinh thần cho người dân. Phát triển văn hóa khu vực dọc sông Đà là kết hợp hoạt động văn hóa với khai thác phát triển du lịch, hình thành khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn di sản văn hóa của cư dân bản địa, phát triển hệ thống dịch vụ văn hóa gắn với du lịch nghỉ dưỡng, hoạt động thể thao mặt nước, thể thao mạo hiểm.

Theo định hướng này, vị trí và vai trò của du lịch vùng lòng hồ thủy điện Sơn La trong tổng thể tỉnh Sơn La đóng vai trò quan trọng, phù hợp với hiện trạng phát triển hiện tại, đồng thời phù hợp với vị trí của ngành du lịch trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Sơn La đến năm 2020 - 2030, đặc

biệt có đóng góp tích cực cho khôi dịch vụ trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh trong giai đoạn tới.

Về di sản văn hóa: Xây dựng ngân hàng dữ liệu văn hóa phi vật thể của tỉnh. Ngăn chặn tình trạng lấn chiếm đất đai và xây dựng các công trình vi phạm khu vực bảo vệ của di tích. Tập trung trùng tu, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích cấp quốc gia và di tích cấp tỉnh. Nghiên cứu, kiểm kê khoa học, lập hồ sơ phân loại, chọn lọc các giá trị văn hóa phi vật thể có giá trị đặc sắc đưa vào danh mục các giá trị văn hóa phi vật thể của tỉnh. Ưu tiên bảo tồn và phát triển một số loại hình nghệ thuật truyền thống của địa phương, các loại hình nghệ thuật biểu diễn của các dân tộc thiểu số.

Quyết định của UBND tỉnh Sơn La số: 2366/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 9 năm 2014 *Phê duyệt Đề án sưu tầm và phổ cập một số điệu xòe mang bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Sơn La*. Chỉ rõ tầm quan trọng của việc sưu tầm, bảo tồn điệu xòe tại tỉnh Sơn La. Xòe là một sinh hoạt văn hóa đặc sắc và có tính phổ biến trong cộng đồng dân cư vùng Tây Bắc. Xòe là tài sản vô giá của đồng bào dân tộc Thái, là sợi dây gắn kết cộng đồng, là cốt lõi của bản sắc dân tộc và là cơ sở để sáng tạo những giá trị văn hóa mới, góp phần tăng cường giao lưu văn hóa giữa các vùng miền, các quốc gia. Sưu tầm và phổ cập một số điệu xòe mang bản sắc văn hóa các dân tộc Sơn La là việc làm vô cùng cần thiết, nhằm giữ gìn, phát huy nét văn hóa truyền thống đặc sắc phát triển đúng hướng, toàn diện và bền vững, đưa nghệ thuật xòe tiếp tục thấm sâu vào cuộc sống thực tiễn và đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của nhân dân các dân tộc Sơn La.

Ngày 23/10/2013, UBND tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 2478/QĐ - UBND về việc phê duyệt *Đề án Phát triển sản phẩm văn hóa, nghệ thuật tiêu biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Sơn La phục vụ phát triển du lịch*. Đề án này cũng đã đề cập đến những di sản văn hóa của người Thái nói chung trên

địa bàn tỉnh, cũng như di sản văn hóa của người thái ở Quỳnh Nhai. Trong *Đề án Phát triển sản phẩm văn hóa, nghệ thuật tiêu biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Sơn La phục vụ phát triển du lịch* có đề cập:

Văn hoá là nguồn tài nguyên độc đáo của du lịch (nguồn nguyên liệu để hình thành nên hoạt động du lịch). Nguồn nguyên liệu văn hoá có hai loại cơ bản: Văn hoá vật thể và Văn hoá phi vật thể. Theo quan niệm của ngành du lịch, người ta xếp các thành tố văn hóa vào tài nguyên nhân văn (đối lập với tài nguyên tự nhiên như biển, sông hồ, núi rừng, hang động...) cụ thể là: Các di tích lịch sử - văn hoá; hàng lưu niệm mang tính đặc thù văn hóa dân tộc; ẩm thực; lễ hội; các trò chơi giải trí; phong tục, tập quán, cách ứng xử, giao tiếp; tín ngưỡng, tôn giáo; văn học - nghệ thuật.

Vì vậy, văn hoá là điều kiện và môi trường để cho du lịch phát sinh và phát triển. Cùng với tài nguyên tự nhiên, tài nguyên văn hoá là một trong những điều kiện đặc trưng cho việc phát triển du lịch của một quốc gia, một vùng, một địa phương. Giá trị của những di sản văn hoá: Di tích lịch sử - văn hóa, các công trình kiến trúc, các hình thức nghệ thuật, các tập quán, lễ hội, ngành nghề truyền thống... cùng với các thành tựu kinh tế, chính trị, xã hội, các cơ sở văn hoá nghệ thuật, các bảo tàng..., là những đối tượng cho du khách khám phá, thưởng thức, cho du lịch khai thác và sử dụng. Sự khai thác và thu lợi nhuận từ tài nguyên, việc xây dựng các khu điểm du lịch đều phản ánh trí tuệ và sức sáng tạo của loài người. Chính những tài nguyên này không chỉ tạo ra môi trường và điều kiện cho du lịch phát sinh và phát triển mà còn quyết định quy mô, thể loại, chất lượng và hiệu quả của hoạt động du lịch của một quốc gia, một vùng, một địa phương.[60]

Qua đó ta có thể thấy sự quan tâm của chính quyền tỉnh Sơn La về tầm quan trọng của việc khai thác những giá trị di sản của đồng bào các dân tộc trong tỉnh, lấy đó là điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch. Tỉnh Sơn La cũng xác định rõ du lịch là phương tiện để đánh thức và làm trỗi dậy các giá trị văn hoá dân tộc đang bị chìm lắng hoặc mai một dần theo thời gian trước những biến cố của lịch sử. Nhờ có du lịch mà các tài sản văn hoá đó được khôi phục, khai thác và tôn tạo, phục vụ cho nhu cầu được thẩm nhận những giá trị của những di sản đó.

Quyết định số: 3244/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Sơn La ban hành kế hoạch triển khai thực hiện *Quy hoạch phát triển du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, cụ thể hoá các định hướng, mục tiêu về xây dựng, phát triển du lịch vùng lòng hồ thủy điện Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn 2030 gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-TU ngày 01/4/2013 của Ban thường vụ Tỉnh uỷ về phát triển du lịch đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030.

Phát triển du lịch vùng lòng hồ sông Đà là phù hợp với các chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam, vùng Trung du miền núi Bắc Bộ; Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, du lịch tỉnh Sơn La. Phát triển du lịch Vùng lòng hồ sông Đà trên quan điểm phát triển kinh tế xã hội ổn định và bền vững, tăng trưởng du lịch với tốc độ cao là mục tiêu song song bảo đảm hiệu quả về môi trường, kinh tế, xã hội, bảo tồn, bảo vệ các danh lam thắng cảnh, hệ sinh thái, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên, đảm bảo an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

Quyết định của UBND tỉnh Sơn La Số: 1645/QĐ-UBND, ngày ngày 05 tháng 8 năm 2013, *Phê duyệt quy hoạch bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020*. Góp phần đưa mạng lưới giao thông vận tải đường thủy của tỉnh được gắn kết thành một hệ thống thống nhất, hình thành mạng

lưới liên hoàn kết nối các vùng kinh tế, đảm bảo mối liên hệ với hệ thống giao thông của vùng, cả nước và đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh đến năm 2020, đồng thời vùng lòng hồ sông Đà thu hút lượng khách du lịch khá lớn, việc phê duyệt quy hoạch xây dựng bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Sơn La giúp việc giao thương, đưa đón khách du lịch, tạo môi trường du lịch thuận lợi cho các huyện vùng lòng hồ sông Đà.

Phát triển Vùng lòng hồ sông Đà là động lực phát triển du lịch tỉnh Sơn La và trở thành khu du lịch quốc gia trong tương lai. Phát triển theo hướng du lịch tham quan, sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ cuối tuần; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói, giảm nghèo, giữ vững an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội đang là định hướng phát triển của tỉnh Sơn La, cụ thể bằng các văn bản chỉ đạo, vốn đầu tư từ ngân sách và sự đồng thuận của nhân dân.

3.1.2.3. Văn bản chỉ đạo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La

Hướng dẫn số: 547/HD-SVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La về việc *Triển khai thực hiện Nghị quyết về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020*. Nội dung hướng dẫn thực hiện bao gồm:

- Hướng dẫn hồ sơ đề nghị hỗ trợ bản du lịch cộng đồng.
- Hướng dẫn hồ sơ đề nghị đối với hỗ trợ hộ dân kinh doanh du lịch cộng đồng.

3.2. Một số giải pháp

3.2.1. Nhận thức

Xây dựng và phát triển văn hóa trong đó đội ngũ trí thức đóng vai trò quan trọng. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể, nhất là trí thức trong ngành văn hóa phải sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền giáo dục làm chuyển biến nhận thức của đồng bào ở bản Bon về giá trị và tầm quan trọng của những tinh hoa văn hóa mà cha ông đã tạo nên, nâng

cao ý thức tự bảo vệ những di sản văn hóa của chính dân tộc mình, tìm ra những biện pháp hữu hiệu để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đó gắn với hoạt động du lịch, nhằm phục vụ đời sống, kinh tế người dân.

Chú trọng tuyên truyền, giáo dục, giúp cộng đồng người Thái ở bản Bon thấm nhuần truyền thống lịch sử. Các hoạt động tuyên truyền phải gắn với quản lý xã hội bằng pháp luật, phát huy tinh thần tự giác. Phát động phong trào *“Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa”*, huy động mọi lực lượng nhân dân và cơ quan nhà nước, các đoàn thể xã hội tích cực tham gia. Chỉ khi nào người dân hiểu được vị trí, vai trò của họ trong hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa thì họ mới tích cực, tự giác thực hiện có hiệu quả. Nếu bản thân người dân không có ý thức giữ gìn, kế thừa thì sự mai một các giá trị văn hóa là điều không tránh khỏi.

Chính quyền xã Mường Chiên cần tăng cường công tác giáo dục, bồi dưỡng cán bộ nhằm nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy đội ngũ cán bộ văn hóa, cử cán bộ đi tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về di sản, nghiệp vụ du lịch theo kế hoạch của tỉnh Sơn La. Phổ biến kiến thức cho nhân dân và các cơ sở tư nhân trong toàn xã về việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Thái trên địa bàn. Mặt trận, đoàn thể và nhân dân bản Bon sau khi được phổ biến kiến thức, nêu cao tinh thần tự giác xây dựng bản Bon từng bước trở thành bản du lịch.

Hình thức chủ yếu để thực hiện việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc Thái ở bản Bon là thông qua tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục. Do đó, trước mắt Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Quỳnh Nhai tập trung chỉ đạo thường xuyên, liên tục mở các đợt tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức như: tổ chức tập huấn cho cán bộ các xã, tuyên truyền về di sản và văn hóa du lịch trên loa phát thanh nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công tác giữ gìn, kế thừa và phát huy các

giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung và dân tộc Thái huyện Quỳnh Nhai nói riêng. Công tác giáo dục, tuyên truyền, cần phát huy tốt vai trò trưởng bản. Họ là những người lưu giữ được nhiều nhất những giá trị văn hóa truyền thống, có kinh nghiệm và uy tín tổ chức các hoạt động văn hóa, là trụ cột trong các hoạt động văn hóa và được nể trọng trong cộng đồng.

Chính quyền bản Bon, xã Mường Chiên cần đặc biệt quan tâm tới thế hệ trẻ trong bản. Đây là đối tượng nhạy cảm nhất đối với mọi sự thay đổi, trong họ luôn có sự lựa chọn giữa hai yếu tố truyền thống và hiện đại. Bằng nhiều hình thức, xã Mường Chiên cần tạo mọi điều kiện cho thanh niên tìm hiểu, tiếp xúc với các di sản văn hóa truyền thống, cụ thể qua các hoạt động sinh hoạt cộng đồng của bản. Qua đó, hình thành niềm tự hào, xóa bỏ những mặc cảm, tự ty, xem việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc là nhiệm vụ thiêng liêng, vinh dự.

Để công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai đạt hiệu quả cao, cần phải kiên toàn và triển khai nhân rộng các mô hình thiết chế văn hóa tiêu biểu ở một số địa phương. Đưa cán bộ nhân dân bản Bon đi học tập về mô hình bản văn hóa dân tộc Thái Đen ở Bản Bó, xã Chiềng Cơi, thành phố Sơn La. Trong những năm gần đây, thực hiện công tác giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa như: múa xòe, lễ hội Sên bản, ẩm thực, lễ hội đua thuyền, lễ hội gỏi đầu. Tổ chức cho cán bộ, nhân dân đi học tập mô hình bản Áng, xã Đông Sang huyện Mộc Châu về du lịch cộng đồng gắn với cảnh quan hồ rừng thông để về triển khai du lịch ở bản, khai thác di sản và phát triển. Từng bước triển khai kế hoạch hành động, biến mục tiêu đưa bản Bon trở thành một trong những điểm đến điển hình của giữ gìn bản sắc, văn hóa dân tộc Thái.

3.2.2. Quy hoạch

Kế hoạch triển khai quy hoạch phát triển du lịch vùng lòng hồ thủy điện Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, *(Ban hành kèm theo Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)*, xác định rõ nhiệm vụ cụ thể, trách nhiệm và thời hạn hoàn thành của các cơ quan, ban ngành, địa phương, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện các giải pháp của quy hoạch vùng lòng hồ. Đồng thời hướng dẫn thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời theo từng phân kỳ những nội dung đã được quy định trong quy hoạch; các hoạt động đề ra phải phù hợp với tình hình thực tiễn của ngành, địa phương; huy động được mọi nguồn lực xã hội trong phát triển du lịch vùng lòng hồ sông Đà. Chính quyền xã Mường Chiên cần tổ chức phổ biến, tuyên truyền quy hoạch, Tổ chức phổ biến sâu rộng nội dung của Quy hoạch phát triển du lịch vùng lòng hồ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đến các đoàn thể, các tầng lớp nhân dân trong xã. Tuyên truyền, đăng tải, phổ biến nội dung của quy hoạch về bến thuyền, bến xe ô tô, xe máy, các hạng mục quy hoạch khu vui chơi, giải trí...

Xây dựng kế hoạch, cân đối bố trí vốn đầu tư hàng năm để đầu tư hạ tầng, giao thông quanh xã, nhắc nhở người dân giữ gìn di sản. Kịp thời nắm bắt những khó khăn vướng mắc của các cá nhân, doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn xã. Tập trung triển khai phát triển, nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng giao thông toàn xã. Tăng cường công tác quản lý và hỗ trợ xác nhận cho các cơ sở lưu trú, các chủ thuyền, các cơ sở phục vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch trên địa bàn bản Bon và các bản khác của xã Mường Chiên. Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút đầu tư phát triển Du lịch. Tăng cường vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm làm cơ sở kích thích phát triển du lịch vùng lòng hồ. Tích cực mời gọi, ưu tiên các thành phần kinh tế có tiềm lực,

kinh nghiệm, trình độ quản lý tham gia đầu tư vào các khu, điểm du lịch tiềm năng ở bản Bon, xã Mường Chiên. Huy động triệt để nguồn lực tài chính trong nhân dân, đẩy mạnh công tác xã hội hoá du lịch, khuyến khích việc đóng góp từ thu nhập du lịch cho các hoạt động bảo tồn các giá trị văn hóa, phục hồi các giá trị về sinh thái, văn hóa và phát triển du lịch xanh.

Huyện Quỳnh Nhai cần tiến hành điều tra, đánh giá trình độ nghiệp vụ nguồn nhân lực du lịch trong phạm vi huyện. Xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, người lao động ngành du lịch thông qua các chương trình đào tạo. Tổ chức các chương trình đào tạo ngắn hạn, quản lý lưu trú du lịch, nghiệp vụ lễ tân, thuyết minh viên, tổ chức kế hoạch tập huấn, phổ biến kỹ năng nghề thủ công truyền thống. Cần tăng cường các hoạt động xúc tiến, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh du lịch của bản Bon và các bản trong xã đến bạn bè, du khách trong và ngoài tỉnh thông qua lễ hội đua thuyền hàng năm của huyện Quỳnh Nhai.

Ban Văn hóa xã Mường Chiên bước đầu cần xây dựng kế hoạch, các tài liệu thuyết minh quảng cáo chi tiết từng điểm du lịch trên địa bàn xã, làm nổi bật giá trị, các truyền thuyết gắn với từng điểm du lịch. Tích cực vận động các doanh nghiệp, các tập thể, cá nhân kinh doanh du lịch tham gia ủng hộ, tài trợ bằng nhiều nguồn kinh phí, hiện vật hỗ trợ cho các chương trình sự kiện, mở rộng hợp tác, giao lưu, liên kết với các điểm du lịch của huyện Quỳnh Nhai. Gắn kết các điểm du lịch, xây dựng thương hiệu và xúc tiến quảng bá, liên kết đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch, liên kết phát triển hạ tầng du lịch trong toàn huyện, liên kết xây dựng chính sách đặc thù, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển du lịch. Cần xây dựng một số loại hình sản phẩm du lịch tại bản Bon, trọng tâm gắn với tiềm năng cảnh quan lòng hồ, trong đó đặc biệt chú trọng đến văn hóa ẩm thực, di sản về những điệu múa, xòe, một số điểm du lịch đặc trưng của bản Bon như cột mốc trung tâm huyện lỵ Quỳnh Nhai

cũ, suối nước nóng, miếu thờ Nàng Han. Phát triển khôi phục nghề truyền thống của bản Bon như: nghề làm nón, nghề làm đàn tính tẩu, góp phần tạo ra các sản phẩm du lịch mang tính đặc thù, sản phẩm quà lưu niệm truyền thống như: Thổ cẩm, nhạc cụ dân tộc, nón, các đồ thủ công đan lát từ mây tre.

Hiện nay, quy hoạch du lịch tại bản Bon bước đầu đã nhận được sự quan tâm từ chính quyền huyện Quỳnh Nhai và xã Mường Chiên, tuy nhiên, nên có những quy hoạch cụ thể tránh tình trạng chung chung, thiếu trọng tâm, cụ thể: đối với chính quyền địa phương, nên xây dựng quy hoạch về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Thái ở bản Bon với phát triển du lịch, xác định bản Bon cũ với những nếp nhà sàn còn nguyên vẹn phải được giữ gìn nguyên gốc. Tránh tình trạng thương mại hóa dẫn tới biến đổi, làm mất đi giá trị vốn có của di sản. Trong thời gian tới, lượng khách du lịch tới Quỳnh Nhai và bản Bon sẽ tăng cao, nhờ nhận được sự quan của huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, chính vì điều đó, cần thiết phải có quy hoạch chi tiết về bến, bãi đỗ xe phục vụ khách du lịch tại bản Bon, quy hoạch các khu vui chơi, nhà vệ sinh công cộng, khu nghỉ dưỡng, tắm nước nóng, khu phục hồi các lễ hội, nghi lễ truyền thống. Xây dựng các giải pháp tăng cường khả năng thích ứng hoạt động du lịch tại bản Bon, xã Mường Chiên đối với biến đổi khí hậu của huyện Quỳnh Nhai. Xây dựng các giải pháp tăng cường khả năng giảm nhẹ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu bằng các giải pháp kỹ thuật xây dựng công trình du lịch, vật liệu, trồng rừng trên địa bàn bản Bon, xã Mường Chiên.

3.2.3. Quản lý các giá trị di sản văn hóa Thái ở bản Bon phục vụ du lịch

Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc Thái gắn với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà, là một yêu cầu khách quan trong sự nghiệp xây dựng nền kinh tế thị trường. Văn hóa cùng với kinh tế, chính trị, xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, là tiền đề phát triển của nhau, chính vì điều đó, để bảo

tồn, phát huy những giá trị di sản văn hóa của dân tộc Thái gắn với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà một cách có hiệu quả trên địa bàn, cần có những chính sách, cơ chế phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho địa phương. Phát triển kinh tế - xã hội phải vì mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, trong đó phải gắn với mục tiêu phát triển và giữ gìn các giá trị văn hóa của các dân tộc, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Du lịch phải căn cứ vào phát triển văn hóa của địa phương, để đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội cao và bền vững. Sau khi có quy hoạch, chính quyền và các đoàn thể chính trị ở xã Mường Chiên và bản Bon cần khẩn trương khảo sát thống kê di sản văn hóa Thái, bao gồm các di sản vật thể và phi vật thể trên địa bàn, lập hồ sơ tư liệu hóa, đánh giá giá trị các di sản, công bố các ngôi nhà truyền thống cần giữ nguyên vẹn, di sản về cây cối, cảnh quan, tổ chức lại các đội văn nghệ. Các đoàn thể tại bản Bon nên khuyến khích, động viên hội viên ăn mặc trang phục truyền thống, duy trì nghi lễ và lễ hội truyền thống, lễ cưới, lễ tang, các sinh hoạt cộng đồng, ẩm thực truyền thống. Xử lý nghiêm các hiện tượng tiêu cực như bắt chẹt khách, ngăn chặn việc tổ chức các hoạt động phản văn hóa.

Bằng cơ chế chính sách UBND tỉnh Sơn La, UBND huyện Quỳnh Nhai nên tạo điều kiện và hỗ trợ trong công tác nghiên cứu về di sản văn hóa Thái. Với cơ chế phù hợp sẽ khuyến khích và thu hút các cơ quan chuyên môn, những cá nhân làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cùng tham gia. Nên có chính sách ưu đãi sử dụng đất cho đơn vị, doanh nghiệp du lịch nào dành nguồn kinh phí cho hoạt động nghiên cứu. Việc các doanh nghiệp, đơn vị có được sự hỗ trợ cần thiết về cơ chế, chính sách sẽ chủ động “đặt hàng” các nhà khoa học về những vấn đề thực sự cần thiết để có thể phát triển du lịch sinh thái bền vững, theo hướng khai thác giá trị di sản văn hóa Thái trên địa bàn. Hiện nay điểm đến đáng chú ý nhất khi khách du lịch thăm quan, nghỉ dưỡng

tại bản Bon là cột mốc đánh dấu trung tâm huyện Quỳnh Nhai cũ, cột mốc được đặt trên ngọn đồi dài phát thanh của huyện cũ. Mùa nước ngập, mực nước dâng cao gần tới phần nền của cột mốc, mùa khô nước cạn... qua nhiều năm gây hư hại cho công trình. Ngoài ra ý thức của một số du khách chưa cao, khi tham quan cột mốc còn vẽ lên thành tường, cầu thang gây mất mỹ quan cho công trình. Chính quyền địa phương bản Bon và nhân dân xã Mường Chiên cần có quy chế chủ động bảo vệ, dọn, sửa một số hư hại nhỏ. Bằng việc giáo dục cho người dân, khách du lịch về giá trị của di sản và việc bảo vệ di sản là điều hoàn toàn cấp thiết.

Ngoài ra chính quyền và nhân dân bản Bon nên chủ động khôi phục lại những điệu múa, những hình thức diễn xướng dân gian đặc trưng nhằm bảo tồn nét văn hóa của dân tộc mình, đó cũng là điểm nhấn, thu hút khách du lịch đến với bản Bon và tới Quỳnh Nhai trong thời gian tới. Trong những năm qua, bằng nguồn ngân sách của tỉnh, của huyện, chính quyền bản Bon chung tay cùng huyện Quỳnh Nhai đã tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng một số lễ hội tiêu biểu của đồng bào dân tộc Thái, trong đó tiêu biểu là Lễ hội Gội đầu, Lễ hội Đua thuyền. Các lễ hội cần được thường xuyên duy trì, tổ chức đều đặn. Khuyến khích các đội văn nghệ trong bản thường xuyên duy trì luyện tập và giao lưu với các đơn vị bạn. Chú trọng sưu tầm và phát huy các điệu xòe, điệu múa, dân ca, dân vũ, từ đó nâng cao tính nghệ thuật trong biểu diễn nhưng không làm mất đi bản sắc văn hóa.

3.2.4. Tăng cường cơ sở vật chất

Trong *Kế hoạch triển khai quy hoạch phát triển vùng lòng hồ thủy điện Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn 2030*, đã chỉ rõ mục tiêu Phát triển Vùng lòng hồ thủy điện Sơn La thành động lực phát triển du lịch tỉnh Sơn La và trở thành khu du lịch quốc gia trong tương lai.

Cộng đồng người Thái ở Quỳnh Nhai còn lạc hậu, trình độ dân trí thấp, nhận thức của cộng đồng về giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống hạn chế, năng lực và nhận thức của cộng đồng trong hoạt động kinh doanh du lịch chưa cao. Chủ trương khai thác di sản văn hóa Thái trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai gắn kết với phát triển du lịch sinh thái, du lịch lòng hồ sông Đà phát triển bền vững là hết sức đúng đắn. Huyện Quỳnh Nhai cần nghiên cứu và có giải pháp cụ thể về vốn đầu tư, khuyến khích người dân khai thác vốn di sản văn hóa sẵn có để chế tác, tạo nên những sản phẩm du lịch mang đặc trưng riêng, như vậy người dân mới có thu nhập ổn định, gắn liền lợi ích của mình với hoạt động du lịch.

Để tăng nguồn đầu tư cho các hoạt động văn hóa, ngoài nguồn ngân sách hàng năm tỉnh Sơn La đầu tư cho huyện Quỳnh Nhai, cần phát huy các tiềm năng vốn có của địa phương như: tài nguyên đất, rừng, thủy sản và du lịch lòng hồ sông Đà. Huyện Quỳnh Nhai cần chủ động huy động các nguồn vốn cho bảo tồn di sản văn hóa Thái gắn với phát triển du lịch. Mặc dù có nhiều tiềm năng nhưng bản Bon, xã Mường Chiên vẫn chưa có được sự quan tâm đặc biệt từ các nguồn đầu tư. Do đó, có thể tăng cường các biện pháp thu hút đầu tư như kêu gọi đầu tư trực tiếp theo phương thức liên doanh, địa phương góp vốn bằng tài nguyên đất, rừng, tài nguyên lòng hồ... Thực hiện chính sách khuyến khích tài chính, thu thuế thấp hơn các khu vực khác để thu hút đầu tư. Huy động các nguồn vốn tự thân bằng cách tiết kiệm để tạo tích lũy, sử dụng tiền nhàn dỗi trong nhân dân, tài sản và tiềm năng của các thành phần kinh tế cho các dự án văn hóa Thái ở bản Bon gắn với du lịch. Phát huy nội lực để phát triển kinh tế du lịch, tăng cường nguồn thu của địa phương là con đường thiết thực để tạo vốn, từ đó mở rộng đầu tư cho các hoạt động văn hóa. Sử dụng nguồn ngân sách đầu tư cho các hoạt động đúng mục đích và có hiệu quả. Tránh tình trạng kê khai đề nghị kinh phí nhưng không thực hiện. Đặc

biệt ưu tiên đầu tư cho các hoạt động văn hóa ở vùng lòng hồ sông Đà. Đầu tư cơ sở hạ tầng, vật chất cụ thể là:

- Nâng cấp hệ thống giao thông đường bộ từ trung tâm huyện Quỳnh Nhai vào bản Bon, xã Mường Chiên
- Xây dựng và nâng cấp bến thuyền phục vụ du lịch và giao thông đường thủy
- Đầu tư, nâng cấp thuyền đưa đón khách du lịch
- Xây dựng cơ sở tắm nước nóng và các trang thiết bị đủ tiêu chuẩn phục vụ du khách tại nguồn nước nóng bản Bon
- Xây dựng các khu vui chơi, giải trí
- Xây dựng biểu trưng, logo du lịch bản Bon
- Trồng cây đặc trưng tạo cảnh quan (hoa Ban)

Để phát triển bản Bon, xã Mường Chiên thành điểm du lịch hấp dẫn của huyện Quỳnh Nhai, chính quyền địa phương cần tăng cường đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, phục vụ bảo tồn giá trị di sản văn hóa Thái tại bản Bon và du lịch lòng hồ sông Đà, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế, từng bước nâng cao chất lượng đời sống người dân.

3.2.5. Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của người Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai (Sơn La), việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa hiện nay là một đòi hỏi cấp bách. Do đó, cần phải quan tâm đến đội ngũ những người làm công tác văn hóa và các trí thức người dân tộc Thái, văn nghệ sĩ hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Mường Chiên là vùng đất giàu truyền thống, nhiều di tích lịch sử văn hóa, lễ hội của huyện Quỳnh Nhai. Đời sống tinh thần, nhất là hoạt động tín ngưỡng của đồng bào trên địa bàn xã rất đa dạng, mang đậm bản sắc dân tộc Thái Quỳnh Nhai. Bản Bon với hơn 90% dân số là người Thái Trắng, đồng

bào dân tộc Thái ở bản Bon có trình độ dân trí chưa cao, những hiểu biết về giá trị di sản và giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người của đồng bào dân tộc nơi đây còn thấp. Vì vậy, việc bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về văn hóa, du lịch trước thời cơ của bản Bon là rất cần thiết. Cần nhận thức tầm quan trọng của bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ văn hóa và người dân. Chính quyền bản Bon, xã Mường Chiên nên tạo điều kiện cho cán bộ văn hóa xã đi học tập, nâng cao trình độ, tham gia các đợt tập huấn văn hóa của tỉnh Sơn La, từ những kiến thức trang bị, cán bộ văn hóa xã Mường Chiên phổ biến kiến thức cho người dân về giá trị di sản văn hóa Thái và kỹ năng tổ chức hoạt động du lịch tại địa phương.

Các hộ kinh doanh du lịch trên địa bàn bản Bon phải chấp hành các quy định của nhà nước về kinh doanh du lịch, tạo môi trường du lịch lành mạnh, thân thiện. Đồng thời, trong quá trình kinh doanh, khai thác du lịch tại địa phương, nêu cao tinh thần xây dựng, bảo vệ di sản văn hóa. Hàng năm, chính quyền xã Mường Chiên cần tổ chức các buổi tập huấn, giáo dục sự tác động của cộng đồng dân cư bản Bon đến di sản văn hóa và hoạt động du lịch trên lòng hồ sông Đà trong bối cảnh hiện nay, góp phần làm chuyển biến tinh thần, thái độ của cộng đồng dân cư trong giao tiếp với khách du lịch thể hiện tính thân thiện, hiếu khách, văn minh, lịch sự. Người dân được thông tin thực trạng các điểm đến du lịch tại xã Mường Chiên và huyện Quỳnh Nhai, nâng cao ý thức, trách nhiệm phát triển du lịch bền vững. Vận động, thuyết phục người dân bảo vệ, khai thác tài nguyên, phát triển du lịch trong cộng đồng, tổ chức quản lý khai thác các điểm tham quan và quảng bá sản phẩm du lịch. Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử cho người dân, chủ động tham gia hiệu quả vào các hoạt động phát triển du lịch tại bản Bon. Ngoài ra, người dân được tạo điều kiện nêu lên các thắc mắc, ý kiến của mình trong quá trình kinh doanh, tiếp xúc với khách du lịch và được báo cáo viên giải đáp, trả lời.

Đối với cán bộ Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Quỳnh Nhai: Có ý thức học tập, nâng cao trình độ, phục vụ yêu cầu của công việc. Hàng năm Phòng VH TT huyện Quỳnh Nhai nên mở lớp tập huấn xây dựng chương trình biểu diễn, tuyên truyền cho các đội văn nghệ trong huyện. Đây là hoạt động thiết thực giúp cán bộ văn hóa xã nắm vững kiến thức về xây dựng chương trình biểu diễn, góp phần bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, nghệ thuật Thái, đẩy mạnh phong trào văn nghệ quần chúng tại địa phương, phục vụ nhu cầu thưởng thức văn hóa Thái của nhân dân và khách du lịch.

Bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng với chính quyền và nhân dân bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai (Sơn La). Mỗi người dân trong cộng đồng dân cư nơi đây được nâng cao hiểu biết về giá trị của di sản và có những hình thức bảo vệ, khai thác di sản hợp lý. Đối với cán bộ quản lý văn hóa tại bản Bon, việc được bồi dưỡng, nâng cao hiểu biết sẽ đề ra những phương án bảo tồn, phát huy giá trị di sản dân tộc Thái ở bản Bon, đưa ra những cơ chế quản lý phù hợp, hướng dẫn bà con, nâng cao chất lượng phục vụ du lịch lòng hồ sông Đà, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Thái, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3.2.6. Vai trò của cộng đồng

Phát triển văn hóa phải đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết tốt vấn đề văn hóa trong kinh tế, kinh tế trong văn hóa. Không chủ trương thương mại hóa văn hóa, nhưng cần tạo mọi điều kiện để văn hóa phục vụ ngày càng tốt sự phát triển du lịch, phát triển kinh tế. Vấn đề kinh tế trong văn hóa đặt ra yêu cầu mới cho sự phát triển văn hóa trong đời sống xã hội, nhất là đối với lĩnh vực sản xuất tinh thần gắn với các hoạt động sử dụng văn hóa của nhân dân.

Cộng đồng người Thái là chủ thể sáng tạo ra các di sản văn hóa ở bản Bon, là di sản được xác định, ghi nhận, thực hành và trao truyền bởi cộng đồng dân cư Thái qua nhiều thế, họ là những người chủ sở hữu di sản đó. Những đặc điểm đặc tính này được hình thành trên cơ sở họ cùng chung sống trên một lãnh thổ, một môi trường thiên nhiên. Họ đã tạo nên các mối quan hệ văn hóa xã hội, quy tắc ứng xử gắn kết và có ý thức về bản sắc. Chính quyền bản Bon, xã Mường Chiên nên củng cố tổ chức mặt trận, các đoàn thể chính trị thực sự là chỗ dựa tin cậy, tập hợp hội viên thực hiện các nhiệm vụ văn hóa, du lịch. Lấy ý kiến từ người dân địa phương, phát huy vai trò của người dân trong xây dựng quy ước bản văn hóa, quy ước phục vụ khách du lịch. góp phần khôi dậy những nét văn hóa truyền thống tốt đẹp trong bản, nâng cao đời sống tinh thần người dân, cụ thể:

- Đề cao tính chủ động, tự giác của người dân
- Mở rộng dân chủ theo hướng dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra
- Khuyến khích các nghệ nhân truyền nghề cho lớp trẻ
- Tổ chức các sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

Cộng đồng ở bản Bon tham gia trực tiếp giữ gìn, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Thái. Đầu tư, xây dựng các đội văn nghệ, xây dựng chương trình biểu diễn, khôi phục lễ hội, nghề truyền thống, vận động người dân giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, làm nhà sàn truyền thống, ăn mặc, sinh hoạt cần được chính quyền địa phương, hội phụ nữ, đoàn thanh niên bản Bon, xã Mường Chiên quan tâm. Bên cạnh sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, các hoạt động quyên góp, gây quỹ để tổ chức các hoạt động bảo tồn di sản là hết sức thiết thực, nhằm tạo lập ý thức của cộng đồng với việc bảo tồn những giá trị di sản văn hóa ông cha để lại.

Cộng đồng có vai trò lớn trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa tại bản Bon. Cần tiếp tục nâng cao hiệu quả bảo tồn, phát huy giá trị di sản

văn hóa Thái bằng việc tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng về di sản văn hóa, phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Gắn kết cộng đồng trong công tác nghiên cứu, bảo vệ, phát huy giá trị di sản, huy động nguồn nhân lực từ cộng đồng, giao nhiệm vụ bảo tồn một số di sản cho cộng đồng, quản lý, khai thác và phát huy.

Cốt lõi của việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Thái ở bản Bon với du lịch lòng hồ sông Đà là gắn trách nhiệm của người dân vào các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản. Di sản tồn tại trong nhân dân và được nhân dân giữ gìn sẽ là biện pháp bảo tồn hữu hiệu nhất, bằng những định hướng, cơ chế chính sách khuyến khích phù hợp của nhà nước, với sự vào cuộc của các ban ngành, chính quyền địa phương. Những giá trị di sản văn hóa tốt đẹp của đồng bào dân tộc Thái ở bản Bon sẽ được lưu truyền cho thế hệ sau.

3.2.7. Thanh tra, kiểm tra

UBND huyện Quỳnh Nhai cần thực hiện chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản, hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch. Tăng cường kiểm tra công tác quản lý di sản văn hóa Thái tại bản Bon. Gắn trách nhiệm của chính quyền xã Mường Chiên, đoàn thể, người dân, phát huy giá trị di sản văn hóa Thái, nâng cao trách nhiệm bộ máy quản lý, Ban văn hóa xã Mường Chiên, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân bản Bon.

Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Quỳnh Nhai có trách nhiệm tham mưu với UBND huyện chỉ đạo các ngành, các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch trên lòng hồ sông Đà thực hiện nghiêm quy định của pháp luật và những quy định trong kinh doanh du lịch. Tăng cường kiểm tra công tác phục hồi di sản văn hóa Thái, những lễ hội, nghề truyền thống đặc trưng của người Thái vùng lòng hồ sông Đà. Thanh tra, kiểm tra giấy phép kinh doanh của các cơ sở lưu trú, chủ thuyền. Mặc dù hình thức du lịch lòng hồ sông Đà dựa trên

giá trị di sản dân tộc Thái tại bản bon còn mới và thiếu những chế tài giám sát cụ thể. Nhưng trong thời gian tới, chính quyền địa phương cần gấp rút xây dựng kế hoạch thanh tra kiểm tra về: lập dự án, thiết kế xây dựng hạ tầng cơ sở, tổ chức thi công tu bổ các công trình di tích văn hóa trên địa bàn bản bon, xã Mường Chiên.

Kiện toàn, củng cố và phát huy hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hóa, các ban ngành liên quan, các tổ chức đoàn thể, tăng cường kiểm tra hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di sản dân tộc Thái; thanh tra, kiểm tra nhằm phát hiện, xử lý dứt điểm, kịp thời các tổ chức, cá nhân lợi dụng việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản để trục lợi, hoạt động mê tín dị đoan hoặc thực hiện những hành vi trái pháp luật, trái với thuần phong, mỹ tục. Các ngành chức năng và UBND cấp huyện Quỳnh Nhai, xã Mường Chiên cần thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định về bảo vệ an ninh trật tự, vệ sinh môi trường tại các điểm du lịch văn hóa ở bản Bon, phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật các hành vi vi phạm, đưa hoạt động kinh doanh dịch vụ tại các điểm du lịch vào kỷ cương nề nếp. Để công tác quản lý đạt hiệu quả, việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Thái gắn với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà cần được thanh tra, kiểm tra thường xuyên.

Công tác thanh tra ngăn ngừa, phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm pháp luật, giúp chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước đi vào thực tiễn đời sống. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý mà thiếu sự kiểm tra, thanh tra thì sẽ dẫn đến tham ô, lãng phí.

Tiểu kết

Nhận thức được tầm quan trọng của các giá trị di sản văn hóa trong phát triển du lịch, định hướng phát triển của Đảng, Nhà nước, tỉnh Sơn La đề ra

các giải pháp bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của dân tộc Thái gắn với du lịch lòng hồ sông Đà, đó là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược.

Để thực hiện tốt công tác bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa dân tộc Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai (Sơn La) với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà, qua nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp, cụ thể nhằm nâng cao công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản gắn với du lịch cụ thể là:

- Giải pháp về nhận thức
- Giải pháp về quy hoạch
- Giải pháp về quản lý các giá trị di sản văn hóa Thái ở bản Bon phục vụ du lịch
- Giải pháp tăng cường cơ sở vật chất
- Giải pháp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
- Giải pháp vai trò của cộng đồng
- Giải pháp về thanh tra, kiểm tra.

Qua các giải pháp cụ thể đã nêu ở chương 3, luận văn hy vọng đóng góp một số giải pháp cụ thể vào nâng công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Thái tại bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai (Sơn La) với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà.

KẾT LUẬN

Vẻ đẹp của di sản văn hóa Thái trên vùng đất Quỳnh Nhai, Sơn La bao gồm những sáng tạo văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể đặc trưng của vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa. Bản Bon, xã Mường Chiên là một trong những địa điểm không chỉ hội tụ những giá trị tiêu biểu của di sản văn hóa của người Thái trắng Quỳnh Nhai mà còn có không gian, khung cảnh, con người phù hợp với loại hình du lịch lòng hồ sông Đà.

Việc khai thác di sản văn hóa Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai, Sơn La với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà cũng đã đặt ra những vấn đề cần giải quyết như sự xung đột về quan điểm, lối sống của cư dân tại chỗ với du khách, thái độ giữa bảo tồn, phát huy giá trị của di sản giữa truyền thống và hiện đại, giữa cơ sở vật chất sẵn có và điều kiện thực tế cần thiết để khai thác du lịch, nguồn nhân lực quản lý văn hóa hiện tại và khả năng đáp ứng trong tương lai... những vấn đề này được đặt ra trong phạm vi của đề tài, dưới góc độ quản lý văn hóa.

Để thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra, luận văn đã xây dựng được khung lý thuyết lấy đó là căn cứ, định hướng cho việc khảo sát, phân tích trong quá trình điền dã tại bản Bon, xã Mường Chiên. Di sản văn hóa Thái được hình thành từ chính cuộc sống của người dân, cũng như chịu ảnh hưởng từ điều kiện tự nhiên, phong tục, tập quán, lối sống qua nhiều thế hệ của người Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên. Di sản quý giá đó được thể hiện ở ngôn ngữ, dân ca, dân vũ, Thổ cẩm, trang phục, ẩm thực, nghề truyền thống, kiến trúc nhà ở. Qua quá trình điền dã, tác giả nhận thấy bản Bon có lợi thế rất lớn trong phát triển du lịch từ những di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và cảnh quan thiên nhiên trong vùng lòng hồ sông Đà.

Để làm tốt công tác quản lý di sản văn hóa dân tộc Thái ở bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai, Sơn La với phát triển du lịch lòng hồ sông

Đà, những chủ thể trong công tác quản lý văn hóa như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La, Phòng Văn hóa Thông tin huyện Quỳnh Nhai và cộng đồng người ở bản Bon đóng vai trò hết sức quan trọng. Quản lý đối với di sản văn hóa người Thái ở bản Bon được triển khai tích cực như: phổ biến tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật đến với người Thái ở bản Bon, xây dựng quy hoạch văn hóa du lịch, mở lớp bồi dưỡng về văn hóa, du lịch, đầu tư kinh phí giữ gìn di sản, công tác thanh tra, kiểm tra đã đem lại những kết quả nhất định.

Công tác sưu tầm, gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể cũng luôn được quan tâm, chú trọng. Nhiều hiện vật của nghề thủ công truyền thống đã được sưu tầm, lưu giữ và trưng bày, nhiều lễ hội truyền thống đặc sắc của các dân tộc Thái tại Quỳnh Nhai đã và đang được sưu tầm, phục dựng, dần trở thành những sản phẩm du lịch đặc trưng, tiêu biểu là các lễ hội: Sên bản, sên mừng, Đua thuyền, Xíp xíp, Kín Pang Then, lễ gọi gọi đầu...

Những điệu múa dân gian truyền thống như: Múa nón, múa Xoè, múa Sạp, hay các làn điệu dân ca như: *Khắp Thái* đã được các đội văn nghệ quần chúng ở cơ sở khai thác, bảo lưu, phát huy. Những chương trình văn nghệ mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Thái đã trở thành sản phẩm không thể thiếu trong các tour du lịch.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu, tác giả nhận thấy có một số vấn đề đặt ra qua việc khai thác di sản văn hóa dân tộc Thái gắn với phát triển du lịch như: Nguy cơ biến đổi một số giá trị văn hóa, kinh phí dành cho công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Thái gắn kết với phát triển du lịch lòng hồ sông Đà, chất lượng nguồn nhân lực trong công tác quản lý di sản văn hóa, mối quan hệ giữa lợi ích kinh tế và giá trị của di sản văn hóa. Những vấn đề này cần những định hướng mang tính đồng bộ, cũng như sự vào cuộc của các cấp chính quyền, cơ quan quản lý văn hóa cũng như chính cộng đồng người dân sở tại.

Kết quả nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng một số định hướng căn bản cần sớm được thực hiện nhằm phát triển bền vững trong mối liên kết giữa bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa với du lịch trên địa bàn bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh nhai. Cụ thể: về nâng cao nhận thức, quy hoạch, cơ chế chính sách, tăng cường cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, phát huy vai trò của cộng đồng dân tộc Thái ở bản Bon. Khai thác những giá trị bản sắc văn hóa dân tộc Thái trên địa bàn, đưa vào phục vụ du lịch cũng là định hướng đúng đắn của tỉnh Sơn La và của huyện Quỳnh Nhai. Nhận thức lợi thế những giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn, bảo tồn, phát huy những giá trị di sản văn hóa tốt đẹp của đồng bào dân tộc làm cơ sở. Tạo môi trường cho người dân tham gia vào hoạt động kinh doanh, đưa bản sắc văn hóa dân tộc Thái giới thiệu du khách. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, huy động mọi nguồn lực hợp pháp để giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người Thái trên địa bàn, phát triển du lịch bền vững, hài hòa với các mục tiêu phát triển về kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, Quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường.

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc thực hiện đầy đủ, có hệ thống định hướng bảo tồn, phát huy trên sẽ góp phần hữu hiệu trong việc khai thác di sản văn hóa dân tộc Thái gắn kết với phát triển du lịch bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu tiếng Việt

1. Đào Duy Anh (1998), *Việt Nam Văn hóa sử cương*, Nxb Đồng Tháp, Đồng Tháp.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2014), *Nghị quyết hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI số: 33-NQ/TW: Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Quỳnh Nhai (2000), *Lịch sử Đảng bộ huyện Quỳnh Nhai (1945 - 1995)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La (2002), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sơn La, tập 1, (1939 - 1954)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2017), *Nghị quyết số: 08-NQ/TW Về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*.
6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2013), *Quyết định số: 3508/QĐ-BVHTTDL Phê duyệt dự án bảo tồn khẩn cấp và hỗ trợ, tăng cường năng lực bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc, bài trừ hủ tục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số (thuộc đề án “bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020” theo quyết định số: 1270/QĐ-TTG ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)*.
7. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2016), *Quyết định của BVHTTDL số: 2723/QĐ-BVHTTDL Về việc phê duyệt Dự án gắn kết phát triển kinh tế và bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số*.
8. Lê Huy Bá (2006), *Du lịch Sinh Thái (Ecotourism)*, Nxb Khoa học và kỹ thuật.
9. Nguyễn Chí Bền (chủ biên) (2010), *Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

10. Trần Bình (2007), *Văn hóa các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc*, giáo trình, trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
11. Lê Ngọc Canh (1999), *Văn hóa dân gian những thành tố*, Nxb Văn hóa Thông tin - trường Cao đẳng văn hóa Tp Hồ Chí Minh, Tp Hồ Chí Minh.
12. Vũ Tuấn Cảnh, Lê Thông (1993), *Quy hoạch du lịch quốc gia vùng*, Tạp chí Du lịch và Phát triển, Hà Nội.
13. Cổng thông tin điện tử huyện Quỳnh Nhai
Video: *Quỳnh Nhai nét đẹp miền sơn cước*, ngày truy cập: 10/ 04/ 2016
<http://quynhnhai.sonla.gov.vn/>
14. Cục Di sản Văn hóa (2007), *Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể*, tập 1, Nxb thế giới, Hà Nội.
15. Cục Thống kê tỉnh Sơn La (2016), *Niên giám thống kê tỉnh Sơn La 2015*, Nxb Thống kê.
16. Cầm Cường (1993), *Tìm hiểu văn hóa dân tộc Thái ở Việt Nam* của, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội.
17. Phan Hữu Dật, Cầm trọng (1999), *Văn hóa Thái Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc. Hà Nội.
18. Đại học Quốc gia Hà Nội (1998), *Văn hóa và Lịch sử người Thái ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc.
19. Thế Đạt (2003), *Du lịch & du lịch sinh thái*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
20. Trần Văn Hạc (2009), *Nhà sàn của người Thái ở Tây Bắc*. Trang văn học xã hội, <http://www.sachhiem.net/VANHOC/TVHAC/Vanhac10.php>, ngày truy cập 20/4/2017.
21. *Hiển kế để di sản văn hóa có thể phát triển bền vững*
<http://cand.com.vn/Tieu-diem-van-hoa/Hien-ke-de-di-san-van-hoa-co-the-phat-trien-ben-vung-430818/>, ngày truy cập: 19/6/2017.

22. Ngô Tất Hổ (2000), *Phát triển và quản lý du lịch địa phương*, Nxb Khoa học Bắc Kinh (người dịch: Trần Đức Thanh, Bùi Thanh Hương).
23. Hội đồng Nhân dân tỉnh Sơn La (2016), *Nghị quyết số: 22/2016/NQ-HĐND, HĐND tỉnh Sơn La khóa XIV, kỳ họp thứ 3 về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020*.
24. Hội đồng Nhân dân tỉnh Sơn La (2016), *Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND tỉnh Sơn La khóa XIV, kỳ họp thứ 2, thông qua Đề án khai thác tiềm năng vùng hồ các thủy điện trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, danh mục các dự án trọng điểm ưu tiên giai đoạn 2016 - 2020*.
25. Hội đồng Nhân dân huyện Quỳnh Nhai (2011), *Nghị quyết số: 25/2011/NQ-HĐND Về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số: 30a/2008/NQ-CP thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn huyện năm 2012*.
26. Hội đồng Nhân dân tỉnh Sơn La (2017), *Nghị quyết số: 39/NQ-HĐND Hội đồng Nhân dân tỉnh Sơn La khóa XIV, kỳ họp chuyên đề lần thứ nhất, Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa tỉnh giai đoạn 2010 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.
27. Nguyễn Văn Huy (2003), *Một số vấn đề để bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa các dân tộc hiện nay*, Tạp chí Cộng sản số 20.
28. Vì Trọng Liên (1997), *Vài nét về người Thái Sơn La*, Nxb Văn Hóa Dân Tộc, Hà Nội.
29. Phạm Trung Lương, Đặng Duy Lợi, Vũ Tuấn Cảnh, Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Ngọc Khán (2001), *Tài nguyên du lịch Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
30. Phạm Trung Lương (Chủ biên) (2002), *Du lịch sinh thái những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục. Hà Nội.
31. Lê Hồng Lý (chủ biên) (2010), *Giáo trình Quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

32. Nguyễn Văn Mạnh (2008), *Phát triển du lịch bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, tạp chí Phát triển Kinh tế.
33. Nhiều tác giả (2001), *Giữ gìn, phát huy di sản văn hóa các dân tộc Tây Bắc*, Nxb Văn hóa dân tộc - Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
34. Nhiều tác giả (2002), *Tìm trong di sản văn hóa dân tộc*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà nội.
35. Nhiều tác giả (2006), *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*, Bộ Văn hóa thông tin, Hà Nội.
36. Lò Giàng Páo (1997), *Tìm hiểu văn hóa vùng các dân tộc thiểu số*, Nxb Văn Hóa Dân Tộc, Hà Nội.
37. Quốc hội (2005), *Luật Du lịch*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
38. Quốc hội (2013), *Luật Di sản văn hóa (được sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Nxb Lao động.
39. Chu Thái Sơn (chủ biên), Cẩm Trọng (2005), *Người Thái*, Nxb Trẻ.
40. Sở Giáo dục Hà Nội (2005), *Giáo trình tổng quan du lịch*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
41. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La (2017), *Hướng dẫn số: 547/HD-SVHTTDL về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020*.
42. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 1959/QĐ-TTg, Phê duyệt quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sơn La đến năm 2020*.
43. Tỉnh ủy Sơn La (2013), *Nghị quyết số 19-NQ/TU, Phát triển du lịch giai đoạn 2013 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.
44. Trần Đức Thanh (2000), *Nhập môn khoa học du lịch*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

45. Hoàng Văn Thành (2014), *Giáo trình Marketing du lịch*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
46. Hoàng Văn Thành (2014), *Giáo trình văn hóa du lịch*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
47. Lê Bá Thảo, *Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lý*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
48. Ngô Phương Thảo (2008), *Bảo vệ di sản, cuộc chiến từ những góc nhìn*, tạp chí Văn hóa Nghệ thuật (289), Hà Nội.
49. Lê Ngọc Thắng (1984), *Nhà sàn Thái*, Nxb văn hóa.
50. Lê Ngọc Thắng (1990), *Bản sắc văn hóa các dân tộc Việt nam*, Nxb Văn hóa dân tộc.
51. Lê Ngọc Thắng (1990), *Nghệ thuật trang phục Thái*, Nxb Văn hóa dân tộc, Trung tâm văn hóa Việt Nam.
52. Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hóa - Văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
53. Nguyễn Thịnh, (2012) *Di sản văn hóa Việt Nam bản sắc và những vấn đề quản lý, bảo tồn*, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
54. Nguyễn Hữu Thức (2012), *Di sản văn hóa phi vật thể của người Thái ở Mai Châu*, Nxb Văn hóa Thông tin.
55. Cầm Trọng (1978) *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
56. Trường Đại học Văn hóa (1993), *Giáo trình Bảo tồn Di lịch lịch sử - văn hóa*, Xưởng in Trung tâm Thông tin khoa học Kỹ thuật quân sự, Hà Nội.
57. Tổng cục Du lịch (2008), *Tài liệu hướng dẫn thực hiện Luật du lịch*, Hà Nội.
58. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La (2013), *Quyết định số 1489/QĐ-UBND, Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ-TU*

ngày 1/4/2013 về phát triển du lịch giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

59. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La (2013), *Quyết định số 2140/QĐ-UBND, phê duyệt đề án khai thác bền vững, có hiệu quả nguồn lợi thủy sản lòng hồ thủy điện Hòa Bình và thủy điện Sơn La.*
60. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La (2013), *Quyết định số: 2478/QĐ-UBND, Phê duyệt Đề án “Phát triển sản phẩm văn hoá, nghệ thuật tiêu biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Sơn La phục vụ phát triển du lịch”.*
61. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La (2014), *Quyết định số: 2366/QĐ-UBND, Phê duyệt Đề án sưu tầm và phổ cập một số điệu xòe mang bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Sơn La.*
62. UNESCO (1972), *Công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới.*
63. Ủy ban Quốc gia về Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa (1992), *Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa*, Bộ Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
64. Lò Vũ Vân, *Văn hóa dân gian người Thái vùng Mộc Châu, Phù Yên, Bắc Yên tỉnh Sơn La*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
65. Đoàn Việt (chủ nhiệm đề tài) (2013), *Nghiên cứu tiềm năng du lịch sinh thái và nhân văn huyện Quỳnh Nhai*, Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
66. Hoàng Vinh (1997), *Một số vấn đề bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
67. Trần Quốc Vượng (2000), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin.
68. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

*** Tài liệu tiếng Anh**

69. Hector Ceballos Lascurain (1987), *Ecotourism and Conservation in the Americas*,

<http://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download?doi=10.1.1.474.5845&rep=rep1&type=pdf>, truy cập ngày 20/4/2017.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

ĐÀO ANH TUẤN

**DI SẢN VĂN HÓA THÁI Ở BẢN BON,
XÃ MUỜNG CHIÊN, HUYỆN QUỲNH NHAI (SƠN LA)
VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÒNG HỒ SÔNG ĐÀ**

PHỤ LỤC LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Quản lý Văn hóa

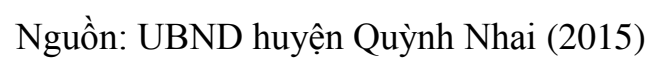
Mã số: 60310642

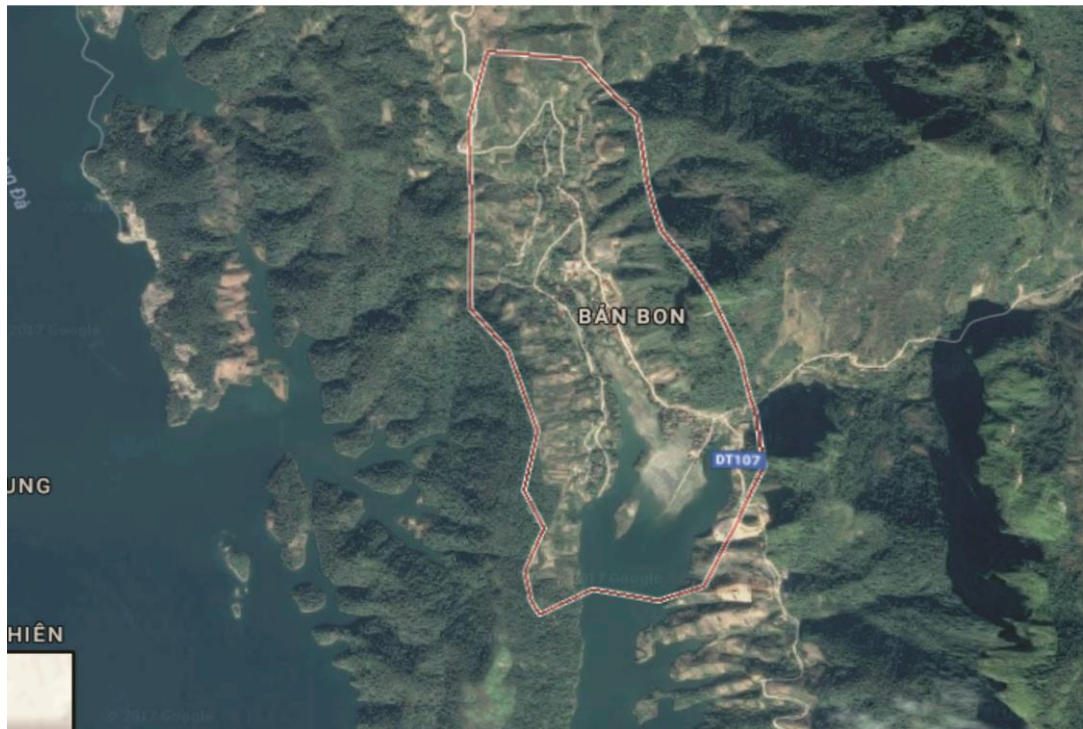
Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN HỮU THỨC

Hà Nội, 2017

MỤC LỤC

Phụ lục 1: BẢN ĐỒ	107
Phụ lục 2: HÌNH ẢNH.....	109
Phụ lục 3: CÂU HỎI PHÒNG VẤN VÀ NGƯỜI THAM GIA TRẢ LỜI..	121
Phụ lục 4: VĂN BẢN	122





1.2. Bản đồ goole Map toàn bộ diện tích bản Bon

Nguồn: <https://www.google.co.in/maps>

Chuy cập ngày: 12/5/2017

Phụ lục 2
HÌNH ẢNH



2.1. Cột mốc đánh dấu trung tâm huyện Quỳnh Nhai cũ

Nguồn; Tác giả chụp tại bản Bon, tháng 12 năm 2016



2.2. Cột mốc đánh dấu trung tâm huyện Quỳnh Nhai cũ

Nguồn: Tác giả chụp tại bản Bon, tháng 5 năm 2017



2.3. Miếu thờ Nàng Han tại bản Bon

Nguồn: Tác giả chụp tại bản Bon, tháng 6 năm 2017



2.4. Người dân xây phòng tắm tại nguồn nước nóng bản Bon

Nguồn: Tác giả chụp tại bản Bon, tháng 12 năm 2016



2.5. Cầu Pá Uôn

Nguồn: Tác giả chụp tháng 1 năm 2017



2.6. Bến thuyền tại bản Bon

Nguồn: Tác giả chụp tại bản Bon, tháng 1 năm 2017



2.7. Người dân tại bản Bon đưa du khách tham quan cột mốc trung tâm huyện Quỳnh Nhai cũ

Nguồn: tác giả chụp tại bản Bon, tháng 5 năm 2017



2.8. Mùa nước cạn tại bản Bon

Nguồn: Tác giả chụp tại bản Bon, tháng 6 năm 2017



2.9. Khu tái định cư bản Bon

Nguồn: Tác giả chụp tại bản Bon, tháng 5 năm 2017



2.10. Nhà sàn của người Thái tại bản Bon

Nguồn: Tác giả chụp tại bản Bon, tháng 3 năm 2017



2.11. Nhà sàn của người Thái tại bản Bon

Nguồn: Tác giả chụp tại bản Bon, tháng 3 năm 2017



2.12. Nguồn nước tự nhiên chảy quanh bản Bon

Nguồn: Tác giả chụp tại bản Bon, tháng 3 năm 2017



2.13. Nhà văn hóa bản Bon

Nguồn: Tác giả chụp tại bản Bon, tháng 6 năm 2017



2.14. Dụng cụ bắt tôm của người Thái

Nguồn: Tác giả chụp tại bản Bon, tháng 6 năm 2017



2.15. Lễ hội Gội đầu tại quỳnh nhai

Nguồn: <http://yeuquynhnhai.com/hinh-anh-le-hoi-goi-dau-truyen-thong-huyen-quynh-nhai-2016.html>

Chuy cập ngày: 8/6/2017



2.16. Nhà ông Lò văn Pâng, người dân sống tại bản Bon

Nguồn: Tác giả chụp tại bản Bon, tháng 6 năm 2017



2.17. Trang phục phụ nữ Thái trắng, đàn tính tẩu ở Quỳnh Nhai

Nguồn: Điều Chính Tới - TTXVN



2.18. Lễ hội đua thuyền

Nguồn: L.Đ.Dục



2.19. Một số món ăn đặc sản của người Thái ở Quỳnh Nhai

Nguồn: Internet



2.20. Lễ hội Kin Pang Then

Nguồn: Internet



2.21. HTX Thủy sản và Du lịch Sinh thái Quỳnh Nhai tổ chức giao lưu văn nghệ với khách du lịch

Nguồn: Là Văn Phong



2.22. Chăn, gối, đệm của người Thái Quỳnh Nhai

Nguồn: Internet



2.23. Trang phục phụ nữ Thái Trắng

Nguồn: Tác giả chụp tại bản Bon, tháng 3 năm 2017

Phụ lục 3

CÂU HỎI PHỎNG VẤN VÀ NGƯỜI THAM GIA TRẢ LỜI

3.1. Câu hỏi phỏng vấn

Câu 1: Ông (bà) cho biết bản Bon có điều gì hấp dẫn khách du lịch?

Câu 2: Người dân bản bon có thích ở nhà sàn truyền thống không?

Câu 3: Huyện có biện pháp gì phát triển du lịch ở bản Bon.?

Câu 4: Xã có biện pháp gì?

Câu 5: Bản có biện pháp gì?

Câu 6: Khó khăn của bản Bon trong việc giữ gìn di sản văn hóa Thái là gì?

Câu 7: Khó khăn trong khai thác di sản văn hóa phục vụ du lịch ở bản Bon là gì?

3.2. Danh sách người tham gia phỏng vấn

- Ông Là Văn Phong: chủ doanh nghiệp Du lịch Sinh thái Quỳnh Nhai
- Ông Lò Văn Tuấn: người dân sống tại bản Bon
- Ông Lò Văn Păng: 42 tuổi, người dân sống tại bản Bon
- Bà Mè Thị Nhất: 54 tuổi, người dân sống tại bản tái định cư bản Bon
- Bà Điều Thị Hoa: chủ cửa hàng tạp hóa, người dân sống tại bản Bon
- Ông Lò Văn Tỉnh: 40 tuổi, lái thuyền phục vụ du khách tại bản Bon
- Bà Sa Hồng Vinh: Giáo viên trường Mầm non xã Mường Chiên
- Ông Điều Chính Hải, người dân sống tại bản Bon

Phụ lục 4

VĂN BẢN

4.1. Nghị quyết số: 22/2016/NQ-HĐND Về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La khóa XIV, kỳ họp thứ 3

Nguồn: HĐND tỉnh Sơn La

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2016/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 14 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng
trên địa bàn tỉnh đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Ngân sách Nhà năm 2015; Luật Du lịch năm 2005;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 360/TTr-UBND ngày 24/11/2016; Báo cáo thẩm tra số 81/BC-VHXH ngày 07/12/2016 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Đối tượng áp dụng:

- Các bản có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng nằm trong Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- Các hộ gia đình tại các bản du lịch cộng đồng có nhu cầu tham gia kinh doanh du lịch cộng đồng.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

2.1. Hỗ trợ đối với bản:

- Hỗ trợ một lần kinh phí xây dựng hệ thống các loại biển báo. Mức hỗ trợ: 15.000.000 đồng/bản.
- Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư hệ thống thu gom, xử lý rác thải tại bản. Mức hỗ trợ: 15.000.000 đồng/bản.
- Hỗ trợ một lần kinh phí xây dựng nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn phục vụ khách du lịch (Theo Quyết định 225/QĐ-TCDL ngày 08 tháng 05 năm 2012 của Tổng cục Du lịch). Mức hỗ trợ: Không quá 30.000.000 đồng/bản.

2.2. Hỗ trợ đối với hộ:

- Hỗ trợ lãi suất tiền vay để các hộ gia đình vay vốn đầu tư phát triển du lịch cộng đồng: mức hỗ trợ bằng mức chênh lệch lãi suất giữa lãi suất cho vay

của các tổ chức tín dụng với lãi suất cho vay đối với chương trình cho vay hộ nghèo của ngân hàng chính sách xã hội. Tối đa 30.000.000 đồng/hộ trong thời gian không quá 36 tháng.

- Hỗ trợ tổ chức tập huấn kỹ năng nghề du lịch cho các hộ kinh doanh du lịch cộng đồng tại bản (gồm: Kỹ năng nghiệp vụ Lễ tân; Thuyết minh viên du lịch; Hướng dẫn viên du lịch; Vận hành Cơ sở lưu trú nhỏ; Nghiệp vụ buồng, đặt, giữ buồng; Chế biến món ăn (Áu, Việt); Phục vụ nhà hàng). Mức hỗ trợ: 35.000.000 đồng/lớp (7 ngày)/bản.

3. Nguồn vốn hỗ trợ: Ngân sách tỉnh cấp bổ sung hằng năm cho ngân sách các huyện, thành phố để triển khai thực hiện chính sách.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng QH, Văn phòng CP; VP Chủ tịch nước;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách Quốc hội;
- Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Ban Công tác đại biểu QH của UBTWQH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT HU; HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh; Lưu trữ tỉnh;
- Đảng uỷ, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu VT, Linh450b.

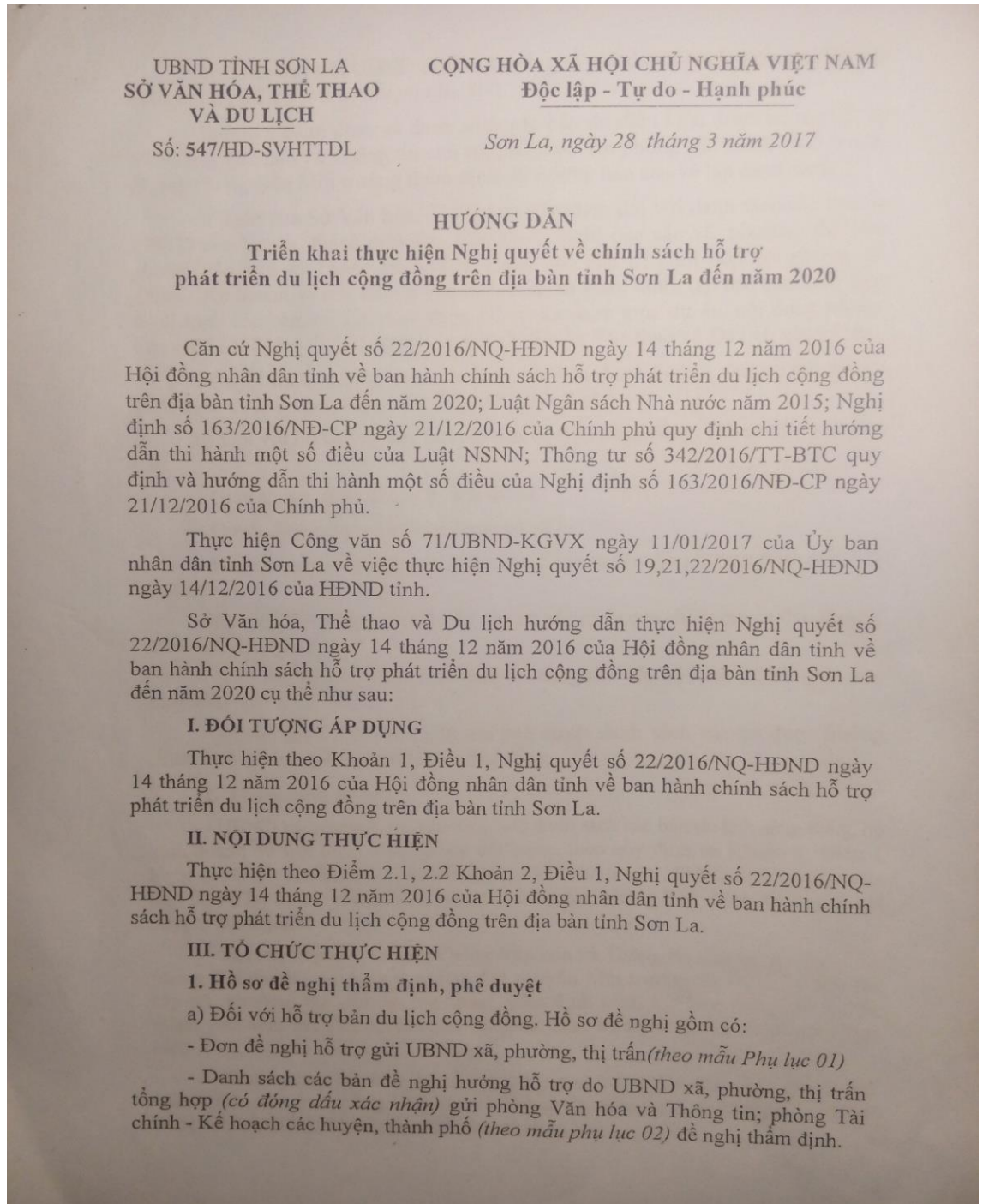
CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Chất

4.2. Dướng dẫn số: 457HD-SVHTTDL ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về *Triển khai thực hiện Nghị quyết về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020.*

Nguồn Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La



- Tờ trình đề nghị UBND huyện, thành phố phê duyệt danh sách các bản/ hộ được hưởng hỗ trợ (theo mẫu phụ lục 03).

- Báo cáo thẩm định và danh sách các bản đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ do Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Tài nguyên Môi trường thẩm định, xây dựng báo cáo và lập danh sách.

- Ý kiến của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với danh sách các bản do UBND các huyện, thành phố lập. Căn cứ đề nghị của các xã, phường, thị trấn, phòng Văn hóa và Thông tin huyện, thành phố chủ trì phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch và các phòng ban có liên quan thẩm định, lập báo cáo kèm theo danh sách các bản, hộ gia đình được hỗ trợ và danh mục dự án, nội dung hỗ trợ, báo cáo UBND huyện, thành phố, gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xin ý kiến.

- Quyết định phê duyệt danh sách các bản được hưởng chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng UBND huyện, thành phố.

b) Đối với hộ trợ hộ dân kinh doanh du lịch cộng đồng. Hồ sơ đề nghị gồm có:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Quyết định công nhận loại, hạng cơ sở lưu trú;

- Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của chính quyền địa phương (theo mẫu Phụ lục 01);

- Phương án hỗ trợ lãi xuất vốn vay có xác nhận của chính quyền địa phương (theo mẫu Phụ lục 05);

- Hợp đồng vay vốn của tổ chức tín dụng đối với hộ kinh doanh (bản sao công chứng);

- Quyết định của UBND huyện phê duyệt danh sách các hộ được hưởng chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng.

2. Thẩm định hồ sơ

- UBND xã, phường, thị trấn tổng hợp danh sách các bản du lịch cộng đồng, hộ kinh doanh du lịch cộng đồng thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh và nộp trực tiếp 02 bộ hồ sơ về phòng Văn hóa và Thông tin; phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thành phố.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Tài nguyên Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn có liên quan thẩm định trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xem xét phê duyệt danh sách các bản, hộ được hỗ trợ để tổ chức thực hiện.

- Trường hợp các bản, hộ không được phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố giao cho phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành phố thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

3. Nghiệm thu

3.1. Sau khi hoàn thành công việc, các bản du lịch cộng đồng, hộ kinh doanh du lịch cộng đồng nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị nghiệm thu gửi phòng Văn hóa và Thông tin, phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, Thành phố tổ chức nghiệm thu.

3.2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Phòng Văn hóa và thông tin có trách nhiệm mời đại diện phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Tài nguyên Môi trường và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi triển khai tiến hành nghiệm thu khối lượng hoàn thành của các hộ, các bản được hỗ trợ theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh.

Cơ quan chủ trì nghiệm thu lập biên bản nghiệm thu, có chữ ký của các đại diện tham gia nghiệm thu; mỗi thành viên tham gia nghiệm thu được giữ 01 bản, bản, hộ được giữ 02 bản làm căn cứ pháp lý để giải ngân khoản hỗ trợ.

3.3. Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- Đơn đề nghị nghiệm thu của bản hoặc đại diện hộ gia đình (*Phụ lục 05*)
- Quyết định của UBND huyện, Thành phố phê duyệt danh sách các bản, hộ được hưởng chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng.
- Báo cáo kết quả đã triển khai.
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành của Hội đồng nghiệm thu.

IV. LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ, CẤP PHÁT VÀ QUYẾT TOÁN NGUỒN KINH PHÍ

1. Lập dự toán

- Căn cứ hồ sơ nêu tại Điểm 1, Phần III, UBND huyện, thành phố giao phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch, lập hồ sơ xây dựng dự toán kinh phí, trình UBND huyện, thành phố phê duyệt, gửi Sở Tài chính thẩm định. Thời gian lập và gửi hồ sơ dự toán thẩm định cùng với thời điểm lập dự toán thu, chi ngân sách hàng năm.

- Căn cứ hồ sơ dự toán do các huyện, thành phố lập, Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ trong dự toán ngân sách hàng năm.

2. Phân bổ, quản lý và sử dụng dự toán

- Căn cứ dự toán UBND tỉnh giao, phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố chủ trì phối hợp với phòng Văn hóa và Thông tin lập phương án phân bổ, trình UBND huyện, thành phố trình HĐND huyện, thành phố phê duyệt, giao dự toán cho các đơn vị, UBND xã, phường, thị trấn quản lý, chi trả cho các bản, hộ gia đình theo danh sách và mức hỗ trợ đã được phê duyệt.

- Các đơn vị được giao quản lý kinh phí, UBND xã, phường, thị trấn; căn cứ kinh phí được giao, tổ chức cấp kinh phí cho các bản, hộ gia đình được hưởng theo

mức hỗ trợ và danh sách đã được phê duyệt, tổng hợp, lập báo cáo quyết toán gửi phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Văn hóa và Thông tin huyện, thành phố.

3. Quyết toán kinh phí

- Việc quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- UBND xã, phường, thị trấn quyết toán với phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố; phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố quyết toán với Sở Tài chính.

4. Công khai kinh phí

- Thực hiện theo quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Nội dung: Công khai đối tượng hỗ trợ, công khai kinh phí hỗ trợ, công khai quyết toán kinh phí.

- Địa điểm công khai: Thực hiện theo quy định hiện hành.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Hàng năm Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và cho ý kiến với UBND các huyện, thành phố về danh sách các bản, hộ gia đình có đủ điều kiện hưởng hỗ trợ từ Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh thông báo đến các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng, 01 năm của các huyện, thành phố trên địa bàn gửi UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Hàng năm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp, thẩm định kinh phí thực hiện Nghị quyết của UBND các huyện, thành phố trình HĐND, UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Căn cứ dự toán được HĐND quyết nghị, UBND tỉnh quyết định, thực hiện cấp phát và quyết toán kinh phí hỗ trợ cho UBND các huyện, thành phố theo quy định của Luật NSNN và cơ chế điều hành ngân sách hàng năm.

3. UBND xã, phường, thị trấn

- Tổng hợp danh sách các bản du lịch cộng đồng, hộ kinh doanh du lịch cộng đồng trình UBND huyện, Thành phố phê duyệt.

- Phối hợp kiểm tra, nghiệm thu các nội dung được hỗ trợ cho bản du lịch cộng đồng, hộ kinh doanh du lịch cộng đồng.

4. UBND cấp huyện

- Hàng năm lập dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình HĐND, UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Quyết định phê duyệt danh sách các bản, hộ được hưởng hỗ trợ để tổ chức thực hiện.

- Báo cáo kết quả thực hiện hiện 6 tháng, hàng năm gửi UBND tỉnh qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định.

4. Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, thành phố

- Chủ trì thẩm định danh sách các bản, hộ được hỗ trợ đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho ý kiến và trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xem xét quyết định phê duyệt.

- Hàng năm tổng hợp kinh phí hỗ trợ các bản, hộ trình UBND cấp huyện xem xét đề nghị UBND tỉnh quyết định hỗ trợ.

- Lập báo cáo thẩm định, danh sách các bản, hộ đề nghị hỗ trợ, biên bản nghiệm thu trình UBND cấp huyện xem xét quyết định.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, Thành phố: Thực hiện cấp phát, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đảm bảo theo đúng quy định của Luật NSNN.

Trên đây là Hướng dẫn liên ngành thực hiện Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn vướng mắc, đề nghị các sở, ngành, đơn vị có liên quan, các doanh nghiệp và hợp tác xã, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu VT, QL DL (20b).

GIÁM ĐỐC



Dương Văn Hùng